

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên ngành, nghề: Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại**

**Mã ngành, nghề: 6220204**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;**

**Thời gian đào tạo: 3 năm**

### **I. Mục tiêu đào tạo**

Chương trình đào tạo cao đẳng ngành/ nghề “Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại” nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật làm việc trong lĩnh vực phiên dịch tiếng Nhật về kinh tế và thương mại;

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng: Độc lập thực hiện các nghiệp vụ phiên dịch tiếng Nhật về kinh tế và thương mại, có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm; vận dụng được những kiến thức kinh doanh thương mại, kiến thức công nghệ thông tin, kiến thức pháp luật để thực hiện công việc; có khả năng sáng tạo, ứng dụng các công nghệ để giải quyết các tình huống kỹ thuật phức tạp trong nghiệp vụ của mình.. Sau khi tốt nghiệp, người học phải có trình độ B1 của CEFR (Common European Framework of Reference for Language- Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu), hay Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam; hay chứng chỉ bằng N3 của JLPT (Japanese Language Proficiency Test - Kỳ thi năng lực tiếng Nhật do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (JF) phối hợp với Tổ chức Dịch vụ và Trao đổi Giáo dục Nhật Bản (JEES) tổ chức thi).

Người học có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn;

Người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành/ nghề “Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại” có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng thực hành nghề vững vàng theo định hướng ngành/ nghề được đào tạo, đáp ứng được những yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế với các yêu cầu cụ thể như sau:

#### **1. Kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp:**

- *Kiến thức:*

+ Có khả năng hiểu được cách nói, cách viết trong các tình huống cụ thể, cũng như có thể thực hiện các bài viết để trình bày, tổng hợp, nghiên cứu... liên quan đến lĩnh vực kinh tế, thương mại.

+ Nắm được những kiến thức cơ bản quan trọng về những đặc trưng ngôn ngữ của tiếng Nhật như: kiến thức về ngữ âm (hệ thống âm, nhịp, trọng âm...), kiến thức về từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Nhật (phân loại theo cấu tạo, nguồn gốc, từ đa nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa...) và kiến thức về ngữ pháp tiếng Nhật.

+ Có kiến thức về kỹ năng giao tiếp cũng như văn hóa ứng xử với người Nhật Bản nói chung và giao tiếp trong văn phòng nói riêng;

+ Nắm được các kiến thức cơ bản về đất nước con người, xã hội, kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa của người Nhật Bản;

+ Có kiến thức về một số môn học chuyên ngành thương mại, kế toán, công nghệ thông tin...

+ Nắm các kiến thức cơ bản về kinh tế, thương mại như kinh tế học, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản, kinh tế Nhật Bản, văn hóa kinh doanh của Nhật Bản, marketing quốc tế, pháp luật thương mại quốc tế...;

+ Có hiểu biết về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị của Nhật Bản.

- *Kỹ năng:*

+ Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau;

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo;

+ Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

+ Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và đặc biệt là kỹ năng tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp;

+ Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới;

+ Có khả năng ghi nhớ thông tin và truyền đạt lại thông tin của phát ngôn một cách chính xác và dễ hiểu trong hoạt động phiên dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt và ngược lại;

+ Có khả năng sử dụng các công cụ hỗ trợ, kỹ thuật liên quan trong biên dịch và phiên dịch;

+ Có khả năng xử lý về mặt tâm lý nghề nghiệp khi tham gia các hoạt động phiên dịch;

+ Có khả năng xử lý và biên tập các bản dịch trong hoạt động biên dịch; Có kỹ năng xem xét một yêu cầu phiên dịch hoặc một hợp đồng dịch để quyết định có đảm nhận thực thi công việc đó hay không;

+ Có kỹ năng chuẩn bị kiến thức và tâm lý trước để thực hiện các hợp đồng biên-phiên dịch hiệu quả;

+ Có khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng về chất lượng bản dịch cũng như tiến độ dịch.

+ Có năng lực sử dụng tiếng Nhật và có kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết vững vàng bằng tiếng Nhật trong văn phòng và giao dịch trong môi trường kinh tế, thương mại;

+ Có kỹ năng - kỹ thuật nghiệp vụ phiên dịch và biên dịch tiếng Nhật, có khả năng biên-phiên dịch trong lĩnh vực chính trị, xã hội và đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, thương mại;

+ Nắm vững kiến thức cơ bản về giao dịch Thương mại quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế, kinh tế học, kinh tế Nhật Bản, kiến thức tiếng Nhật chuyên ngành trong lĩnh vực này để phục vụ các mục đích nghề nghiệp;

+ Có kiến thức kinh tế, thương mại cần thiết để thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế; hiểu biết về văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục, văn hóa kinh doanh của Nhật Bản và Việt Nam;

+ Có thể thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh thương mại trong môi trường có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh thương mại với Nhật Bản. Có thể vận dụng được kiến thức để đưa ra các quyết định phù hợp trong các tình huống công việc, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại;

+ Có khả năng làm việc theo nhóm và kỹ năng hợp tác trong tác nghiệp.

## **2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng**

- *Chính trị, đạo đức:*

+ Trình bày được một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trình bày được đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Tuân thủ các qui định của pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Tuân thủ các qui định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Tuân thủ các qui chế học tập, có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- *Thể chất, quốc phòng:*

+ Rèn luyện để có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Vận dụng được một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, điền kinh, bóng chuyền;

+ Nêu được các kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Vận dụng kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Chấp hành kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

## **3. Cơ hội việc làm:**

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành/nghề “Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại”, với năng lực chuyên môn, khả năng ngoại ngữ tốt, sinh viên tốt nghiệp có thể tự tin tham gia thị trường lao động hội nhập với nhiều cơ hội như:

+ Có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc như: chuyên viên văn phòng và quan hệ công chúng trong các tổ chức, công ty, văn phòng đại diện, cơ quan có sử dụng tiếng Nhật trong giao dịch kinh doanh.

+ Có thể đảm nhận công việc của chuyên viên quan hệ quốc tế và đối ngoại tại các doanh nghiệp, các cơ quan truyền thông, các tổ chức kinh tế xã hội của Việt Nam và quốc tế.

+ Có thể trở thành trợ lý, thư ký giám đốc cho các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam hoặc tại Nhật.

+ Có thể học liên thông lên bậc Đại học.

## II. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 42
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2495 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2060 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 909 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1384

## III. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>18</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH 01	Giáo dục Chính trị	3	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	5	120	42	72	6
<b>II</b>	<b><i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i></b>	<b>85</b>	<b>2060</b>	<b>752</b>	<b>1129</b>	<b>179</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</b>	<b>18</b>	<b>390</b>	<b>179</b>	<b>181</b>	<b>30</b>
MH7	Kỹ năng mềm	3	75	15	56	4
MĐ8	Nghe tiếng Nhật 1	2	45	26	15	4
MĐ9	Nói tiếng Nhật 1	2	45	26	15	4
MĐ10	Đọc tiếng Nhật 1	2	45	26	15	4

MĐ11	Viết tiếng Nhật 1	2	45	26	15	4
MĐ12	Thực hành tiếng Nhật 1	2	45	6	35	4
MĐ13	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	28	0	2
MĐ14	Marketing căn bản	3	60	26	30	4
<b>II.2.</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</b>	<b>61</b>	<b>1580</b>	<b>549</b>	<b>888</b>	<b>143</b>
MĐ15	Nghe tiếng Nhật 2	2	45	26	15	4
MĐ16	Nói tiếng Nhật 2	2	45	26	15	4
MĐ17	Đọc tiếng Nhật 2	2	45	26	15	4
MĐ18	Viết tiếng Nhật 2	2	45	26	15	4
MĐ19	Thực hành tiếng Nhật 2	2	45	6	35	4
MĐ20	Nghe tiếng Nhật 3	2	45	26	15	4
MĐ21	Nói tiếng Nhật 3	2	45	26	15	4
MĐ22	Đọc tiếng Nhật 3	2	45	26	15	4
MĐ23	Viết tiếng Nhật 3	2	45	26	15	4
MĐ24	Thực hành tiếng Nhật 3	2	45	6	35	4
MĐ25	Nghe tiếng Nhật 4	2	45	26	15	4
MĐ26	Nói tiếng Nhật 4	2	45	26	15	4
MĐ27	Đọc tiếng Nhật 4	2	45	26	15	4
MĐ28	Viết tiếng Nhật 4	2	45	26	15	4
MĐ29	Thực hành tiếng Nhật 4	2	45	6	35	4
MĐ30	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1	2	45	26	15	4
MĐ31	Thực hành văn bản Tiếng Việt	3	60	15	39	6
MĐ32	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2	2	45	26	15	4

MĐ33	Đàm thoại văn hóa - xã hội Nhật Bản	2	45	26	15	4
MĐ34	Đọc hiểu văn hóa - xã hội Nhật Bản	2	45	15	26	4
MĐ35	Nghe hiểu văn hóa - xã hội Nhật Bản	2	45	15	26	4
MĐ36	Thực hành văn bản tiếng Nhật 1	2	45	6	35	4
MĐ37	Thực hành văn bản tiếng Nhật 2	2	45	6	35	4
MH38	Quản trị doanh nghiệp	3	45	42	0	3
MH39	Kinh tế thương mại	3	45	42	0	3
MĐ40	Thực tập tốt nghiệp	8	440	0	397	43
<b>II.3.</b>	<b>Các môn học tự chọn (Sinh viên chọn thêm 2 trong số 5 môn học)</b>	<b>6</b>	<b>90</b>	<b>24</b>	<b>60</b>	<b>6</b>
MH41	Kinh tế học căn bản	3	45	12	30	3
MH42	Tài chính - Tiền tệ	3	45	12	30	3
MH43	Bảo hiểm	3	45	12	30	3
MH44	Tài chính quốc tế	3	45	12	30	3
MH45	Thanh toán và tín dụng Quốc tế	3	45	12	30	3
<b>Tổng cộng:</b>		<b>103</b>	<b>2495</b>	<b>909</b>	<b>1384</b>	<b>202</b>

#### **IV. Hướng dẫn sử dụng chương trình:**

##### **4.1. Các môn học chung**

Thực hiện theo đúng các chương trình môn học hiện hành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc phối hợp với Bộ/ ngành liên quan tổ chức xây dựng và ban hành.

##### **4.2. Các môn học tự chọn**

Chương trình có 5 môn học/ mô đun tự chọn, mỗi môn học/ mô đun 3 tín chỉ (45 giờ). Sinh viên phải chọn 2 môn học/ mô đun trong tổng số 5 môn học/ mô đun, tương đương với thời lượng là 6 tín chỉ.

### **4.3. Cách thức tổ chức đào tạo**

Chương trình đào tạo có thể tổ chức đào tạo theo niên chế hoặc tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ do Hiệu trưởng quyết định cho từng lớp học, từng khoá học hoặc từng ngành học.

### **4.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện Nhà trường dành thời gian cho các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

- Quản lý, giáo dục sinh viên ngoài giờ;
- Tổ chức cho sinh viên tới thăm quan, tìm hiểu tại một số doanh nghiệp liên quan phù hợp với nghề đào tạo;
- Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động Đoàn; các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền,... các câu lạc bộ ngoại ngữ; các phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn: ngày quốc khánh 2/9, ngày giải phóng thủ đô 10/10, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đảng 03/02, ngày thành lập Đoàn 26/03, ngày chiến thắng 30/04 và quốc tế lao động 1/5, ngày sinh nhật Bác 19/05.
- Mặt khác có thể tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động xã hội như: Hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai - lũ lụt, thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh hoặc tuyên truyền phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội, tổ chức giao lưu kết nghĩa giữa Nhà trường với địa phương...

### **4.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun**

- Thi kết thúc môn học, mô đun thực hiện đối với tất cả các môn học, mô đun sau khi kết thúc môn học, mô đun.

- Thời gian tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun phải thực hiện theo điều 12, của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun được qui định cụ thể trong chương trình môn học, mô đun theo những hình thức sau:

- + Tự luận / Vấn đáp / Thực hành
- + Tự luận + Thực hành
- + Tự luận + Trắc nghiệm
- + Vấn đáp + Thực hành

(Tùy theo tính chất của môn học, mô đun)

- Thời gian làm bài:

+ Lý thuyết: từ 60 - 120 phút; trường hợp thi vấn đáp: 20 phút chuẩn bị + 15 phút trả lời.

+ Thực hành: từ 2 - 4 giờ

- Cách tính điểm được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình môn học, mô đun và được thống nhất như sau:

+ Điểm quá trình (QT) là điểm trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ có trọng số 0,4 (40%), trong đó:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên (TX) có hệ số 1 (là các điểm do giảng viên kiểm tra đột xuất hoặc chấm điểm bài tập, thảo luận, tiểu luận...) và được tính trung bình các lần kiểm tra để lấy 1 đầu điểm.

+ Điểm kiểm tra định kỳ (ĐK) có hệ số 2 (là điểm của các bài kiểm tra được quy định trong chương trình môn học) và được tính trung bình các bài kiểm tra để lấy 1 đầu điểm.

+ Điểm QT =  $(TX + 2*ĐK)/3$

+ Điểm thi kết thúc môn học (T): có trọng số 0,6 (60%)

+ Điểm tổng kết môn học (Điểm TK) =  $0,4*QT + 0,6*T$

#### **4.6. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp**

##### **4.6.1. Đối với đào tạo theo niên chế**

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

- Hình thức và thời gian thi:

<b>Số TT</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Hình thức thi</b>	<b>Thời gian thi</b>
1	Chính trị	Viết	120 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	180 - 240 phút

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành (với khối ngành công nghệ) hoặc cử nhân thực hành (với khối ngành kinh tế) theo quy định của trường.

##### **4.6.2. Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ**

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành (với khối ngành công nghệ) hoặc cử nhân thực hành (với khối ngành kinh tế) cho người học.

#### **4.7. Các chú ý khác**

- Môn học bắt buộc là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;



- Môn học tự chọn là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số môn học quy định cho mỗi chương trình.

- Chương trình cần được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tổng số tiết học theo quy định. Thứ tự giảng dạy các môn học môn học phải thoả mãn điều kiện tiên quyết và vị trí môn học (môn học tiên quyết là đăng ký môn học, mô đun trước thì được đăng ký môn học, mô đun tiếp theo).

- Kết quả của các môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung của học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và xếp loại tốt nghiệp của sinh viên, nhưng là một trong những điều kiện để xét dự thi tốt nghiệp và xét tốt nghiệp. Kết thúc môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh nếu đạt yêu cầu thì người học được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.

- Một giờ học thực hành/ tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

- Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

- Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

**Phụ lục 4: SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NĂM THỨ NHẤT		NĂM THỨ HAI		NĂM THỨ BA	
Tin học	Giáo dục Chính trị	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Nghe tiếng Nhật 4	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Pháp luật	Nói tiếng Nhật 4	Độc hiểu văn hóa - xã hội Nhật Bản	Môn tự chọn 2
Tiếng Anh	Nghe tiếng Nhật 2	Thực hành văn bản tiếng Việt	Đọc tiếng Nhật 4	Đàm thoại văn hóa - xã hội Nhật Bản	Thực tập tốt nghiệp
Nghe tiếng Nhật 1	Nói tiếng Nhật 2	Nghe tiếng Nhật 3	Viết tiếng Nhật 4	Nghe hiểu văn hóa - xã hội Nhật Bản	
Nói tiếng Nhật 1	Đọc tiếng Nhật 2	Nói tiếng Nhật 3	Thực hành tiếng Nhật 4	Thực hành văn bản tiếng Nhật 2	
Đọc tiếng Nhật 1	Viết tiếng Nhật 2	Đọc tiếng Nhật 3	Marketing căn bản	Quản trị doanh nghiệp	
Viết tiếng Nhật 1	Thực hành tiếng Nhật 2	Viết tiếng Nhật 3	Kỹ năng giao tiếp	Thực hành văn bản tiếng Nhật 1	
Thực hành tiếng Nhật 1	Dẫn luận ngôn ngữ	Thực hành tiếng Nhật 3		Môn tự chọn 1	

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Giáo dục Chính trị**

**Mã môn học: MH01**

**Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ)**

### I. Vị trí, tính chất của môn học

#### 1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

#### 2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa,	10	5	5	

	con người ở Việt Nam				
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>41</b>	<b>29</b>	<b>05</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### BÀI MỞ ĐẦU

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

#### 2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

### Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

#### 2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

### Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

## **2. Nội dung**

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

## **Bài 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

### **2. Nội dung**

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

## **Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

### **2. Nội dung**

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

- 2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp
- 2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
- 2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
- 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- 2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
- 2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
- 2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- 2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội
- 2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
- 2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
- 2.2.6. Xây dựng nên dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
- 2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
- 2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

## **Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
- 2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
- 2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội
- 2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

## **Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

## **Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **2. Nội dung**

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

## **Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### **2. Nội dung**

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

## **Bài 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

## **2. Nội dung**

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

## **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TTr-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

## **VII. Một số hướng dẫn khác**

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.



4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Pháp luật**

**Mã môn học: MH02**

**Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)**

### I. Vị trí, tính chất của môn học

#### 1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### 2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>18</b>	<b>10</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1:

#### MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

##### 1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

##### 2. Nội dung

- 2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
  - 2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
  - 2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
  - 2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- 2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam
  - 2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật
    - 2.2.1.1. Quy phạm pháp luật
    - 2.2.1.2. Chế định pháp luật
    - 2.2.1.3. Ngành luật
  - 2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam
  - 2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
    - 2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật
    - 2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

## **Bài 2: HIẾN PHÁP**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
  - 2.1.1. Khái niệm hiến pháp
  - 2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
  - 2.2.1. Chế độ chính trị
  - 2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
  - 2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

## **Bài 3: PHÁP LUẬT DÂN SỰ**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
  - 2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
  - 2.3.2. Hợp đồng

## **Bài 4: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
  - 2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
  - 2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
  - 2.3.3. Hợp đồng lao động
  - 2.3.4. Tiền lương
  - 2.3.5. Bảo hiểm xã hội
  - 2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
  - 2.3.7. Kỷ luật lao động
  - 2.3.8. Tranh chấp lao động
  - 2.3.9. Công đoàn

**Bài 5:**  
**PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH**

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

**2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
  - 2.2.1. Vi phạm hành chính
  - 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

**Bài 6:**  
**PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

**2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
  - 2.2.1. Tội phạm
  - 2.2.2. Hình phạt

**Bài 7:**  
**PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

**2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

**Bài 8:**  
**PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**2. Nội dung**

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

#### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

#### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo

Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).

14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.

18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.

20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.

22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.

23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Giáo dục Thể chất**

**Mã môn học: MH03**

**Thời gian thực hiện:** 60 giờ (LT: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất

#### 1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

#### 2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<b>BÀI MỞ ĐẦU</b>	1	1		
II	<b>Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG</b>				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2
III	<b>Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)</b>	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
	<b>Cộng</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>51</b>	<b>4</b>

#### 2. Nội dung chi tiết



## BÀI MỞ ĐẦU

### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:  
Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

### 2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất môn học
- 2.2. Mục tiêu của môn học
- 2.3. Nội dung chính
- 2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

## Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

### Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:  
- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;  
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản
- 2.2. Thể dục tay không liên hoàn
  - 2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn
  - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
- 2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
  - 2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
  - 2.3.2. Các động tác kỹ thuật

### Bài 2: ĐIỀN KINH

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:  
- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;  
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Chạy cự ly ngắn
  - 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn
  - 2.1.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn
- 2.2. Chạy cự ly trung bình
  - 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình
  - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình
- 2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa  
Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.
  - 2.3.1. Nhảy cao
    - 2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

- 2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật
- 2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao
- 2.3.2. Nhảy xa
- 2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa
- 2.2.2.2. Các động tác kỹ thuật
- 2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

## **Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN** (Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

### **Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bơi lội
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi
  - 2.2.2. Động tác chân và tay
  - 2.2.3. Phối hợp tay - chân
  - 2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở
  - 2.2.5. Kỹ thuật xuất phát
  - 2.2.6. Kỹ thuật quay vòng
  - 2.2.7. Kỹ thuật về đích
- 2.3. Một số quy định của Luật bơi

### **Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Cầu lông
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt
  - 2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm
  - 2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay
  - 2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay
  - 2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ
  - 2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)
  - 2.2.7. Kỹ thuật đập cầu
  - 2.2.8. Chiến thuật thi đấu
- 2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

### **Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyên;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyên.

## **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyên

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyên bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyên bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyên

## **Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng

rổ;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực

2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

## **Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng

đá;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân

2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân

- 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

## **Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật líp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

## **Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC**

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

### 3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

### V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

### VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

### Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.

13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Giáo dục quốc phòng - an ninh**

**Mã môn học: MH04**

**Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)**

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

#### **1. Vị trí**

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

#### **2. Tính chất**

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

### **II. Mục tiêu môn học**

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

#### **1. Về kiến thức**

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

#### **2. Về kỹ năng**

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

#### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1



STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	<b>CỘNG</b>	<b>75</b>	<b>36</b>	<b>35</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1:

#### NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

##### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

##### 2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

### Bài 2:

#### PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH", BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

##### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

##### 2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

### **Bài 3:**

## **XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

### **2. Nội dung**

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

## **Bài 4:** **XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
  - 2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
  - 2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia
- 2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.5. Thảo luận

## **Bài 5:** **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc
  - 2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc
  - 2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam
- 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo
  - 2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo
  - 2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam
- 2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam
  - 2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước
  - 2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước
  - 2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- 2.4. Thảo luận

## **Bài 6:** **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm
  - 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
  - 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
  - 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
  - 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
  - 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
  - 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
  - 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận

## **Bài 7:** **ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
  - 2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam
  - 2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
  - 2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
  - 2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước
  - 2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

## **Bài 8: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **2. Nội dung**

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

## **Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

## **2. Nội dung**

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

## **Bài 10:**

### **KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, Củng cố QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

#### **2. Nội dung**

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

## **Bài 11:** **ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

### **2. Nội dung**

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

## **Bài 12:** **GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;

- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

### **2. Nội dung**

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn  $\Phi$ -1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn  $\Phi$ -1

2.3. Thực hành

**Bài 13:**  
**KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG**

**1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

**2. Nội dung**

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

**IV. Điều kiện thực hiện môn học**

**1. Địa điểm học tập**

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

**2. Trang thiết bị**

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPĐ, súng diệt tăng

B41;

- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPĐ, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97 luyện tập.



#### 2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

#### 2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

#### 2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

### 3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLDTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
30. Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Tin học**

**Mã môn học: MH05**

**Thời gian thực hiện:** 75 giờ, (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

**1. Vị trí:** Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

**2. Tính chất:** Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

### **II. Mục tiêu của môn học**

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

#### **1. Về kiến thức**

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

#### **2. Về kỹ năng**

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

#### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75</b>	<b>15</b>	<b>58</b>	<b>2</b>

#### 2. Nội dung chi tiết như sau:

#### 2. Nội dung chi tiết

#### Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

##### 1. Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

##### 2. Nội dung

##### 2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

###### 2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

###### 2.1.1.1. Thông tin

###### 2.1.1.2. Dữ liệu

###### 2.1.1.3. Xử lý thông tin

###### 2.1.2. Phần cứng

###### 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

###### 2.1.2.2. Thiết bị nhập

###### 2.1.2.3. Thiết bị xuất

###### 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

##### 2.2. Phần mềm

- 2.2.1. Phần mềm hệ thống
- 2.2.2. Phần mềm ứng dụng
- 2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
- 2.2.4. Phần mềm nguồn mở
- 2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính**
  - 2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
  - 2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ
- 2.4. Mạng cơ bản**
  - 2.4.1. Những khái niệm cơ bản
  - 2.4.2. Internet, Intranet, Extranet
  - 2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng
    - 2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng
    - 2.4.3.2. Tốc độ truyền
    - 2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)
  - 2.4.4. Phương tiện truyền thông
    - 2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
    - 2.4.4.2. Băng thông
    - 2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
  - 2.4.5. Download, Upload
- 2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông**
  - 2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
  - 2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông
- 2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông**
  - 2.6.1. An toàn lao động
  - 2.6.2. Bảo vệ môi trường
- 2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính**
  - 2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu
  - 2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)
- 2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin**
  - 2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ
  - 2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

## **Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Làm việc với hệ điều hành**

- 2.1.1. Windows là gì?
- 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
- 2.1.3. Desktop

- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start
- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

## **2.2. Quản lý thư mục và tập tin**

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

## **2.3. Sử dụng Control Panel**

- 2.3.1. Khởi động Control Panel
- 2.3.2. Region and Language
- 2.3.3. Devices and Printers
- 2.3.4. Programs and Features

## **2.4. Một số phần mềm tiện ích**

- 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
- 2.4.2. Phần mềm diệt virus

## **2.5. Sử dụng tiếng Việt**

- 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
- 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
- 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

## **2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin**

## **2.7. Đa phương tiện**

## **2.8. Sử dụng máy in**

- 2.8.1. Lựa chọn máy in
- 2.8.2. In

# **Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN**

## **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;
- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản**

- 2.1.1. Khái niệm văn bản.
- 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

### **2.2. Sử dụng Microsoft Word**

- 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
  - 2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word
  - 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
- 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

- 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
- 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
- 2.2.2.3. Lưu tập tin
- 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
  - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
  - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
    - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
    - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
    - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
    - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
  - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
  - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
    - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
    - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
    - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
    - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
    - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
  - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
  - 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
  - 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
    - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
    - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
    - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

## **Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)**

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

#### **2.2. Sử dụng Microsoft Excel**

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
  - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
  - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
  - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
  - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
  - 2.2.2.3. Đóng bảng tính



- 2.3. Thao tác với ô**
  - 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
  - 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
  - 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
    - 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
    - 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu
- 2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)**
  - 2.4.1. Dòng và cột
    - 2.4.1.1. Thêm dòng và cột
    - 2.4.1.2. Xóa dòng và cột
    - 2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
  - 2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột
  - 2.4.2. Trang tính
    - 2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính
    - 2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính
    - 2.4.2.3. Mở nhiều trang tính
    - 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính
- 2.5. Định dạng ô, dãy ô**
  - 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
  - 2.5.2. Định dạng văn bản
  - 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 2.6. Biểu thức và hàm**
  - 2.6.1. Biểu thức số học
    - 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
    - 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
    - 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
  - 2.6.2. Hàm
    - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
    - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
    - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
    - 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
    - 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
    - 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
    - 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
    - 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
    - 2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)
- 2.7. Biểu đồ**
  - 2.7.1. Tạo biểu đồ
  - 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ
- 2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính**
  - 2.8.1. Trình bày trang tính để in
  - 2.8.2. Kiểm tra và in
  - 2.8.3. Phân phối trang tính

## **Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình**

- 2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình
- 2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

### **2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint**

- 2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản
  - 2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint
  - 2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản
  - 2.2.1.3. Các thao tác trên slide
  - 2.2.1.4. Chèn Picture
  - 2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox
  - 2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt
  - 2.2.1.7. Chèn Audio, Video
- 2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình
  - 2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng
  - 2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide
  - 2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn
  - 2.2.2.4. Lặp lại trình diễn
  - 2.2.2.5. In bài thuyết trình

## **Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về Internet**

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

#### **2.2. Khai thác và sử dụng Internet**

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
  - 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
  - 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
  - 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
  - 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
  - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

### **2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng**

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

### **2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng**

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

### **1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng**

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

### **2. Trang thiết bị máy móc**

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

### **3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:**

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

### **4. Các điều kiện khác**

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
  - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
  - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: Tiếng Anh**

**Mã môn học: MH06**

**Thời gian thực hiện:** 120 giờ, (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 72 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 6 giờ).

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

**1. Vị trí:** Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

**2. Tính chất:** Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

### **II. Mục tiêu môn học**

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

#### **1. Về kiến thức**

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

#### **2. Về kỹ năng**

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ

hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

## III. Nội dung môn học

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
13	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>120</b>	<b>42</b>	<b>72</b>	<b>6</b>

### 2. Nội dung chi tiết như sau:

#### Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

##### 1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;  
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 2. THỜI GIAN RẼNH RỐI (LEISURE TIME)**

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Các môn thể thao;
- 2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
- 2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
- 2.2.3. Cấu trúc How often...?.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- 2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

- 2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;
- 2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.4. Bài tập True/False.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)**

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;
- 2.1.2. Các tính từ thông dụng;
- 2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;
- 2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- 2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;
- 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

- 2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)**

### **1. Mục tiêu**

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

### **2. Nội dung**



## 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

## 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

## 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

## 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

## 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

## 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

## Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

### 1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

#### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

#### 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

## **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

## **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 6. KỶ NGHỈ (VACATION)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

## **Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go và do*;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
- 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

- 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

- 2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

## **Bài 9. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Lễ hội;

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

## **Bài 10. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;

- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

## **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

## **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

## **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

## **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

### **Bài 11. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)**

#### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

#### **2. Nội dung**

##### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

##### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

##### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

##### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

##### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

##### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

### **Bài 12. MUA SẮM (SHOPPING)**

#### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

### **1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng**

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;

- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

### **2. Trang thiết bị máy móc**

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

### **3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

### **4. Các điều kiện khác**

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung**

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

## **2. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại [Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH](#) ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học**

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

### **2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học**

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại [Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH](#) của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

### **3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

#### **4. Tài liệu tham khảo**

1. [Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.

2. [Quyết định số 1982/QĐ-TTg](#) ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. [Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH](#) ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. [Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH](#) ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Kỹ năng mềm

**Mã số môn học:** MH06

**Thời gian thực hiện môn học:** 75 giờ (Lý thuyết: 15giờ; Thực hành: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học thuộc khối học phần chung trong chương trình đào tạo hệ Cao đẳng. Đối với hệ tuyển THPT học vào kỳ thứ nhất đối với hệ Cao đẳng.

- Tính chất: Là môn học có tính chất quan trọng bởi môn học góp phần cho sự thành công của học sinh trong quá trình học tập và làm việc sau này.

### II. Mục tiêu môn học:

Sau khi học xong học phần Kỹ năng mềm, học sinh có khả năng đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

Định nghĩa được khái niệm giao tiếp; xác định được vai trò của giao tiếp, các hình thức và phương tiện giao tiếp; nêu được các nguyên tắc giao tiếp và ý nghĩa của các nguyên tắc đó trong giao tiếp.

Trình bày được một số kỹ năng mềm trong cuộc sống, cách thức giải quyết các xung đột khi gặp phải và khắc phục những trở ngại trong giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

Xác định được các kỹ năng mềm cơ bản trong tìm kiếm việc làm, tại nơi làm việc và cộng đồng.

- *Về kỹ năng:*

Thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, Làm việc nhóm, Viết CV và phỏng vấn xin việc.

Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp trong gia đình, nhà trường, xã hội, trong tìm kiếm việc làm và tại nơi làm việc.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Người học có thái độ giao tiếp đúng mực, luôn chủ động và tích cực rèn luyện kỹ năng mềm trong cuộc sống.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung học phần	Thời gian (giờ)			
		Tổng	LT	TH	BT/KT
1	Chương 1. Khái quát chung về kỹ năng mềm	06	06	0	0
2	Chương 2. Một số kỹ năng mềm	39	06	31	02

3	Chương 3.Kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc	30	03	25	02
<b>Tổng</b>		<b>75</b>	<b>15</b>	<b>56</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1. Khái quát chung về kỹ năng mềm Thời gian: 06 giờ

\* Mục tiêu:

*Định nghĩa được khái niệm kỹ năng mềm; nêu được đặc điểm của kỹ năng mềm, phân loại được các loại kỹ năng mềm, xác định được tầm quan trọng của Kỹ năng mềm và biết được một số kỹ năng mềm quan trọng đối với học sinh- sinh viên.*

\* Nội dung chương:

#### 1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm

##### 1.1.1. Đặc điểm của Kỹ năng mềm

- a. Kỹ năng mềm không chỉ là biểu hiện của trí tuệ cảm xúc
- b. Kỹ năng mềm không thuộc yếu tố bẩm sinh
- c. Kỹ năng mềm được hình thành bằng con đường trải nghiệm
- d. Kỹ năng mềm góp phần hỗ trợ cho kiến thức và kỹ năng chuyên môn.

##### 1.1.2. Phân loại Kỹ năng mềm

- a. Nhóm Kỹ năng tương tác với con người (Cá nhân với cá nhân; cá nhân với tổ chức).
- b. Nhóm Kỹ năng hỗ trợ cho quá trình làm việc của cá nhân tại một thời điểm, địa bàn và vị trí cụ thể trong nhóm, tổ chức.
- c. Nhóm Kỹ năng trong quan hệ với con người.
- d. Nhóm Kỹ năng thuộc về sự tự chủ trong công việc và những hành vi tích cực trong nghề nghiệp.
- e. Nhóm Kỹ năng hướng vào bản thân.
- f. Nhóm Kỹ năng hướng vào người khác.

##### 1.1.3. Tầm quan trọng của Kỹ năng mềm

#### 1.2. Những kỹ năng mềm quan trọng đối với HS - SV

- 1.2.1. Kỹ năng lắng nghe
- 1.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm
- 1.2.3. Kỹ năng thuyết trình
- 1.2.4. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả
- 1.2.5. Kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc
- 1.2.6. Kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch trong công việc

### Chương 2. Một số kỹ năng mềm Thời gian: 39giờ

\* Mục tiêu:

*Hình thành và thực hiện được một số kỹ năng mềm: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.*

\* Nội dung chương:

## 2.1. Kỹ năng lắng nghe

2.1.1. Lợi ích của việc lắng nghe

2.1.2. Những yếu tố cản trở việc lắng nghe

a. Tốc độ tư duy

b. Sự phức tạp của vấn đề

c. Sự thiếu kiên nhẫn

d. Sự thiếu quan sát bằng mắt

e. Những thành kiến, định kiến tiêu cực

f. Những thói quen xấu khi lắng nghe

2.1.3. Các mức độ lắng nghe và kỹ năng lắng nghe có hiệu quả

a. Các mức độ lắng nghe

b. Kỹ năng lắng nghe có hiệu quả

## 2.2. Kỹ năng thuyết trình

2.2.1. Thuyết trình là gì?

2.2.2. Các bước thuyết trình

2.2.3. Chuẩn bị thuyết trình

2.2.4. Đánh giá đúng bản thân

2.2.5. Tìm hiểu người nghe

2.2.6. Xác định mục đích và mục tiêu của bài nói chuyện

2.2.7. Chuẩn bị bài nói chuyện

2.2.8. Tiến hành thuyết trình

2.2.9. Kết thúc thuyết trình

## 2.3. Kỹ năng làm việc nhóm

2.3.1. Khái niệm

a. Nhóm

b. Nhóm làm việc

c. Quá trình phát triển nhóm

d. Lợi ích của làm việc nhóm

2.3.2. Các nguyên tắc làm việc nhóm

2.3.3. Các kỹ năng làm việc nhóm

a. Kỹ năng giải quyết vấn đề

b. Kỹ năng xử lý mâu thuẫn

c. Kỹ năng lãnh đạo nhóm

\* Thực hành kỹ năng lắng nghe, thuyết trình, làm việc nhóm thông qua bài tập và tình huống bốc thăm ( 31 giờ)

\* Kiểm tra đánh giá: 02 giờ

### **Chương 3. Kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc** Thời gian: 30 giờ

\* Mục tiêu:

*SV thực hành được kỹ năng viết CV và tham dự thành công buổi phỏng vấn giả định. Áp dụng được kiến thức và kỹ năng vào thực tế trong việc tìm kiếm, viết CV và phỏng vấn xin việc làm.*

\* Nội dung chương:

#### 3.1 . Kỹ năng giao tiếp trong tìm kiếm việc làm

##### 3.1.1. Chuẩn bị khi tìm kiếm việc làm

- a. Chuẩn bị khi tìm việc làm
- b. Xác định cơ hội việc làm
- c. Phân tích yêu cầu công việc và năng lực bản thân

##### 3.1.2. Cách thức làm hồ sơ dự tuyển

- a. Cách thức làm hồ sơ
- b. Một số lưu ý khi chuẩn bị hồ sơ
- c. Hướng dẫn cách trình bày CV gây ấn tượng
- d. Những điều tối kỵ khi viết CV

#### 3.2. Kỹ năng trả lời phỏng vấn khi dự tuyển

##### 3.1.1. Ý nghĩa của cuộc phỏng vấn xin việc

##### 3.1.2. Các bước của một cuộc phỏng vấn

##### 3.1.3. Một số lưu ý trong quá trình phỏng vấn

##### 3.1.4. Các câu hỏi thường gặp khi đi phỏng vấn

\* Thực hành kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc thông qua viết CV, đánh giá chéo giữa các SV; Thực hiện cuộc phỏng vấn giả định theo nhóm (25 giờ)

\* **Kiểm tra đánh giá: 02 giờ**

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học: Lớp học thường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, phong chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng, Hồ sơ mẫu, giấy A0, bút dạ, nam châm...

4. Các điều kiện khác: Tùy vào kỹ năng mà giáo viên tự chuẩn bị.

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

- *Kiến thức:*

Định nghĩa được khái niệm giao tiếp; xác định được vai trò của giao tiếp, các hình thức và phương tiện giao tiếp; nêu được các nguyên tắc giao tiếp và ý nghĩa của các nguyên tắc đó trong giao tiếp.

Trình bày được một số kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống, cách thức giải quyết các xung đột khi gặp phải và khắc phục những trở ngại trong giao tiếp.

Xác định được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong tìm kiếm việc làm, tại nơi làm việc và cộng đồng.

- *Kỹ năng:*

Thực hiện được một số kỹ năng giao tiếp: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, Làm việc nhóm, Viết CV và phỏng vấn xin việc.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có thái độ giao tiếp đúng mực, luôn chủ động và tích cực rèn luyện kỹ năng .

2. Phương pháp:

- Tham gia ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học.

- Tham gia kiểm tra và thi kết thúc môn học.

- Điểm đánh giá quá trình gồm có:

+ Kiểm tra thường xuyên: 1 bài

+ Kiểm tra định kỳ: 2 bài

+ Thi kết thúc môn học: 01 bài.

- Thang điểm 10.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho sinh viên các ngành học.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

-Đối với giáo viên:Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, tình huống giả định, hướng dẫn sinh viên hoạt động theo nhóm...

-Đối với người học: Tham dự lớp đầy đủ, nghiên cứu bài ở nhà, trên lớp tích cực tham gia các hoạt động giáo viên đưa ra.

3.Những trọng tâm cần chú ý:Kỹ năng quan trọng: Lắng nghe, thuyết trình, làm việc nhóm, Viết CV và phỏng vấn xin việc.

4.Tài liệu tham khảo:

[1] Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh, TS. Thái Trí Dũng, NXB Thống kê, 2005;

[2] Giao tiếp trong kinh doanh, TS. Vũ Thị Phượng, Dương Quang Huy, NXB Tài chính, 2006;

[3] Bài giảng Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, Bộ môn Phát triển kỹ năng, Trường Đại học Thủy lợi, 2008;

[4] Tài liệu đào tạo Kỹ năng mềm cho Sinh viên – Học viện Nông nghiệp Việt Nam 2016.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** NGHE TIẾNG NHẬT 1

**Mã mô đun:** MĐ8

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học/mô đun chung.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức: + Hiểu văn hóa ứng xử của người Nhật.  
+ Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống đơn giản của xã hội Nhật Bản.

- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong giao tiếp.  
+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để nghe và trả lời các câu hỏi trong bài học.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật (nghe- nói).

+ **Kỹ năng cá nhân** bước đầu làm quen và hình thành kỹ năng nghe nắm ý chính, nghe và ghi chú

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.

+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng mẹ đẻ.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu 1.1. Ôn tập Kana và cách đọc.  1.2. Nghe từ vựng và câu chào hỏi hàng ngày	6	4	2	

2.	Bài 1 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 1 ( task + monдай)	3	2	1	
3.	Bài 2 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 2 ( task + monдай)	4	2	1	1
4.	Bài 3 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 3 ( task + monдай)	3	2	1	
5.	Bài 4 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 4 ( task + monдай)	3	2	1	
6.	Bài 5 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 5 ( task + monдай)	4	2	1	1
7.	Bài 6 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 6 ( task + monдай)	3	2	1	
8.	Bài 7 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 7 ( task + monдай)	4	2	2	

9.	Bài 8 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 8 ( task + monдай)	4	2	1	1
10.	Bài 9 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 9 ( task + monдай)	3	2	1	
11.	Bài 10 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 10 ( task + monдай)	3	2	1	
12.	Bài 11 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 11 ( task + monдай)	5	2	2	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài mở đầu

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Học thuộc bảng chữ Kana, các nguyên tắc đọc.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Ôn tập Kana và cách đọc
    - 2.1.1. Bảng chữ cái Kana
    - 2.1.2. Cách đọc
  - 2.2. Nghe từ vựng và câu chào hỏi hàng ngày
    - 2.2.1. Nghe từ vựng
    - 2.2.2. Câu chào hỏi hàng ngày

### Bài 1:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 1 (task + monдай)

### Bài 2:

Thời gian: 3 giờ



1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 2 (task + monдай)

**Bài 3:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 3 (task + monдай)

**Bài 4:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 4 (task + monдай)

**Bài 5:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 5 (task + monдай)

**Bài 6:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 6 (task + monдай)

**Bài 7:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 7 (task + monдай)

**Bài 8:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 8 (task + monдай)

**Bài 9:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 9 (task + monдай)

**Bài 10:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 10 (task + monдай)

**Bài 11:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 11 (task + monдай)

#### IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
4. Các điều kiện khác:

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá

##### 1. Nội dung:

- Kiến thức: Bảng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

## **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: NÓI TIẾNG NHẬT 1**

**Mã mô đun: MD9**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học/mô đun chung.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Đàm thoại một số các tình huống giao tiếp đơn giản có liên quan về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp

+ Hiểu rõ các từ vựng về văn hóa, xã hội Nhật trình độ sơ cấp

- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để đối thoại, nghe hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đàm thoại

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc giao tiếp bằng tiếng Nhật theo văn phong người Nhật

+ **Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: nhớ và vận dụng từ vựng, ngữ pháp đã học, phát âm rõ, tốt, linh hoạt trong đàm thoại và giao tiếp với người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài, tìm hiểu trước về các bối cảnh đàm thoại trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

+ Tự tin và chủ động trong giao tiếp, biết chấp nhận khó khăn, học hỏi đức tính khiêm tốn, thân thiện với mọi người.

### **III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu 1.1. Bảng chữ Hiragana 1.2. Bảng chữ Katakana	6	4	2	

2.	Bài 1 始めまして	3	2	1	
3.	Bài 2 ほんの気持ちです	4	2	1	1
4.	Bài 3 これをください	3	2	1	
5.	Bài 4 そちらは何時から何時 までですか？	3	2	1	
6.	Bài 5 甲子園へ行きますか？	4	2	1	1
7.	Bài 6 いっしょに行きませんか ？	3	2	1	
8.	Bài 7 ごめんください	3	2	1	
9.	Bài 8 そろそろ失礼します	4	2	1	1
10.	Bài 9 残念です	3	2	1	
11.	Bài 10 チリソースはありますか ？	3	2	1	
12.	Bài 11 これ、お願いします	3	2	1	
13.	Bài 12 お祭りはどうですか？	3	1	1	1

	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>
--	-------------	-----------	-----------	-----------	----------

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài mở đầu**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Học thuộc bảng chữ Kana, các nguyên tắc đọc.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Ôn tập Kana và cách đọc
    - 2.1.1. Bảng chữ cái Kana
    - 2.1.2. Cách đọc
  - 2.2. Nghe từ vựng và câu chào hỏi hàng ngày
    - 2.2.1. Nghe từ vựng
    - 2.2.2. Câu chào hỏi hàng ngày

### **Bài 1:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 1 (task + monдай)

### **Bài 2:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 2 (task + monдай)

### **Bài 3:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 3 (task + monдай)

### **Bài 4:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 4 (task + monдай)

### **Bài 5:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nói bài 5 (task + monдай)

**Bài 6:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nói bài 6 (task + monдай)

**Bài 7:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 7 (task + monдай)

**Bài 8:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nói bài 8 (task + monдай)

**Bài 9:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nói bài 9 (task + monдай)

**Bài 10:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

### 2.3. Nghe bài 10 (task + monдай)

#### **Bài 11:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1. Từ mới

##### 2.2. Ngữ pháp

##### 2.3. Nói bài 11 (task + monдай)

#### **Bài 12:**

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1. Từ mới

##### 2.2. Ngữ pháp

##### 2.3. Nói bài 12 (task + monдай)

### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
4. Các điều kiện khác:

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

#### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nói.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

#### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;



- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo: [1] みんなの日本語初級I – 標準問題集 (*Minna no Nihongo Shokyu I–Hyojunmondaishu*) (NXB 3A Corporation, 2002).

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: ĐỌC TIẾNG NHẬT 1**

**Mã mô đun: MD10**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học/mô đun chung.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức: + Cung cấp số từ vựng tiếng Nhật và ngữ pháp cần thiết để đọc các đoạn văn ngắn bằng tiếng Nhật trong các giáo trình chính đã định.

+ Lý giải được các điểm giống và khác nhau giữa văn hóa hai nước Nhật - Việt.

- Về kỹ năng: + Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp, làm nền tảng cho các học kỳ tiếp theo để mục đích cuối cùng là thi đậu N3.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thông qua việc học tiếng Nhật, giúp sinh viên phát triển tình cảm yêu thích tiếng Nhật, văn hóa Nhật và đất nước con người Nhật Bản.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1  -Bảng chữ cái Hiragana  -Bài khởi động 1: お国はどちらですか? (đất nước của bạn ở đâu)	4	2	2	
2.	Bài 2  -Bảng chữ cái Katakana  -Bài khởi động	4	3	1	

	2:ジュースをお願いします。(cho tôi ly nước trái cây)				
3.	Bài 3-Bài khởi động 3:神戸までいくら? -ミラーさんの毎日 (Mỗi ngày của Mira)	6	3	2	1
4.	Bài 4: お花見(Ngắm hoa Anh đào) 土曜日と日曜日(Thứ bảy và Chủ nhật)	4	3	1	
5.	Bài 5: もらいました・あげました (Cho-Nhận) - ワット先生 (Thầy Watto)	5	3	2	
6.	Bài 6: 町的生活・山的生活( Cuộc sống thành thị- Cuộc sống ở núi ) 山田さんとダンス( Anh Yamada và nhảy múa) - 私のうち (Nhà của tôi)	6	3	2	1
8.	Bài 7: 日本が好きです(Yêu thích Nhật Bản) どこが一番いいですか?(Ở đâu là tốt nhất)	6	3	2	1
9.	Bài 8: 美術館(Viện Bảo tàng Mỹ thuật)	4	3	1	

	いぬの生活 (Cuộc sống của một chú chó)				
11.	Bài 9: 高校生3,958人に聞きました(Đã hỏi 3958 học sinh cấp 3) - てがみ (Một lá thư)	5	3	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Bảng chữ cái Hiragana, các nguyên tắc đọc.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Bảng chữ cái Hiragana
    - 2.1.1. Giới thiệu bảng chữ cái Hiragana
    - 2.1.2. Cách đọc
  - 2.2. Bài khởi động 1: お国はどちらですか? (đất nước của bạn ở đâu)
    - 2.2.1. Đọc từ vựng
    - 2.2.2. Đọc bài khoá

### Bài 2:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Bảng chữ cái Hiragana, các nguyên tắc đọc.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Bảng chữ cái Katakana
    - 2.1.1. Giới thiệu bảng chữ cái Katakana
    - 2.1.2. Cách đọc
  - Bài khởi động 2: ジュースをお願いします。(cho tôi ly nước trái cây)
    - 2.2.1. Đọc từ vựng
    - 2.2.2. Đọc bài khoá

### Bài 3:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

#### 2. Nội dung bài:

Bài khởi động 3: 神戸までいくら?

ミラーさんの毎日 (Mỗi ngày của Mira)

- 2.1. Đọc từ vựng
- 2.2. Đọc bài khoá

**Bài 4:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- お花見(Ngắm hoa Anh đào)
- 土曜日と日曜日(Thứ bảy và Chủ nhật)

- 2.1. Đọc từ vựng
- 2.2. Đọc bài khoá

**Bài 5:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- もらいました・あげました(Cho-Nhận)
- ワット先生 (Thầy Watto)

- 2.1. Đọc từ vựng
- 2.2. Đọc bài khoá

**Bài 6:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 町的生活・山の生活(Cuộc sống thành thị- Cuộc sống ở núi )
- 山田さんとダンス(Anh Yamada và nhảy múa)
- 私のうち (Nhà của tôi)

- 2.1. Đọc từ vựng
- 2.2. Đọc bài khoá

**Bài 7:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 日本が好きです(Yêu thích Nhật Bản)
- どこが一番いいですか?(Ở đâu là tốt nhất)

- 2.1. Đọc từ vựng

## 2.2. Đọc bài khoá

### **Bài 8:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 美術館 (Viện Bảo tàng Mỹ thuật)
- いぬの生活 (Cuộc sống của một chú chó)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

### **Bài 9:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 高校生3,958人に聞きました (Đã hỏi 3958 học sinh cấp 3)
- てがみ (Một lá thư)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

## **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
4. Các điều kiện khác:

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Đọc
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] みんなの日本語初級I。漢字。スリーエーネットワーク。2007。

Minna no Nihongo Shokyuu I. Kanji. Suriie Network. 2007.

[2] みんなの日本語初級I。標準問題集。スリーエーネットワーク。2010。

Minna no Nihongo Shokyuu I. Hyoujun Mondaishu. Suriie Network. 2010.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## Tên mô đun: VIẾT TIẾNG NHẬT 1

Mã mô đun: MĐ11

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học/mô đun chung.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức: + Nhận biết được đặc điểm các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

- Về kỹ năng: + Sử dụng được ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về ngữ pháp sơ cấp ứng dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc dịch văn bản sang tiếng Nhật.

+ **Kỹ năng cá nhân** viết theo văn phong của người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng Nhật.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu Bảng chữ Hiragana, Katakana	4	2	2	
2.	<b>Bài 1:</b> 1.1. Dạng câu khẳng định (～は～です。) 1.2. Dạng câu phủ	4	3	1	



	<p>định (～は～じゃありません。)</p> <p>1.3. Dạng câu nghi vấn (～は～ですか)。</p> <p>1.4. Trợ từ も(mo)</p>				
3.	<p><b>Bài 2:</b></p> <p>2.1. Đại từ chỉ định (これ/それ/あれ)</p> <p>2.2. Tính từ chỉ định (この/その/あの)</p>	4	2	1	1
4.	<p>Bài 3:</p> <p>Đại từ chỉ nơi chốn (ここ/そこ/あそこ; こちら/そちら/あちら)</p>	3	2	1	
5.	<p>Bài 4:</p> <p>4.1. Cách nói giờ, phút</p> <p>4.2. Trợ từ に (ni)</p> <p>4.3. Thì và thể của động từ</p>	4	2	2	
6.	<p>Bài 5:</p> <p>5.1. Động từ di chuyển: đi/đến/về (行きます/来ます/帰ります)</p> <p>5.2. Trợ từ へ・で・と</p>	4	2	1	1
7.	<p>Bài 6:</p> <p>6.1. Trợ từ を(wo)</p> <p>6.2. Mẫu câu rủ rê (いっしょに～ませんか)</p>	3	2	1	

8.	Bài 7: 7.1. Trợ từ で (de) 7.2. Mẫu câu thể hiện sự cho/ nhận	3	2	1	
9.	Bài 8: Tính từ 練習B, 問題、問題集	4	2	1	1
10.	Bài 9: 9.1. Trợ từ が (ga) 9.2. Cấu trúc: Vì...nên... (~から~)	3	2	1	
11.	Bài 10: Động từ chỉ sự tồn tại います/あります	3	2	1	
12.	Bài 11: Số từ 練習B, 問題、問題集	3	2	1	
13.	Bài 12: 12.1. Thì, thể của tính từ và danh từ. 12.2. So sánh hơn (~は~より) 12.3. So sánh nhất (~が いちばん~)	4	2	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài mở đầu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Viết thành thạo bảng chữ Hiragana, Katakana

- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Bài mở đầu
    - Bảng chữ Hiragana, Katakana
    - 2.1.1. Bảng chữ cái Hiragana
    - 2.1.2. Cách đọc
    - 2.1.3. Cách viết
  - 2.2. Bảng chữ cái Katakana
    - 2.2.1. Cách đọc
    - 2.2.2. Cách viết

**Bài 1:** Thời gian: 4 giờ

- 1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, cách sử dụng trợ từ *も*(mo).
- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Dạng câu khẳng định (～は～です。)
  - 2.2. Dạng câu phủ định (～は～じゃありません。)
  - 2.3. Dạng câu nghi vấn (～は～ですか) 。
  - 2.4. Trợ từ *も* (mo)

**Bài 2:** Thời gian: 4 giờ

- 1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các đại từ và tính từ chỉ định
- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đại từ chỉ định (これ／それ／あれ)
  - 2.2. Tính từ chỉ định (この／その／あの)

**Bài 3:** Thời gian: 3 giờ

- 1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...
- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đại từ chỉ nơi chốn (ここ／そこ／あそこ)
  - 2.2. Đại từ chỉ nơi chốn (こちら／そちら／あちら)

**Bài 4:** Thời gian: 3 giờ

- 1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng viết.
- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Cách nói giờ, phút
  - 2.2. Trợ từ *に* (ni)
  - 2.3. Thì và thể của động từ

**Bài 5:** Thời gian: 3 giờ

- 1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe, viết.

2. Nội dung bài:

2.1. Động từ di chuyển: đi/đến/về (行きます/来ます/帰ります)

2.2. Trợ từ へ・で・と

**Bài 6:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

6.1. Trợ từ を(wo)

6.2. Mẫu câu rủ rê (いっしょに～ませんか)

**Bài 7:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu và vận dụng các mẫu câu vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe, viết.

2. Nội dung bài:

7.1. Trợ từ で(de)

7.2. Mẫu câu thể hiện sự cho/ nhận

**Bài 8:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng nghe-viết.

2. Nội dung bài:

Tính từ 練習B, 問題、問題集

**Bài 9:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng nghe-viết.

2. Nội dung bài:

9.1. Trợ từ が(ga)

9.2. Cấu trúc: Vì...nên... (~から~)

**Bài 10:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng nghe-viết.

2. Nội dung bài:

Động từ chỉ sự tồn tại います/あります

**Bài 11:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng nghe-viết.

2. Nội dung bài:

Số từ 練習B,問題、問題集

**Bài 12:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

12.1. Thì, thể của tính từ và danh từ.

12.2. So sánh hơn (~は~より)

12.3. So sánh nhất (~が いちばん~)

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe

4. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bảng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: viết.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

**2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm

- Vấn đáp

**VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo[1] みんなの日本語I初級で読める 25トピック, (Minna nonihongo I Sokyude Yomeru Topic 25) 、(NXB 3A Corporation スリーエーネットワーク、2004) .

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: THỰC HÀNH TIẾNG NHẬT 1**

**Mã mô đun: MD12**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 6 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun: nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 1.
- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

**II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: Nắm rõ ý nghĩa của khoảng 80/240 bộ thủ của chữ Hán 1/3 vị trí các bộ thủ.
- Về kỹ năng: Đọc và hiểu được các bài đọc trình độ sơ cấp với khoảng 300 chữ Hán thông dụng.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sự hứng thú và tự tin trong việc học tiếng Nhật.

**III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu: かなもじ (mẫu tự Hiragana, Katakana) - Đọc mẫu tự - Tập viết mẫu	3		3	

	tự				
2.	<b>Bài 1:</b> Trang 27-28 1.1. Luyện đọc 1.2. Luyện viết 1.3. Luyện dịch 1.4. Làm bài tập	4	1	3	
3.	<b>Bài 2:</b> Trang 29 2.1. Luyện đọc 2.2. Luyện viết 2.3. Luyện dịch 2.4. Làm bài tập	4		3	1
4.	<b>Bài 3:</b> Trang 31-32 3.1. Luyện đọc 3.2. Luyện viết 3.3. Luyện dịch 3.4. Làm bài tập	4	1	3	
5.	<b>Bài 4:</b> Trang 33-34 4.1. Luyện đọc 4.2. Luyện viết 4.3. Luyện dịch 4.4. Làm bài tập	3		3	
6.	<b>Bài 5 :</b> Trang 35-38 5.1. Luyện đọc 5.2. Luyện viết 5.3. Luyện dịch 5.4. Làm bài tập	5	1	3	1
7.	<b>Bài 6:</b> Trang 39-42 6.1. Luyện đọc 6.2. Luyện viết 6.3. Luyện dịch 6.4. Làm bài tập	3		3	

8.	<b>Bài 7:</b> Trang 43-50 7.1. Luyện đọc 7.2. Luyện viết 7.3. Luyện dịch 7.4. Làm bài tập	4	1	3	
9.	<b>Bài 8:</b> Trang 51-54 8.1. Luyện đọc 8.2. Luyện viết 8.3. Luyện dịch 8.4. Làm bài tập	4		3	1
10.	<b>Bài 9:</b> Trang 54-58 9.1. Luyện đọc 9.2. Luyện viết 9.3. Luyện dịch 9.4. Làm bài tập	4	1	3	
11.	<b>Bài 10:</b> Trang 59-62 10.1. Luyện đọc 10.2. Luyện viết 10.3. Luyện dịch 10.4. Làm bài tập	3		3	
12.	<b>Bài 11:</b> Trang 63-66 11.1. Luyện đọc 11.2. Luyện viết 11.3. Luyện dịch 11.4. Làm bài tập	4	1	2	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>6</b>	<b>355</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài mở đầu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Viết thành thạo bảng chữ Hiragana, Katakana

2. Nội dung bài: かなもじ(mẫu tự Hiragana, Katakana)

2.1. Đọc mẫu tự

2.2. Tập viết mẫu tự

### Bài 1:

Thời gian: 4 giờ



1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 27-28
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 2:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 29
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 3:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 31-32
  - 2.5. Luyện đọc
  - 2.6. Luyện viết
  - 2.7. Luyện dịch
  - 2.8. Làm bài tập

**Bài 4:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 33-34
  - 2.9. Luyện đọc
  - 2.10. Luyện viết
  - 2.11. Luyện dịch
  - 2.12. Làm bài tập

**Bài 5:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 35-38
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 6:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 29
  - 2.5. Luyện đọc
  - 2.6. Luyện viết

- 2.7. Luyện dịch
- 2.8. Làm bài tập

**Bài 7:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 43-50
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 8:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 51-54
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 9:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 54-58
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 10:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: 59-62
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 11:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 63-66
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.
4. Các điều kiện khác:

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo[2] みんなの日本語初級I. 文法解説  
ベトナム語版、スリーエーネットワーク、2010.

Minna no Nihongo Shokyuu I. quyển tiếng Việt - Giải thích Ngữ pháp. Suriie Network. 2010.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Dẫn luận ngôn ngữ

**Mã môn học:** MH 13

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học chung.
- Tính chất: Là **môn học** đào tạo nghề bắt buộc.

### II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:
  - + Nắm bắt những khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ và một số vấn đề hữu quan như : giao tiếp, nhận thức, quan hệ ngôn ngữ và tư duy, phân loại ngôn ngữ...
  - + Nắm bắt những khái niệm căn bản về cấu trúc của ngôn ngữ, về từng bộ phận, từng mặt: ngữ âm, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng... của ngôn ngữ.
- Kỹ năng:
  - + Nhận diện được các đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được được giới thiệu.
  - + Thực hiện được một số thao tác cụ thể, đơn giản trong phân tích, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, các bộ phận của ngôn ngữ.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức coi trọng môn học từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.
  - + Yêu thích môn học, luôn có sự tìm tòi học hỏi một cách tự giác.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)
----	-----------------	-----------------

TT		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Những vấn đề chúng về ngôn ngữ và ngôn ngữ học a. Khái niệm Ngôn ngữ b. Bản chất của ngôn ngữ c. Chức năng của ngôn ngữ d. Ngôn ngữ học là gì? e. Đối tượng của Ngôn ngữ học f. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ g. Các quan hệ trong ngôn ngữ h. Các phân ngành của ngôn ngữ học	7	7		
2	Chương 2: Ngữ Âm học 2.1. Đối tượng của Ngữ âm học 2.2. Bản chất và cấu tạo ngữ âm 2.3. Các đơn vị đoạn tính 2.4. Các đơn vị siêu đoạn tính	8	7		1
3	Chương 3: Ngữ pháp học 3.1. Đối tượng nghiên cứu và các phân ngành của Ngữ	7	7		

	pháp học 3.2. Ý nghĩa ngữ pháp 3.3. Phương thức ngữ pháp 3.4. Phạm trù ngữ pháp 3.5. Hình thái học 3.6. Phạm trù từ loại 3.7. Cú pháp học 3.8. Quan hệ cú pháp				
4	Chương 4: Ngữ nghĩa học a. Đối tượng của ngữ nghĩa học b. Ngữ học từ vựng c. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ d. Trường từ vựng e. Nghĩa cú pháp f. Ngữ nghĩa học dụng pháp g. Quan hệ giữa tiền giá định với hàm ý	8	7		1
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>2</b>

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

### **Chương 1 Những vấn đề chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học**

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Nắm được những vấn đề chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm Ngôn ngữ

2.2. Bản chất của ngôn ngữ

2.2.1. Ngôn ngữ - Một hiện tượng xã hội và là một bộ phận quan trọng

của văn hóa

2.2.2. Ngôn ngữ - Hệ thống ký hiệu đặc biệt

2.3. Chức năng của ngôn ngữ

2.3.1. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người

2.3.2. Ngôn ngữ là phương tiện tư duy

2.4. Ngôn ngữ học là gì?

2.5. Đối tượng của Ngôn ngữ học

2.6. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ

2.6.1. Khái niệm hệ thống và cấu trúc

2.6.2. Các yếu tố của hệ thống ngôn ngữ

2.7. Các quan hệ trong ngôn ngữ

2.7.1. Quan hệ kết hợp

2.7.2. Quan hệ đối vị

2.7.3. Quan hệ tôn ti

2.8. Các phân ngành của ngôn ngữ học

## **Chương 2 Ngữ Âm học**

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ âm học.

2. Nội dung chương:

2.1. Đối tượng của Ngữ âm học

2.2. Bản chất và cấu tạo ngữ âm

2.2.1. Về mặt âm học

2.2.2. Độ cao

2.2.3. Độ to

2.2.4. Âm sắc

2.3. Các đơn vị đoạn tính

2.3.1. Âm tố

2.3.1.1. Phụ âm

a. Điểm cấu âm

b. Phương thức cấu âm

2.3.1.2. Nguyên âm

2.3.2. Âm vị

2.3.2.1. Khái niệm đặc trưng khu biệt

2.3.2.2. Khái niệm âm vị

2.3.2.3. Biến thể âm vị

a. Biến thể tự do

b. Biến thể bổ sung

2.4. Các đơn vị siêu đoạn tính

2.4.1. Âm tiết

- 2.4.1.1. Khái niệm và phân loại
- 2.4.1.2. Ranh giới âm tiết
- 2.4.2. Thanh điệu
- 2.4.3. Trọng âm
- 2.4.4. Ngữ điệu

### Chương 3: Ngữ pháp học

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ pháp học.
2. Nội dung chương:
  - 2.1. Đối tượng nghiên cứu và các phân ngành của Ngữ pháp học
  - 2.2. Ý nghĩa ngữ pháp
  - 2.3. Phương thức ngữ pháp
    - 2.3.1. Phương thức ngữ pháp là gì?
    - 2.3.2. Những phương thức ngữ pháp phổ biến
  - 2.4. Phạm trù ngữ pháp
    - 2.4.1. Phạm trù ngữ pháp là gì?
    - 2.4.2. Những phạm trù ngữ pháp cơ bản
  - 2.5. Hình thái học
    - 2.5.1. Hình vị - đơn vị câu tạo từ
      - 2.5.1.1. Hình vị là gì
      - 2.5.1.2. Phương pháp phân xuất hình vị
      - 2.5.1.3. Phân loại hình vị
    - 2.5.2. Từ và phương thức cấu tạo từ
      - 2.5.2.1. Từ là gì?
      - 2.5.2.2. Phương thức tạo từ mới
        - a. Ghép
        - b. Láy
        - c. Phái sinh
        - d. Chuyển loại
        - e. Tạo từ tắt
        - f. Vay mượn
        - g. Trộn từ
  - 2.6. Phạm trù từ loại
    - 2.6.1. Từ loại là gì?
    - 2.6.2. Tiêu chí phân chia từ loại
    - 2.6.3. Những từ loại phổ biến
  - 2.7. Cú pháp học
    - 2.7.1. Ngữ đoạn
      - 2.7.1.1. Ngữ đoạn là gì?



- 2.7.1.2. Phân loại ngữ đoạn
- 2.7.2. Câu
  - 2.7.2.1. Câu là gì?
  - 2.7.2.2. Cấu trúc câu
  - 2.7.2.3. Phân loại câu
- 2.8. Quan hệ cú pháp
  - 2.8.1. Quan hệ cú pháp là gì?
  - 2.8.2. Các kiểu quan hệ cú pháp cơ bản
  - 2.8.3. Cách thức mô tả cấu trúc cú pháp

### **Chương 3: Ngữ nghĩa học**

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa học.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đối tượng của ngữ nghĩa học
- 2.2. Ngữ học từ vựng
  - 2.2.1. Nghĩa và vật sở chỉ
  - 2.2.2. Nghĩa biểu hiện, nghĩa liên hệ và nghĩa liên tưởng
  - 2.2.3. Đa nghĩa và đồng âm
  - 2.2.4. Nét nghĩa
- 2.3. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ
  - 2.3.1. Quan hệ đồng nghĩa
  - 2.3.2. Quan hệ trái nghĩa
  - 2.3.3. Quan hệ bao nghĩa
  - 2.3.4. Quan hệ tổng - phân nghĩa
  - 2.3.5. Quan hệ giao nghĩa
- 2.4. Trường từ vựng
- 2.5. Nghĩa cú pháp
  - 2.5.1. Nghĩa biểu hiện và nghĩa logic - ngôn từ
  - 2.5.2. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu
- 2.6. Ngữ nghĩa học dụng pháp
  - 2.6.1. Hành động ngôn từ
    - 2.6.1.1. Các hành động ngôn từ
    - 2.6.1.2. Câu ngôn hành và vị từ ngôn hành
  - 2.6.2. Nghĩa hàm ẩn. Tiền giả định và hàm ý
    - 2.6.2.1. Tiền giả định
    - 2.6.2.2. Hàm ý

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học chuyên môn
- 2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, loa.

### 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

[1] Hoàng Dũng, Bùi Mạnh Hùng, *Giáo trình dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHSPTp HCM, 2007

[2] Nguyễn Thiện Giáp. *Cơ sở ngôn ngữ học*. NXB. KHXH. Hà Nội, 1998.

[3] Đỗ Hữu Châu: *Đại cương ngôn ngữ học*. Tập II, Ngữ dụng học. NXB. Giáo dục. Hà Nội, 2001.

### 4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**

- Kiến thức: Được đánh giá qua bài kiểm tra viết, trắc nghiệm khách quan đạt được các yêu cầu:

- + Hiểu rõ khái niệm NN, đối tượng nghiên cứu của NNH.
- + Hiểu rõ được sự khác biệt và tương đồng giữa các NN về bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ âm.
- Kỹ năng: Đánh giá thông qua bài tập thực hành đạt các yêu cầu sau:
  - + Nhận diện được đối tượng nghiên cứu ứng với khái niệm được học (nhận diện được hình vị, âm vị...)
  - + Thực hiện một số thao tác phân tích NN đơn giản.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Học song song giữa lý thuyết và thực hành, đưa các bài tập gần với thực tế nhất.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 3, 4.

4. Tài liệu tham khảo:

[1.] Vũ Đức Nghiệu, *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2009.

[2.] Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu Hoàng Trọng Phiến. *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990...2005.

[3.] <http://www.linguistics.ucla.edu/people/Kracht/courses/ling20-fall07/ling-intro.pdf>

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: **MARKETING**

2. Mã môn học: **MD14**

3. Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra.3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau môn Marketing căn bản
- Tính chất: Là môn học tự chọn

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên cần phải nắm vững các nguyên lý cơ bản của triết lý Marketing hiện đại, đặc điểm và điều kiện ứng dụng lý thuyết Marketing trong môi trường kinh doanh của Việt Nam hiện nay.
- Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về Marketing trong nền kinh tế, khái niệm, đặc điểm marketing.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức đúng đắn trong việc đánh giá tầm quan trọng Marketing trong đời sống xã hội. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau ngay từ khi còn là sinh viên

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Chương 1. Tổng quan về Marketing</b> 1.1. Lịch sử ra đời Marketing 1.2. Marketing là gì?	3	3		

	1.3. Mục tiêu và chức năng của Marketing				
2	<b>Chương 2: Phân đoạn thị trường</b> 2.1. Phân đoạn thị trường 2.2. Xác định thị trường mục tiêu 2.3. Chiến lược chiếm lĩnh thị trường 2.4. Định vị hàng hoá trên thị trường	7	4	3	
3	<b>Chương 3. Sản phẩm, hàng hoá trong Marketing</b> 3.1. Khái niệm về sản phẩm, hàng hoá 3.2. Phân loại hàng hoá 3.3. Những quyết định về hàng hoá 3.4. Thiết kế sản phẩm mới	18	9	8	1
4	<b>Chương 4. Chính sách giá cả hàng hoá</b> 4.1. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định giá 4.2. Các phương pháp định giá cơ bản 4.3. Chiến lược giá cho sản phẩm 4.4. Chủ động thay đổi giá bán	11	5	5	1
5	<b>Chương 5. Kênh phân phối sản phẩm</b> 5.1. Khái quát chung về kênh phân phối 5.2. Các thành viên của kênh phân phối 5.3. Cấu trúc kênh phân phối 5.4. Các phương thức phân phối sản phẩm	9	3	6	

	hàng hoá				
6	<b>Chương 6: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp</b> 6.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp (truyền thông Marketing) 6.2. Các bước tiến hành hoạt động truyền thông 6.3. Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp và ngân sách giành cho truyền thông 6.4. Quảng cáo 6.5. Xúc tiến bán 6.6. Tuyên truyền 6.7. Bán hàng cá nhân	12	6	5	1

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1. Tổng quan về Marketing**

Thời gian: 3 giờ

- 1.1. Lịch sử ra đời Marketing
- 1.2. Marketing là gì?
  - 1.2.1. Khái niệm Marketing
  - 1.2.2. Giải thích các thuật ngữ trong khái niệm Marketing
  - 1.2.3. Vai trò của Marketing
- 1.3. Mục tiêu và chức năng của Marketing
  - 1.3.1. Mục tiêu
  - 1.3.2. Chức năng

**Chương 2: Phân đoạn thị trường**

Thời gian: 7 giờ

- 2.1. Phân đoạn thị trường
  - 2.1.1. Khái niệm về thị trường, đoạn thị trường và phân đoạn thị trường
  - 2.1.2. Quan điểm chung về phân đoạn thị trường
  - 2.1.3. Các tiêu chí phân đoạn thị trường
- 2.2. Xác định thị trường mục tiêu
  - 2.2.1. Đánh giá các đoạn thị trường
  - 2.2.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu
- 2.3. Chiến lược chiếm lĩnh thị trường
  - 2.3.1. Marketing không phân biệt
  - 2.3.2. Marketing phân biệt
  - 2.3.3. Marketing trọng điểm
- 2.4. Định vị hàng hoá trên thị trường
  - 2.4.1. Khái niệm
  - 2.4.2. Các loại định vị
  - 2.4.3. Hai chiến lược định vị sản phẩm

**Chương 3. Sản phẩm, hàng hoá trong Marketing**

Thời gian: 18 giờ

- 3.1. Khái niệm về sản phẩm, hàng hoá

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Ba cấp độ của hàng hoá
- 3.2. Phân loại hàng hoá
  - 3.2.1. Hàng hoá lâu bền, hàng hoá sử dụng ngắn hạn, dịch vụ
  - 3.2.2. Các loại hàng hoá tiêu dùng
- 3.3. Những quyết định về hàng hoá
  - 3.3.1. Quyết định về nhãn hiệu hàng hoá
  - 3.3.2. Quyết định về bao bì hàng hoá
  - 3.3.3. Quyết định về chủng loại hàng hoá
  - 3.3.4. Những quyết định về dịch vụ đối với khách hàng
- 3.4. Thiết kế sản phẩm mới
  - 3.4.1. Hình thành ý tưởng
  - 3.4.2. Lựa chọn ý tưởng
  - 3.4.3. Soạn thảo dự án và thẩm định dự án sản phẩm mới
  - 3.4.4. Soạn thảo chiến lược Marketing
  - 3.4.5. Phân tích khả năng sản xuất và tiêu thụ
  - 3.4.6. Thiết kế sản phẩm hàng hoá
  - 3.4.7. Thử nghiệm trong điều kiện thị trường
  - 3.4.8. Triển khai sản xuất đại trà
- 3.5. Chu kỳ sống của sản phẩm
  - 3.5.1. Giai đoạn tung ra thị trường
  - 3.5.2. Giai đoạn phát triển
  - 3.5.3. Giai đoạn chín muồi
  - 3.5.4. Giai đoạn suy thoái

#### **Chương 4. Chính sách giá cả hàng hoá**

Thời gian: 11 giờ

- 4.1. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định giá
  - 4.1.1. Các yếu tố bên trong công ty
  - 4.1.2. Các yếu tố bên ngoài
- 4.2. Các phương pháp định giá cơ bản
  - 4.2.1. Phân loại chi phí
  - 4.2.2. Các phương pháp định giá
- 4.3. Chiến lược giá cho sản phẩm
  - 4.3.1. Chiến lược “hớt phần ngon”
  - 4.3.2. Chiến lược bám chắc thị trường
- 4.4. Chủ động thay đổi giá bán
  - 4.4.1. Chủ động giảm giá
  - 4.4.2. Chủ động tăng giá

#### **Chương 5. Kênh phân phối sản phẩm**

Thời gian: 9 giờ

- 5.1. Khái quát chung về kênh phân phối
  - 5.1.1. Định nghĩa về kênh phân phối
  - 5.1.2. Chức năng của các kênh Marketing
  - 5.1.3. Các dòng chảy trong kênh Marketing
- 5.2. Các thành viên của kênh phân phối
  - 5.2.1. Nhà sản xuất
  - 5.2.2. Góir trung gian
  - 5.2.3. Các tổ chức hỗ trợ
- 5.3. Cấu trúc kênh phân phối
  - 5.3.1. Kênh cấp không

5.3.2.Kênh cấp một

5.3.3.Kênh cấp hai

5.3.4. Kênh cấp ba

5.4. Các phương thức phân phối sản phẩm hàng hoá

## **Chương 6: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp**

Thời gian: 12 giờ

6.1.Khái quát về xúc tiến hỗn hợp(truyền thông Marketing)

6.1.1. Bản chất của xúc tiến hỗn hợp

6.1.2. Các mối liên hệ trong quá trình truyền thông

6.2. Các bước tiến hành hoạt động truyền thông

6.2.1.Xác định người nhận tin

6.2.2.Xác định phản ứng của người nhận tin

6.2.3. Lựa chọn phương tiện truyền thông

6.2.4. Lựa chọn và thiết kế thông điệp

6.2.5. Chọn lọc những thuộc tính của nguồn tin

6.2.6.Thu nhận thông tin phản hồi

6.3. Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp và ngân sách giành cho truyền thông

6.3.1.Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp

6.3.2.Các yếu tố quyết định đến cấu trúc dạng truyền thông hỗn hợp

6.4. Quảng cáo

6.4.1 Xác định mục tiêu quảng cáo

6.4.2. Xác định ngân sách giành cho quảng cáo

6.4.3. Quyết định nội dung truyền đạt

6.4.4. Quyết định phương tiện quảng cáo

6.4.5. Đánh giá chương trình quảng cáo

6.5. Xúc tiến bán

6.6. Tuyên truyền

6.7. Bán hàng cá nhân

## **4. Tài liệu tham khảo:**

- **Sách, giáo trình chính:**

[1]. Giáo trình Marketing - Trường ĐH kinh tế Quốc dân – Hà Nội

- **Sách tham khảo:**

[1]. Philips Kotler, *Marketing căn bản*, NXB Thống kê.

[2]. Marketing – Trường ĐH Ngoại thương

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: NGHE TIẾNG NHẬT 2**

**Mã mô đun: MD15**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 1.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Hiểu văn hóa ứng xử của người Nhật.  
+ Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống đơn giản của xã hội Nhật Bản.

- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong giao tiếp.  
+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để nghe và trả lời các câu hỏi trong bài học.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật (nghe- nói).

+ **Kỹ năng cá nhân** bước đầu làm quen và hình thành kỹ năng nghe nắm ý chính, nghe và ghi chú

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:  
+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.  
+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng mẹ đẻ.

### **III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 12 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 12 ( task + monдай)	3	2	1	
2.	Bài 13 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 13 ( task + monдай)	3	2	1	
3.	Bài 14 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 14 ( task + monдай)	4	2	1	1
4.	Bài 15 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 15 ( task + monдай)	3	2	1	
5.	Bài 16 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 16 ( task + monдай)	3	2	1	
6.	Bài 17 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 17 ( task + monдай)	3	1	1	1

7.	Bài 18 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 18 ( task + monдай)	3	2	1	
8.	Bài 19 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 19 ( task + monдай)	4	2	2	
9.	Bài 20 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 20 ( task + monдай)	3	2	1	
10.	Bài 21 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 21 ( task + monдай)	4	2	1	1
11.	Bài 22 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 22 ( task + monдай)	2	1	1	
12.	Bài 23 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 23 ( task + monдай)	3	2	1	
13.	Bài 24 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 24 ( task + monдай)	4	2	2	

14.	Bài 25 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 25 ( task + monдай)	4	2	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 12:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 12 (task + monдай)

### Bài 13:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 13 (task + monдай)

### Bài 14:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 14 (task + monдай)

### Bài 15:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 15 (task + monдай)

### Bài 16:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nghe bài 16 (task + monдай)

**Bài 17:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nghe bài 17 (task + monдай)

**Bài 18:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nghe bài 18 (task + monдай)

**Bài 19:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nghe bài 19 (task + monдай)

**Bài 20:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nghe bài 20 (task + monдай)

**Bài 21:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nghe bài 21 (task + monдай)

**Bài 22:**

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 22 (task + monдай)

**Bài 23:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 23 (task + monдай)

**Bài 24:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 24 (task + monдай)

**Bài 25:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 25 (task + monдай)

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
4. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

## **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

. Tài liệu tham khảo: [1] みんなの日本語初級 (*Minna no Nihongo Shokyu I*), (NXB 3A Corporation, 2002).

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: NÓI TIẾNG NHẬT 2**

**Mã mô đun: MD16**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 1.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Đàm thoại một số các tình huống giao tiếp đơn giản có liên quan về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp

+ Hiểu rõ các từ vựng về văn hóa, xã hội Nhật trình độ sơ cấp

- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để đối thoại, nghe hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đàm thoại

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc giao tiếp bằng tiếng Nhật theo văn phong người Nhật.

+ **Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: nhớ và vận dụng từ vựng, ngữ pháp đã học, phát âm rõ, tốt, linh hoạt trong đàm thoại và giao tiếp với người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 12	3	1	2	
2.	Bài 13	3	2	1	
3.	Bài 14	4	2	1	1
4.	Bài 15	3	2	1	
5.	Bài 16	3	2	1	
6.	Bài 17	4	2	1	1
7.	Bài 18	3	2	1	
8.	Bài 19	3	2	1	
9.	Bài 20	4	2	1	1
10.	Bài 21	3	2	1	
11.	Bài 22	3	2	1	
12.	Bài 23	3	2	1	
13.	Bài 24	3	1	1	1
14.	Bài 25	3	2	1	
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

#### 2. Nội dung chi tiết



**Bài 12:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản như chào hỏi, tự giới thiệu, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phát âm, đọc, nói.
- 2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi
- 2.3. Thực hành đàm thoại

**Bài 13:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phát âm, đọc, nói.
- 2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi
- 2.3. Thực hành đàm thoại

**Bài 14:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phát âm, đọc, nói.
- 2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi
- 2.3. Thực hành đàm thoại

**Bài 15:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phát âm, đọc, nói.
- 2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi
- 2.3. Thực hành đàm thoại

**Bài 16:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phát âm, đọc, nói.
- 2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi
- 2.3. Thực hành đàm thoại

**Bài 17:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phát âm, đọc, nói.
- 2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

### 2.3. Thực hành đàm thoại

#### **Bài 18:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

#### **Bài 19:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

#### **Bài 20:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

#### **Bài 21:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

#### **Bài 22:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

#### **Bài 23:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

**Bài 24:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

**Bài 25:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Thực hiện những câu giao tiếp đơn giản thuộc trình độ sơ cấp, có khả năng nghe và đối đáp ở dạng thức đơn giản, hỏi thăm sự tình, sự việc.

2. Nội dung bài:

2.1. Phát âm, đọc, nói.

2.2. Luyện nghe và trả lời câu hỏi

2.3. Thực hành đàm thoại

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe

4. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bảng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: Nói.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

**2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm

- Vấn đáp

**VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo: [1] みんなの日本語初級I – 標準問題集 (*Minna no Nihongo Shokyu I–Hyojunmondaishu*) (NXB 3A Corporation, 2002).

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: ĐỌC TIẾNG NHẬT 2**

**Mã mô đun: MD17**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 1.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

**II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Đọc hiểu các bài đọc về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp.

+ Hiểu rõ các từ vựng về văn hóa, xã hội Nhật trình độ sơ cấp.

- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để đọc dịch và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài khóa

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc đọc và dịch các văn bản bằng tiếng Nhật

+ **Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: đọc nắm ý chính của văn bản, đọc và trả lời câu hỏi, phân tích câu trong xử lý văn bản...

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.

+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng mẹ đẻ.

**III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)
----	-----------------	-----------------

TT		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	Bài 12: 沖縄旅行(Du lịch Okinawa)	4	2	2	
2.	Bài 13: 宝くじ(Vé số)	3	2	1	
3.	Bài 14: ビデオレター(Thư Video)	4	2	1	1
4.	Bài 15: 頑張るタイム(Giờ cố gắng)	3	2	1	
5.	Bài 16: Bài đọc: 想像の動物 (Những con vật có trong tưởng tượng)	3	2	1	
6.	Bài 17: Bài đọc: 江戸時代 (Thời đại Edo)	3	2	1	
7.	Bài 18: Bài đọc: 団体旅行？個人旅行？ (Du lịch theo tour hay du lịch cá nhân)	4	2	1	1
8.	Bài 19: Bài đọc: 相撲 (Su mo)	3	2	1	

9.	Bài 20: Bài đọc: 小説家の一生 (Cuộc đời của tiểu thuyết gia)	4	2	1	1
10.	Bài 21: Bài đọc: 雨 降って、地 固まる (Sau cơn mưa trời lại sáng)	3	2	1	
11.	Bài 22: Bài đọc: テレビ放送 (Phát sóng truyền hình)	2	1	1	
12.	Bài 23: Bài đọc: コーヒーを飲むと (Uống cà phê)	3	2	1	
13.	Bài 24: Bài đọc: 日本語でお願いします (Xin nói bằng tiếng Nhật)	2	1	1	
14.	Bài 25: Bài đọc: 将来は? (Tương lai như thế nào?)	4	2	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 12: 沖縄旅行(Du lịch Okinawa)

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá

2.3. Dịch bài khoá

**Bài 13:** 宝くじ(Vé số)

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 14:** ビデオレター(Thu Video)

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 15:** 頑張るタイム(Giờ cố gắng)

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 16:** 想像の動物 (Những con vật có trong tưởng tượng)

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 17:** 江戸時代 (Thời đại Edo)

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 18:** 団体旅行？個人旅行？

**(Du lịch theo tour hay du lịch cá nhân)**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 19:** 相撲 (Su mo)

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá

2.3. Dịch bài khoá

**Bài 20:** 小説家の一生

**(Cuộc đời của tiểu thuyết gia)**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 21:** 雨 降って、地 固まる

**(Sau cơn mưa trời lại sáng)**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 22:** テレビ放送

**(Phát sóng truyền hình)**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 23:** コーヒーを飲むと**(Uống cà phê)**

Thời gian:

5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 24:** 日本語でお願いします

**(Xin nói bằng tiếng Nhật)**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá
  - 2.3. Dịch bài khoá

**Bài 25:** 将来は?

**(Tương lai như thế nào?)**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Đọc và hiểu nội dung bài học.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2. Đọc bài khoá



### 2.3. Dịch bài khoá

#### IV. Điều kiện thực hiện mô đun

5. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
6. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
7. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
8. Các điều kiện khác:

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá

##### 1. Nội dung:

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Đọc
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### 2. Phương pháp:

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

#### VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] みんなの日本語初級I。漢字。スリーエーネットワーク。2007。

Minna no Nihongo Shokyyu I. Kanji. Suriie Network. 2007.

[2] みんなの日本語初級I。標準問題集。スリーエーネットワーク。2010。

Minna no Nihongo Shokyyu I. Hyoujun Mondaishu. Suriie Network. 2010.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: VIẾT TIẾNG NHẬT 2**

**Mã mô đun: MĐ18**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 2.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Nhận biết được đặc điểm các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

- Về kỹ năng: + Sử dụng được ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về ngữ pháp sơ cấp ứng dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp* làm quen với việc dịch văn bản sang tiếng Nhật.

+ *Kỹ năng cá nhân* viết theo văn phong của người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng Nhật.

### **III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 13:	4	2	2	
2.	Bài 14:	4	3	1	
3.	Bài 15:	4	2	1	1
4.	Bài 16:	3	2	1	
5.	Bài 17:	4	2	2	
6.	Bài 18:	4	2	1	1
7.	Bài 19:	3	2	1	
8.	Bài 20:	3	2	1	
9.	Bài 21:	4	2	1	1
10.	Bài 22:	3	2	1	
11.	Bài 23:	3	2	1	
12.	Bài 24:	3	2	1	
13.	Bài 25:	4	2	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Bài 13:**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

**Bài 14:**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

**Bài 15:**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

**Bài 16:**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

**Bài 17:**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

**Bài 18:**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

**Bài 19:**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

- Bài 20:** Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.
  2. Nội dung bài:
    - 2.1. Từ mới
    - 2.2. Ngữ pháp
    - 2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập
- Bài 21:** Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.
  2. Nội dung bài:
    - 2.1. Từ mới
    - 2.2. Ngữ pháp
    - 2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập
- Bài 22:** Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.
  2. Nội dung bài:
    - 2.1. Từ mới
    - 2.2. Ngữ pháp
    - 2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập
- Bài 23:** Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.
  2. Nội dung bài:
    - 2.1. Từ mới
    - 2.2. Ngữ pháp
    - 2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập
- Bài 24:** Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.
  2. Nội dung bài:
    - 2.1. Từ mới
    - 2.2. Ngữ pháp
    - 2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập
- Bài 25:** Thời gian: 4 giờ
1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản, sử dụng được trong tình huống giao tiếp cụ thể.
  2. Nội dung bài:
    - 2.1. Từ mới
    - 2.2. Ngữ pháp
    - 2.3. Đọc và trả lời câu hỏi, làm bài tập

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

5. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học
6. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
7. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.

8. Các điều kiện khác:

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá

### 1. Nội dung:

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

### 2. Phương pháp:

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo: [1] みんなの日本語初級I – 標準問題集 (*Minna no Nihongo Shokyu I- Hyojunmondai*) (NXB 3A Corporation, 2002).

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: THỰC HÀNH TIẾNG NHẬT 2**

**Mã mô đun: MD19**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 6 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun: nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 1.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: Nắm rõ ý nghĩa của khoảng 180/240 bộ thủ của chữ .

- Về kỹ năng: Đọc và hiểu được các bài đọc trình độ sơ cấp với khoảng 600 chữ Hán thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sự hứng thú và tự tin trong việc học tiếng Nhật.

### **III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 12:</b> Trang 27-28	5	1	4	
2.	<b>Bài 13:</b> Trang 29	5	1	4	
3.	<b>Bài 14:</b> Trang 31-32	5		4	1

4.	<b>Bài 15:</b> Trang 33-34	5	1	4	
5.	<b>Bài 16:</b> Trang 35-38	5		4	1
6.	<b>Bài 17:</b> Trang 39-42	5	1	3	
7.	<b>Bài 18:</b> Trang 43-50	4		4	
8.	<b>Bài 19:</b> Trang 51-54	5	1	4	1
9.	<b>Bài 20:</b> Trang 54-58	6	1	4	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>6</b>	<b>35</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 12:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 27-28
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

### **Bài 13:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 29
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

### **Bài 14:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 31-32
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch



2.4. Làm bài tập

**Bài 15:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 33-34
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 16:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 35-38
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 17:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 29
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 18:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 43-50
  - 2.1. Luyện đọc
  - 2.2. Luyện viết
  - 2.3. Luyện dịch
  - 2.4. Làm bài tập

**Bài 19:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 51-54
  - 2.5. Luyện đọc
  - 2.6. Luyện viết
  - 2.7. Luyện dịch
  - 2.8. Làm bài tập

**Bài 20:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật.
2. Nội dung bài: Trang 54-58

- 2.5. Luyện đọc
- 2.6. Luyện viết
- 2.7. Luyện dịch
- 2.8. Làm bài tập

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

5. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
6. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
7. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.
8. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo[2] みんなの日本語初級I. 文法解説  
ベトナム語版、スリーエーネットワーク、2010.

Minna no Nihongo Shokyuu I. quyển tiếng Việt - Giải thích Ngữ pháp. Suriie Network. 2010.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: NGHE TIẾNG NHẬT 3**

**Mã mô đun: MĐ20**

**Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ**

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết, tiếng Nhật 2

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Hiểu văn hóa ứng xử của người Nhật. Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống đơn giản của xã hội Nhật Bản.

- Về kỹ năng: Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong giao tiếp

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để nghe và trả lời các câu hỏi trong bài học.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp* làm quen kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật (nghe- nói)

+ *Kỹ năng cá nhân* bước đầu làm quen và hình thành kỹ năng nghe nắm ý chính, nghe và ghi chú

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

+Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng mẹ đẻ.

### **III. Nội dung mô đun:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo	Kiểm tra

				<b>luận, bài tập</b>	
1.	Bài 28 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 28 ( task + monдай)	3	2	1	
2	Bài 29 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 29 ( task + monдай)	3	1	1	1
3	Bài 30 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 30 ( task + monдай)	3	2	1	
4	Bài 31 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 31 ( task + monдай)	3	2	1	
5	Bài 32 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 32 ( task + monдай)	3	1	1	1
6	Bài 33 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 33 ( task + monдай)	3	2	1	
7	Bài 34 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 34 ( task + monдай)	3	2	1	

8	Bài 35 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 35 ( task + monдай)	3	1	1	1
9	Bài 36 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 36 ( task + monдай)	3	2	1	
10	Bài 37 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 37 ( task + monдай)	3	2	1	
11	Bài 38 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 38 ( task + monдай)	4	2	1	1
12	Bài 39 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 38 task	3	2	1	
13	Bài 40 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 39 ( task + monдай)	4	3	1	
14	Bài 41 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 40 ( task + monдай)	4	2		
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Bài 28:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 28 (task + monдай)

**Bài 29:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 29 (task + monдай)

**Bài 30:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 30 (task + monдай)

**Bài 31:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 31 (task + monдай)

**Bài 32:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 32 (task + monдай)

**Bài 33:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nghe bài 33 (task + monдай)

**Bài 34:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 34 (task + monдай)

**Bài 35:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 35 (task + monдай)

**Bài 36:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 36 (task + monдай)

**Bài 37:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 37 (task + monдай)

**Bài 38:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

- 2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 38 (task + monдай)

**Bài 39:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 39 (task + monдай)

**Bài 40:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 40 (task + monдай)

**Bài 41:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 41 (task + monдай)

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

5. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
6. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
7. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
8. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

**2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

**VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học



- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: NÓI TIẾNG NHẬT 3**

**Mã mô đun: MĐ21**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học/mô đun chung.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Đàm thoại một số các tình huống giao tiếp đơn giản có liên quan về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp

+ Hiểu rõ các từ vựng về văn hóa, xã hội Nhật trình độ sơ cấp

- Về kỹ năng:

+ Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để đối thoại, nghe hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đàm thoại

**Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc giao tiếp bằng tiếng Nhật theo văn phong người Nhật

**Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: nhớ và vận dụng từ vựng, ngữ pháp đã học, phát âm rõ, tốt, linh hoạt trong đàm thoại và giao tiếp với người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

**Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: nhớ và vận dụng từ vựng, ngữ pháp đã học, phát âm rõ, tốt, linh hoạt trong đàm thoại và giao tiếp với người Nhật

Chủ động soạn bài, tìm hiểu trước về các bối cảnh đàm thoại trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p>Bài 28:</p> <p>2.1.始めまして音楽を聞きながら食事します。(Tôi vừa nghe nhạc vừa dùng bữa.)</p> <p>2.2.毎朝ジョギングをしています。(Mỗi sáng tôi đều chạy bộ.)</p> <p>2.3.地下鉄は速いし、安いし、地下鉄で行きましょう。(Tàu điện ngầm vừa nhanh, vừa rẻ, hãy đi bằng tàu điện ngầm.)</p>	4	2	1	1
2	<p><b>Bài 29:</b></p> <p>2.1.窓が閉まっています。(Cửa sổ đang đóng.)</p> <p>2.2.電車で傘を忘れてしまいました。(Tôi lỡ để quên dù trên xe điện.)</p>	3	1	1	1
3	<p><b>Bài 30:</b></p> <p>2.1.交番に町の地図がはってあります。(Ở bất cảnh sát có dán bản đồ thành phố.)</p> <p>2.2.旅行の前にインターネットでいろいろ調べておきます。(Trước chuyến du lịch tôi sẽ</p>	3	2	1	

	tìm hiểu sẵn trước nhiều thứ bằng internet.)				
4	<p><b>Bài 31:</b></p> <p>2.1. いっしょに行こう。(Hãy cùng đi nhé.)</p> <p>2.2. 将来自分の会社を作ろうと思っています。(Trong tương lai tôi định sẽ mở công ty của mình.)</p> <p>2.3. 来月車を買うつもりです。(Tháng sau tôi nhất định sẽ mua xe ô tô.)</p>	3	2	1	
5	<p><b>Bài 32:</b></p> <p>2.1. 毎日運動した方がいいます。(Mỗi ngày nên tập thể dục.)</p> <p>2.2. あしたは雪が降るでしょう。(Ngày mai có lẽ sẽ có tuyết rơi.)</p> <p>2.3. 約束の時間ご間に合いません。(Không chừng</p>	3	1	1	1
6	<p><b>Bài 33:</b></p> <p>2.1. 先生が言ったとおりに、書きます。(Tôi viết theo như giáo viên đã nói.)</p> <p>2.2. ご飯を食べた後で、歯を磨きます。(Sau khi ăn cơm thì đánh răng.)</p> <p>2.3. コーヒーは砂糖を入れなくて飲みます。(Tôi uống cà phê mà</p>	3	2	1	

	không bỏ đường.)				
7	<p><b>Bài 34:</b></p> <p>2.1.春になれば、桜が咲きます。(Nếu đến mùa xuân thì hoa anh đào sẽ nở.)</p> <p>2.2.天気がよければ、向こうに島が見えます。(Nếu trời đẹp thì có thể nhìn thấy hòn đảo ở phía bên kia.)</p> <p>2.3.北海道旅行なら、6月がいいです。(Nếu đi du lịch Hokkaido thì nên đi vào tháng 6.)</p>	3	2	1	
8	<p>Bài 35</p> <p>2.1.速く泳げるように、毎日練習しています。(Tôi luyện tập mỗi ngày để có thể bơi nhanh được.)</p> <p>2.2.やっと自転車に乗れるようになりました。(Cuối cùng thì tôi đã biết đi xe đạp.)</p> <p>2.3.毎日日記を書くようにしています。(Tôi cố gắng viết nhật ký mỗi ngày.)</p>	4	2	1	1
9	<p>Bài 36</p> <p>2.1.速く泳げるように、毎日練習しています。(Tôi luyện tập mỗi ngày để có thể bơi nhanh được.)</p> <p>2.2.やっと自転車に乗れるようになりました。(Cuối cùng thì tôi đã</p>	3	2	1	

	<p>biết đi xe đạp.)</p> <p>2.3.毎日日記を書くようにしています。(Tôi cố gắng viết nhật ký mỗi ngày.)</p>				
10.	<p><b>Bài 37:</b></p> <p>2.1.絵を書くのは楽しいです。(Việc vẽ tranh rất vui.)</p> <p>2.2.私は星を見るのが好きです。(Tôi rất thích ngắm sao.)</p> <p>2.3.財布をもってくるのを忘れました。(Tôi đã quên mang theo ví tiền)</p> <p>2.4.私が日本へ来たのは去年の3月です。(Hồi tôi đến Nhật là tháng 3 năm ngoái.)</p>	3	2	1	
11	<p><b>Bài 38:</b></p> <p>2.1.ニュースを聞いて、びっくりしました。(Tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe tin.)</p> <p>2.2.地震でビルが倒れました。(Tòa nhà đổ sập vì động đất.)</p> <p>2.3.体の調子が悪いので、病院へ行きます。(Vì không được khỏe nên tôi sẽ đi bệnh viện.)</p>	3	2	1	
12	<p><b>Bài 39:</b></p> <p>2.1.ニュースを聞いて、びっくりしました。(Tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe tin.)</p> <p>2.2.地震でビルが倒れました。(Tòa nhà đổ sập</p>	3	2	1	

	<p>vì động đất.)</p> <p>2.3.体の調子が悪いので、病院へ行きます。(Vi không được khỏe nên tôi sẽ đi bệnh viện.)</p>				
13	<p><b>Bài 40:</b></p> <p>2.1. JL107便は何時に到着するか、調べてください。(Hãy kiểm tra chuyến bay JL 107 hạ cánh lúc mấy giờ.)</p> <p>2.2.台風9号は東京へ来るかどうか、まだ分かりません。(Tôi không biết là cơn bão số 9 có đổ bộ vào Tokyo hay không.)</p> <p>2.3.この服を着てみてもいいですか。(Tôi thử mặc bộ đồ này được không?)</p>	3	1	1	1
14	<p><b>Bài 41:</b></p> <p>2.1.私はワット先生に本をいただきました。(Tôi đã được thầy Watto cho cuốn sách.)</p> <p>2.2.私は先生に漢字の間違いを直していただきました。(Tôi được giáo viên sửa lỗi sai kanji.)</p> <p>2.3.部長の奥さんは私にお茶を教えてくださいました。(Vợ của ông trưởng phòng dạy trà đạo cho tôi.)</p> <p>2.4.私は息子に紙飛行機を作ってもらいました。(Tôi đã làm cho con trai một chiếc máy bay.)</p>	4	3	1	

	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>
--	-------------	-----------	-----------	-----------	----------

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 28:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.

Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1.始めまして音楽を聞きながら食事します。(Tôi vừa nghe nhạc vừa dùng bữa.)

2.2.毎朝ジョギングをしています。(Mỗi sáng tôi đều chạy bộ.)

2.3.地下鉄は速いし、安いし、地下鉄で行きましょう。(Tàu điện ngầm vừa nhanh, vừa rẻ, hãy đi bằng tàu điện ngầm.)

### **Bài 29:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.

Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1.窓が閉まっています。(Cửa sổ đang đóng.)

2.2.電車に傘を忘れてしまいました。(Tôi lỡ để quên dù trên xe điện.)

### **Bài 30:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.

Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1.交番に町の地図がはってあります。(Ở bất cảnh sát có dán bản đồ thành phố.)

2.2.旅行の前に、インターネットでいろいろ調べておきます。(Trước chuyến du lịch tôi sẽ tìm hiểu sẵn trước nhiều thứ bằng internet.)

### **Bài 31:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.

Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1.いっしょに行こう。(Hãy cùng đi nhé.)

2.2.将来自分の会社を作ろうと思っています。(Trong tương lai tôi định sẽ mở công ty của mình.)

2.3.来月車を買うつもりです。(Tháng sau tôi nhất định sẽ mua xe ô tô.)

### **Bài 32:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.

Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1.毎日運動した方がいいです。(Mỗi ngày nên tập thể dục.)

2.2.あしたは雪が降るでしょう。(Ngày mai có lẽ sẽ có tuyết rơi.)

2.3. 約束の時間間に合わないかもしれません。(Không chừng

**Bài 33:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. 先生が言ったとおりに、書きます。(Tôi viết theo như giáo viên đã nói.)

2.2. ご飯を食べた後で、歯を磨きます。(Sau khi ăn cơm thì đánh răng.)

2.3 コーヒーは砂糖を入れないで飲みます。(Tôi uống cà phê mà không bỏ đường.)

**Bài 34:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. 春になれば、桜が咲きます。(Nếu đến mùa xuân thì hoa anh đào sẽ nở.)

2.2. 天気がよければ、向こうに島が見えます。(Nếu trời đẹp thì có thể nhìn thấy hòn đảo ở phía bên kia.)

2.3. 北海道旅行なら、6月がいいです。(Nếu đi du lịch Hokkaido thì nên đi vào tháng 6

**Bài 35:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. 速く泳げるように、毎日練習しています。(Tôi luyện tập mỗi ngày để có thể bơi nhanh được.)

2.2. やっと自転車に乗れるように慣れました。(Cuối cùng thì tôi đã biết đi xe đạp.)

2.3. 毎日日記を書くようにしています。(Tôi cố gắng viết nhật ký mỗi ngày.)

**Bài 36:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1. 子供のとき、よく母にしかれました。(Hồi nhỏ tôi thường bị mẹ la.)

2.2. ラッシュの電車で足を踏まれました。(Tôi bị ai đó giẫm vào chân trên tàu điện giờ cao điểm.)

2.3. 法隆寺は607年に建てられました。(Ngôi chùa Horyuji đã được xây vào năm 607

**Bài 37:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. 絵を書くのは楽しいです。(Việc vẽ tranh rất vui.)



2.2. 私は星を見るのが好きです。(Tôi rất thích ngắm sao.)

2.3. 財布をもってくるのを忘れました。(Tôi đã quên mang theo ví tiền)

2.4. 私が日本へ来たのは去年の3月です。(Hỏi tôi đến Nhật là tháng 3 năm ngoái.)

**Bài 38:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.  
Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1. ニュースを聞いて、びっくりしました。(Tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe tin.)

2.2. 地震でビルが倒れました。(Tòa nhà đổ sập vì động đất.)

2.3. 体の調子が悪いので、病院へ行きます。(Vì không được khỏe nên tôi sẽ đi bệnh viện.)

**Bài 39:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.  
Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1. 絵を書くのは楽しいです。(Việc vẽ tranh rất vui.)

2.2. 私は星を見るのが好きです。(Tôi rất thích ngắm sao.)

2.3. 財布をもってくるのを忘れました。(Tôi đã quên mang theo ví tiền)

2.4. 私が日本へ来たのは去年の3月です。(Hỏi tôi đến Nhật là tháng 3 năm ngoái.)

**Bài 40:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.  
Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1. JL107便は何時に到着するか、調べてください。(Hãy kiểm tra chuyến bay JL 107 hạ cánh lúc mấy giờ.)

2.2. 台風9号は東京へ渡るかどうか、まだ分かりません。(Tôi không biết là cơn bão số 9 có đổ bộ vào Tokyo hay không.)

2.3. この服を着てみてもいいですか。(Tôi thử mặc bộ đồ này được không?)

**Bài 41:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.  
Hình thành kỹ năng nói

2. Nội dung bài:

2.1. 私はワット先生に本をいただきました。(Tôi đã được thầy Watto cho cuốn sách.)

2.2. 私は先生に漢字の間違いを直していただきました。(Tôi được giáo viên sửa lỗi sai kanji.)

2.3. 部長の奥さんは私にお茶を教えてくださいました。(Vợ của ông trưởng phòng dạy trà đạo cho tôi.)

2.4. 私は息子に紙飛行機を作ってやりました。(Tôi đã làm cho con trai một chiếc máy bay.)

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập

4. Các điều kiện khác:

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá

### 1. Nội dung:

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nói.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

### 2. Phương pháp:

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo: [1] みんなの日本語初級 一標準問題集 (*Minna no Nihongo Shokyu I- Hyojunmondaishu*) (NXB 3A Corporation, 2002).

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: ĐỌC TIẾNG NHẬT 3**

**Mã mô đun: MĐ22**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học/mô đun đọc 2.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + . Đọc hiểu các bài đọc về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp

+ Hiểu rõ các từ vựng về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp

- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp

***Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc đọc và dịch các văn bản bằng tiếng Nhật*

***Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: đọc nắm ý chính của văn bản, đọc và trả lời câu hỏi, phân tích câu trong xử lý văn bản*

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để đọc dịch và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài khóa.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tự giác trong giờ tự học và tham gia đầy đủ các giờ lên lớp, soạn bài đầy đủ và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

Có tinh thần học hỏi, tìm hiểu văn hóa, đất nước và con người Nhật Bản để có thể sử dụng ngôn ngữ Nhật bản như người bản xứ.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 28: Bài đọc: “昼ごはんはどこで何を?” (Sẽ ăn trưa ở đâu và ăn cái gì) bạn ở đâu)	3	2	1	
2.	Bài 29: Bài đọc: “私の失敗” (Bài học thất bại)	3	2	1	
3.	Bài 30: Bài đọc: “日本でいちばん” (Những cái nhất ở NB) (Mỗi ngày của Mira)	3	2	1	1
4.	Bài 31 一月一日(Ngày 1 tháng 1) 田舎へ帰って(Về quê)	3	2	1	
5.	Bài 32 20世紀の予想(Những dự đoán của thế kỉ 20) 今月の星占い(Bói sao tháng này)	3	2	1	
6.	Bài 33: 大声大会(Đại hội thi hét to) 頑張ってください(Hãy nỗ lực)	3	1	1	1

7	Bài 34: あなたの国では?(Đất nước của bạn thế nào) 親子どんぶりの作り方(Cách làm Donburi cho gia đình)	3	1	1	1
8.	Bài 35 自動販売機 Máy bán hàng tự động 「朱に交われば 赤くなる」(Gần mực thì đen gần đèn thì sáng)	3	2	1	
9.	Bài 36: 動物の目(Mắt của động vật) 乗り物(Phương tiện đi lại)	3	1	1	1
10	Ôn tập Kiểm tra giữa kỳ	3	1	1	1
11	Bài 37: 55年かかってゴールインした日本人選手(Tuyển thủ Nhật Bản đạt kỉ lục phải mất 55 năm)	3	2	1	
12	Bài 38 日光東照宮の眠り猫 (Con mèo ngủ ở Nikko shogun)	3	2	1	
13	Bài 39: 消したいもの(Những điều cần xóa đi) しずかとあすか(Hai chị em gái Shizuka và asuka)	3	2	1	

14	Bài 40: タイタニック(Tàu Titanic) 着物(Kimono)	3	2	1	
15	Bài 41: 常識(Kiến thức thông thường) 3億円事件(Sự kiện 3 trăm triệu yên) Ôn tập	3	2	1	
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 28

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Bảng chữ cái Hiragana, các nguyên tắc đọc.4
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Bảng chữ cái Hiragana
    - 2.1.1. Giới thiệu bảng chữ cái Hiragana
    - 2.1.2. Cách đọc
  - 2.2. Bài khởi động Bài đọc: “昼ごはんはどこで? 何を?”
    - 2.2.1. Đọc từ vựng
    - 2.2.2. Đọc bài khoá

### Bài 29:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Bảng chữ cái Hiragana, các nguyên tắc đọc.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Bảng chữ cái Katakana
    - 2.1.1. Giới thiệu bảng chữ cái Katakana
    - 2.1.2. Cách đọc
  - Bài khởi động 2: ジュースをお願いします。(cho tôi ly nước trái cây)
  - 2.2.1. Đọc từ vựng
  - 2.2.2. Đọc bài khoá

### Bài 30:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

Bài khởi động 3:神戸までいくら？

ミラーさんの毎日(Mỗi ngày của Mira)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 31:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- お花見(Ngắm hoa Anh đào)

- 土曜日と日曜日(Thứ bảy và Chủ nhật)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 31:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- もらいました・あげました(Cho-Nhận)

- ワット先生 (Thầy Watto)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 32:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 町的生活・山的生活(Cuộc sống thành thị- Cuộc sống ở núi )

- 山田さんとダンス(Anh Yamada và nhảy múa)

- 私のうち (Nhà của tôi)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 33:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 日本が好きです (Yêu thích Nhật Bản)
- どこが一番いいですか? (Ở đâu là tốt nhất)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

### **Bài 34:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 美術館 (Viện Bảo tàng Mỹ thuật)
- いぬの生活 (Cuộc sống của một chú chó)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

### **Bài 35:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 高校生3,958人に聞きました (Đã hỏi 3958 học sinh cấp 3)
- てがみ (Một lá thư)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

### **Bài 36:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 動物の目 (Mắt của động vật)
- 乗り物 (Phương tiện đi lại)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá



**Bài 37:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 55年かかってゴールインした日本人選手 (Tuyển thủ Nhật Bản đạt kỉ lục phải mất 55 năm)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 38:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 日光東照宮の眠り猫

- (Con mèo ngủ ở Nikko shogun)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 39:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 消したいもの (Những điều cần xóa đi)

- しずかとあすか (Hai chị em gái Shizuka và asuka)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 40:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- タイタニック (Tàu Titanic)

- 着物 (Kimono)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 41:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản đọc tiếng Nhật ở mức độ sơ cấp trong môi trường học thuật, và sinh hoạt hàng ngày, làm nền tảng cho việc học tiếng Nhật chuyên ngành của các năm kế tiếp.

2. Nội dung bài:

- 常識(Kiến thức thông thường)
- 3億円事件(Sự kiện 3 trăm triệu yên)
- Ôn tập

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

5. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng
6. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
7. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập
8. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Đọc
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

[1] みんなの日本語初級I. 漢字。スリーエーネットワーク。2007。

Minna no Nihongo Shokyuu I. Kanji. Suriie Network. 2007.

[2] みんなの日本語初級I.

標準問題集。スリーエーネットワーク。2010。

Minna no Nihongo Shokyuu I. Hyoujun Mondaihu. Suriie Network. 2010.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: VIẾT TIẾNG NHẬT 3**

**Mã mô đun: MD23**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học/mô đun chung.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

**II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + . Nhận biết được đặc điểm các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ cuối sơ cấp.

+ . Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ cuối sơ cấp.

- Về kỹ năng: + . Sử dụng được hầu hết các ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

Vận dụng tốt những kiến thức về ngữ pháp sơ cấp ứng dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc dịch văn bản sang tiếng Nhật.

+ **Kỹ năng cá nhân** viết theo văn phong của người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng Nhật.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<p><b>Bài 28:</b></p> <p>2.1. 音楽を聞きながら食事します。(Tôi vừa nghe nhạc vừa dùng bữa.)</p> <p>2.2. 毎朝ジョギングをしています。(Mỗi sáng tôi đều chạy bộ.)</p> <p>2.3. 地下鉄お買い、安い、地下鉄で行きましょう。(Tàu điện ngầm vừa nhanh, vừa rẻ, hãy đi bằng tàu điện ngầm)</p>	3	2	1	
2	<p><b>Bài 29:</b></p> <p>2.1. 窓が閉まっています。(Cửa sổ đang đóng.)</p> <p>2.2. 電車に傘を忘れてしまいました。(Tôi lỡ để quên dù trên xe điện.)</p>	3	2	1	1
3	<p><b>Bài 30:</b></p> <p>2.1. 交番に町の地図がはってあります。(Ở bất cảnh sát có dán bản</p>	3	2	1	

	<p>ど 成 市 街。)</p> <p>2.2.旅行の前、インターネットでいろいろ調べておきます。(Trước chuyến du lịch tôi sẽ tìm hiểu sẵn trước nhiều thứ bằng internet.)</p>				
4	<p><b>Bài 31:</b></p> <p>2.1.いっしょに行こう。(Hãy cùng đi nhé.)</p> <p>2.2.将来自分の会社を作ろうと思っています。 。(Trong tương lai tôi định sẽ mở công ty của mình.)</p> <p>2.3.来月車を買うつもりです。(Tháng sau tôi nhất định sẽ mua xe ô tô.)</p>	3	2	1	
5	<p><b>Bài 32:</b></p> <p>2.1.毎日運動した方が いいです。(Mỗi ngày nên tập thể dục.)</p> <p>2.2.あしたは雪が降る でしょう。(Ngày mai có lẽ sẽ có tuyết rơi.)</p> <p>2.3.約束の時間間に合 わなうかもしれません。(Không chừng sẽ không kịp giờ hẹn.)</p>	3	1	1	1
6	<p><b>Bài 33:</b></p> <p>2.1.急げ。(Nhanh chân lên)</p> <p>2.2.触るな。(Đừng</p>	3	2	1	

	<p>chạm vào.)</p> <p>2.3.立ち入り禁止は入るなという意味です。(Tachiiri kinshi có nghĩa là cấm đi vào)</p> <p>2.4.ミラーさんは来週大阪へ出張すると言っていました。(Miller đã nhắn là tuần sau anh ấy đi công tác ở Osaka)</p>				
7	<p><b>Bài 34:</b></p> <p>2.1.先生が言ったとおりに、書きます。(Tôi viết theo như giáo viên đã nói.)</p> <p>2.2.ご飯を食べた後で、歯を磨きます。(Sau khi ăn cơm thì đánh răng.)</p> <p>2.3.コーヒーは砂糖を入れなくて飲みます。(Tôi uống cà phê mà không bỏ đường.)</p>	3	2	1	
8	<p><b>Kiểm tra giữa kỳ</b></p>	3	1	1	1
9.	<p><b>Bài 35:</b></p> <p>2.1.春になれば、桜が咲きます。(Nếu đến mùa xuân thì hoa anh đào sẽ nở.)</p> <p>2.2.天気がよければ、向こうに島が見えます。(Nếu trời đẹp thì có thể nhìn thấy hòn đảo ở phía bên kia.)</p> <p>2.3.北海道旅行なら、6月がよいです。(Nếu đi du lịch Hokkaido thì nên đi vào tháng 6.)</p>	3	2	1	

10.	<p><b>Bài 36:</b></p> <p>2..1.速く泳げるように毎日練習しています。(Tôi luyện tập mỗi ngày để có thể bơi nhanh được.)</p> <p>2..2.やっと自転車に乗れるようになりました。(Cuối cùng thì tôi đã biết đi xe đạp.)</p> <p>2.3.毎日日記を書くようにしています。(Tôi cố gắng viết nhật ký mỗi ngày.)</p>	3	2	1	
11	<p><b>Bài 37:</b></p> <p>2.1.子供のとき、よく母にしかれました。(Hồi nhỏ tôi thường bị mẹ la.)</p> <p>2.2.ラッシュの電車で足を踏まれました。(Tôi bị ai đó giẫm vào chân trên tàu điện giờ cao điểm.)</p> <p>2.3.法隆寺は607年に建てられました。(Ngôi chùa Horyuji đã được xây vào năm 607)</p>	3	2	1	
12.	<p><b>Bài 38:</b></p> <p>2.1.絵を書くのは楽しいです。(Việc vẽ tranh rất vui.)</p> <p>2.2.私は星を見るのが好きです。(Tôi rất thích ngắm sao.)</p> <p>2.3.財布をもって来るのを忘れました。(Tôi đã quên mang theo ví tiền)</p> <p>2.4.私が日本へ来たのは去年の3月です。(Hồi tôi đến Nhật là tháng</p>	3	2	1	1

	3 năm ngoái.)				
13	<p><b>Bài 39:</b></p> <p>2.1. ニュースを聞いて、びっくりしました。(Tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe tin.)</p> <p>2.2. 地震でビルが倒れました。(Tòa nhà đổ sập vì động đất.)</p>	3			
14	<p><b>Bài 40:</b></p> <p>2.1. JL107便は何時に到着するか、調べてください。(Hãy kiểm tra chuyến bay JL 107 hạ cánh lúc mấy giờ.)</p> <p>2.2. 台風9号は東京へ渡るかどうか、まだ分かりません。(Tôi không biết là cơn bão số 9 có đổ bộ vào Tokyo hay không.)</p> <p>2.3. この服を着てみてもいいですか。(Tôi thử mặc bộ đồ này được không?)</p>	3			
15	<p><b>Bài 41:</b></p> <p>2.1. 私はワット先生の本をいただきました。(Tôi đã được thầy Watto cho cuốn sách.)</p> <p>2.2. 私は先生に漢字の間違いを直していただきました。(Tôi được giáo viên sửa lỗi sai kanji.)</p> <p>2.3. 部長の奥さんは私にお茶を教えてくださいました。(Vợ của ông</p>	3			



<p>trưởng phòng dạy trà đạo cho tôi.)</p> <p>2.4.私は息子に紙飛行機を作ってやりました。 。(Tôi đã làm cho con trai một chiếc máy bay.)</p>				
<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 28:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Nhận biết được các mẫu câu trong tiếng Nhật cơ bản,
2. Nội dung bài:

2.1 音楽を聞きながら食事します。(Tôi vừa nghe nhạc vừa dùng bữa.)

2.2. 毎朝ジョギングをしています。(Mỗi sáng tôi đều chạy bộ.)

2.3. 地下鉄が速い、安い、地下鉄で行きましょう。(Tàu điện ngầm vừa nhanh, vừa rẻ, hãy đi bằng tàu điện ngầm.)

### Bài 29:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Luyện viết các từ vựng, các bài khóa.
2. Nội dung bài:

2.1 窓が閉まっています。(Cửa sổ đang đóng.)

2.2. 電車で傘を忘れてしまいました。(Tôi lỡ để quên dù trên xe điện.)

### Bài 30:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Luyện viết các từ vựng, các bài khóa.
2. Nội dung bài:

2.1. 交番に町の地図がはってあります。(Ở bốt cảnh sát có dán bản đồ thành phố.)

2.2. 旅行の前に、インターネットでいろいろ調べておきます。(Trước chuyến du lịch tôi sẽ tìm hiểu sẵn trước nhiều thứ bằng internet.)

### Bài 31:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Luyện viết các từ vựng, các bài khóa.
2. Nội dung bài:

2.1. いっしょに行こう。(Hãy cùng đi nhé.)

2.2. 将来自分の会社を作ろうと思っています。(Trong tương lai tôi định sẽ mở công ty của mình.)

2.3. 来月車を買うつもりです。(Tháng sau tôi nhất định sẽ mua xe ô tô.)

**Bài 32:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. 毎日運動した方がいいです。(Mỗi ngày nên tập thể dục.)

2.2. あしたは雪が降るでしょう。(Ngày mai có lẽ sẽ có tuyết rơi.)

2.3. 約束の時間間に合わないかもしれません。(Không chừng sẽ không kịp giờ hẹn.)

**Bài 33:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng viết

2. Nội dung bài:

2.1. 急げ。(Nhanh chân lên)

2.2. 触るな。(Đừng chạm vào.)

2.3. 立ち入り禁止は入るなという意味です。(Tachiiri kinshi có nghĩa là cấm đi vào)

2.4. ミラーさんは来週大阪へ出張すると言っていました。(Miller đã nhắn là tuần sau anh ấy đi công tác ở Osaka)n.)

**Bài 34:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. 先生が言ったとおりに、書きます。(Tôi viết theo như giáo viên đã nói.)

2.2. ご飯を食べた後で、歯を磨きます。(Sau khi ăn cơm thì đánh răng.)

2.3. コーヒーは砂糖を入れずに飲みます。(Tôi uống cà phê mà không bỏ đường.)

**Bài 35:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. 春になれば、桜が咲きます。(Nếu đến mùa xuân thì hoa anh đào sẽ nở.)

2.2. 天気がよければ、向こうに島が見えます。(Nếu trời đẹp thì có thể nhìn thấy hòn đảo ở phía bên kia.)

2.3. 北海道旅行なら、6月がしいです。(Nếu đi du lịch Hokkaido thì nên đi vào tháng 6)

**Bài 36:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. 速く泳げるように、毎日練習しています。(Tôi luyện tập mỗi ngày để có thể bơi nhanh được.)

2.2. やっと自転車に乗れるようになりました。(Cuối cùng thì tôi đã biết đi xe đạp.)

2.3. 毎日日記を書くようにしています。(Tôi cố gắng viết nhật ký mỗi ngày.)

**Bài 37:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài học

2.1. 絵を書くのは楽しいです。(Việc vẽ tranh rất vui.)

2.2. 私は星を見るのが好きです。(Tôi rất thích ngắm sao.)

2.3. 財布をもってくるのを忘れました。(Tôi đã quên mang theo ví tiền)

2.4. 私が日本へ来たのは去年の3月です。(Hỏi tôi đến Nhật là tháng 3 năm ngoái.)

3.6.3. 毎日日記を書くようにしています。(Tôi cố gắng viết nhật ký mỗi ngày.)

**Bài 38:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. 絵を書くのは楽しいです。(Việc vẽ tranh rất vui.)

2.2. 私は星を見るのが好きです。(Tôi rất thích ngắm sao.)

2.3. 財布をもってくるのを忘れました。(Tôi đã quên mang theo ví tiền)

2.4. 私が日本へ来たのは去年の3月です。(Hỏi tôi đến Nhật là tháng 3 năm ngoái.)

**Bài 39:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. ニュースを聞いて、びっくりしました。(Tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe tin.)

2.2. 地震でビルが倒れました。(Tòa nhà đổ sập vì động đất.)

2.3. 体の調子が悪いので、病院へ行きます。(Vì không được khỏe nên tôi sẽ đi bệnh viện.)

**Bài 40** Thời gian: 3 giờ

1 Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. JL107便は何時に到着するか、調べてください。(Hãy kiểm tra chuyến bay JL 107 hạ cánh lúc mấy giờ.)

2.2. 台風9号は東京へ来るかどうか、まだ分かりません。(Tôi không biết là cơn bão số 9 có đổ bộ vào Tokyo hay không.)

2.3. この服を着てみてもいいですか。(Tôi thử mặc bộ đồ này được không?)

#### **Bài 41**

Thời gian: 3 giờ

1 Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng ngữ pháp vào các tình huống cụ thể. Hình thành kỹ năng viết.

2. Nội dung bài:

2.1. 私はワット先生に本をいただきました。(Tôi đã được thầy Watto cho cuốn sách.)

2.2. 私は先生に漢字の間違いを直していただきました。(Tôi được giáo viên sửa lỗi sai kanji.)

2.3. 部長の奥さんは私にお茶を教えてくださいました。(Vợ của ông trưởng phòng dạy trà đạo cho tôi.)

2.4. 私は息子に紙飛行機を作ってもらいました。(Tôi đã làm cho con trai một chiếc máy bay.)

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm

ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo[1] みんなの日本語I初級で読める 25トピック, (Minna no nihongo I Sokyude Yomeru Topic 25) 、 (NXB 3A Corporation スリーエーネットワーク、2004) .

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: THỰC HÀNH TIẾNG NHẬT 3**

**Mã mô đun: MĐ24**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 6 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun: nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 3.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

**II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức:
  - + Biết được toàn bộ vị trí các bộ thủ
  - + Hiểu được ý nghĩa khoảng 210 bộ thủ của chữ Hán các bộ thủ.
- Về kỹ năng:
  - + Đọc và hiểu được các bài đọc trình độ sơ cấp với khoảng 900 chữ Hán thông dụng.
  - + Kỹ năng nghề nghiệp: dựa vào ý nghĩa các bộ, hiểu nội dung của bài đọc một cách chính xác.
  - + Kỹ năng cá nhân: từ việc hiểu biết chữ Hán, sinh viên đáp ứng được các yêu cầu của bài đọc
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: .
  - + Soạn bài kỹ lưỡng để tự tin trong phần lý thuyết giảng.
  - + Biết nhiều ý nghĩa của từ vựng để phân dịch thuật được sinh động..

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 28 形(hình),品(phẩm)、 慣(quán),說(thuyết)、 將(tương)、力(lực)、 熱(nhiệt)、心(tâm)、 眠(mien)、優(ưu)、 選(tuyển),通(thông)、 - 經(kinh)	3		3	
2.	Bài 29 喫(khiết)、辺(biên)、 神(thần)、妻(thê)、 忘(vong)、側(trắc)、 落(lạc)、消(tiêu)、 汙(ô)、割(cát)、 1.5. 全(toàn)	3	1	2	
3.	Bài 30 皿 隅 机 引 箱 予 定 冷 置 掛 片 復 約	3		3	1
4.	Bài 31 空 港 文 務 園 飛 機 普 式 受 卒 業 連 殘	3		3	

5.	Bài 32 風 星 雪 夕 牛 乳 最 勝 負 続 直 治 登 戻	3		3	
6.	Bài 33 付 角 交 席 荷 以 触 吸 伝 投 曲	3		2	1
7.	Bài 34 塩 番 号 甘 辛 苦 細 踊 磨 換 質	3		3	
8.	Bài 35 島 村 葉 緑 活 向 珍 変 捨 拾	3	1	2	
9.	Bài 36 工 記 耳 齒 野 菜 低 太 弱 若 別 打 過 違 必	3		2	1
10.	Bài 37 米 寺 船 械 呼 頼 注 招 輪	3	1	2	
11.	Bài 38 枝 岸 卵 橋 冊 製 無 難 易 散 育 亡	3	1	2	
12.	Bài 39 震 狹 代 恥 困 死 配 倒 並 勢 途	3	1	1	1
13.	Bài 40 都 合 表 返 次 個 危 険 要 決 込 発 調 初	3		3	
14.	Bài 41 祝 菓 舞 産 果 靴 宿 祖 袋 法 取 替	4		4	
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>6</b>	<b>35</b>	<b>4</b>

. Nội dung chi tiết

2. Nội dung bài:

**Bài 28:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài:  
形(hình),品(phẩm),慣(quán),說(thuyết),將(tương),力(lực),熱(nhiệt),心(tâm),眠(mi en),優(ưu),選(tuyển),通(thông),經(kinh)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

**Bài 29:**

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài:

喫(khiết),辺(biên),神(thần),妻(thê),忘(vong),側(trắc),落(lạc),消(tiêu),汚(ô),割(cát),全(toàn)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

**Bài 30:**

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài: 皿 隅 机 引 箱 予 定 冷 置 掛 片 復 約

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

**Bài 31:**

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài: 空 港 文 務 園 飛 機 普 式 受 卒 業 連 殘

- 2.2. Luyện đọc
- 2.3. Luyện viết
- 2.4. Luyện dịch
- 2.5. Làm bài tập

**Bài 32:**

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài: 風 星 雪 夕 牛 乳 最 勝 負 続 直 治 登 戻

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

**Bài33:**

Thời gian: 3 giờ



1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật
2. Nội dung bài: 風 星 雪 夕 牛 乳 最 勝 負 続 直 治 登 辰
- 2.1 Luyện đọc
- 2.2 Luyện viết
- 2.3 Luyện dịch
- 2.4 Làm bài tập

**Bài 34**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật
2. Nội dung bài: 塩 番 号 甘 辛 苦 細 踊 磨 換 質
- 2.1 Luyện đọc
- 2.2 Luyện viết
- 2.3 Luyện dịch
- 2.4 Làm bài tập

**Bài35**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật
2. Nội dung bài: 島 村 葉 緑 活 向 珍 変 捨 捨
- 2.1 Luyện đọc
- 2.2 Luyện viết
- 2.3 Luyện dịch
- 2.4 Làm bài tập

**Bài36:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật
2. Nội dung bài: 工 記 耳 齒 野 菜 低 太 弱 若 別 打 過 違 必
- 2.1 Luyện đọc
- 2.2 Luyện viết
- 2.3 Luyện dịch
- 2.4 Làm bài tập

**Bài37**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật
2. Nội dung bài: 米 寺 船 械 呼 頼 注 招 輪
- 2.1 Luyện đọc
- 2.2 Luyện viết
- 2.3 Luyện dịch
- 2.4 Làm bài tập

**Bài 38:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài: 枝 岸 卵 橋 冊 製 無 難 易 散 育 亡

2.1 Luyện đọc

2.2 Luyện viết

2.3 Luyện dịch

2.4 Làm bài tập

**Bài39:**

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài: 震 狭 代 恥 困 死 配 倒 並 勢 途

2.1 Luyện đọc

2.2 Luyện viết

2.3 Luyện dịch

2.4 Làm bài tập

**Bài 40**

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài: 都 合 表 返 次 個 危 険 要 決 込 発 調 初

2.1 Luyện đọc

2.2 Luyện viết

2.3 Luyện dịch

2.4 Làm bài tập

**Bài41**

Thời gian: 4 giờ

1.Mục tiêu của bài: Hình thành kỹ năng đọc, viết và dịch tiếng Nhật

2. Nội dung bài: 祝 菓 舞 産 果 靴 宿 袂 袋 法 取 替

2.1 Luyện đọc

2.2 Luyện viết

2.3 Luyện dịch

2.4 Làm bài tập

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

9. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe.

10. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

11. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.

12. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

## **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo[2] みんなの日本語初級I. 文法解説  
ベトナム語版、スリーエーネットワーク、2010.

Minna no Nihongo Shokyuu I. quyển tiếng Việt - Giải thích Ngữ pháp. Suriie Network. 2010.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun: NGHE TIẾNG NHẬT 4**

**Mã mô đun: MD25**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 3.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Hiểu văn hóa ứng xử của người Nhật.
  - + Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống đơn giản của xã hội Nhật Bản.
- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ - trung cấp trong giao tiếp.
  - + Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ trung cấp để nghe và trả lời các câu hỏi trong bài học.
  - + **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật (nghe- nói) một cách linh hoạt
  - + **Kỹ năng cá nhân** bước đầu làm quen và hình thành kỹ năng nghe nắm ý chính, nghe và tập ghi chú
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.
  - + Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng mẹ đẻ.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 42 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 42 ( task + mondai)	5	3	2	
2.	Bài 43 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 43 ( task + mondai)	5	3	2	
3.	Bài 44 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 44 ( task + mondai)	6	3	2	1

4.	Bài 45 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 45 ( task + monдай)	5	3	2	
5.	Bài 46 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 46 ( task + monдай)	4	2	1	1
6.	Bài 47 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 47 ( task + monдай)	5	3	2	
7.	Bài 48 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 48 ( task + monдай)	5	3	1	1
8.	Bài 49 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 49 ( task + monдай)	5	3	2	
9.	Bài 50 2.1. Từ mới 2.2. Ngữ pháp 2.3. Nghe bài 50 ( task + monдай)	5	3	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 42:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài.  
Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 42

(task + monдай)

**Bài 43:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 43 (task + monдай)

**Bài 44:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 44 (task + monдай)

**Bài 45:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 45 (task + monдай)

**Bài 46:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 46 (task + monдай)

**Bài 47:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài 47 (task + monдай)

**Bài 48:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 48 (task + monдай)

**Bài 49:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 49 (task + monдай)

**Bài 50:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 50 (task + monдай)

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

5. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe
6. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
7. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
8. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

**2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

**VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài

giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: NÓI TIẾNG NHẬT 4**

**Mã mô đun: MĐ26**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 3.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

**II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức: + Đàm thoại một số các tình huống giao tiếp đơn giản có liên quan về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp

+ Hiểu rõ các từ vựng về văn hóa, xã hội Nhật trình độ sơ cấp



- Về kỹ năng: + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để đối thoại, nghe hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đàm thoại

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc giao tiếp bằng tiếng Nhật theo văn phong người Nhật

+ **Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: nhớ và vận dụng từ vựng, ngữ pháp đã học, phát âm rõ, tốt, linh hoạt trong đàm thoại và giao tiếp với người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài, tìm hiểu trước về các bối cảnh đàm thoại trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

+ Tự tin và chủ động trong giao tiếp, biết chấp nhận khó khăn, học hỏi đức tính khiêm tốn, thân thiện với mọi người.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 42: 優しそうですね	5	3	2	
2.	Bài 43: 優しそうですね	5	3	2	
3.	Bài 44: この写真みたいに してください	6	3	2	1
4.	Bài 45: 一生懸命練習した のに	5	3	2	
5.	Bài 46: もうすぐ着くはずで す	4	2	1	1
6.	Bài 47:	5	3	2	

	婚約したそうです				
7.	Bài 48: 休ませていただけませんか	5	3	1	1
8.	Bài 49: よろしくお伝えください	5	3	2	
9.	Bài 50 : 心から感謝いたします	5	3	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 42:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nói bài 42 (task + monдай)

### Bài 43:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nói bài 43 (task + monдай)

### Bài 44:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nói bài 44 (task + monдай)

### Bài 45:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe- trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:

- 2.1. Từ mới
- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Nói bài 45 (task + monдай)

**Bài 46:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 46 (task + monдай)

**Bài 47:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 47 (task + monдай)

**Bài 48:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nghe bài 48 (task + monдай)

**Bài 49:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 49 (task + monдай)

**Bài 50:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu rõ và vận dụng vào các tình huống cụ thể trong bài. Hình thành kỹ năng nghe-trả lời câu hỏi; nghe- chọn câu trả lời đúng - sai...

2. Nội dung bài:
  - 2.1. Từ mới
  - 2.2. Ngữ pháp
  - 2.3. Nói bài 50 (task + monдай)

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

5. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe

6. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
7. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe
8. Các điều kiện khác:

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá

### 1. Nội dung:

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nói.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

### 2. Phương pháp:

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo: [1] みんなの日本語初級I – 標準問題集 (*Minna no Nihongo Shokyu I- Hyojunmondaishu*) (NXB 3A Corporation, 2002).

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: ĐỌC TIẾNG NHẬT 4**

**Mã mô đun: MD27**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 3.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức: + Nhận biết được đặc điểm các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ cuối sơ cấp, đầu trung cấp.

+ Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ cuối sơ cấp, đầu trung cấp.

- Về kỹ năng: + Sử dụng được hầu hết các ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ cuối sơ cấp, đầu trung cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về ngữ pháp trình độ cuối sơ cấp, đầu trung cấp ứng dụng vào các kỹ năng đọc hiểu.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** quen dần với việc dịch văn bản sang tiếng Việt; đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

+ **Kỹ năng cá nhân** hiểu văn phong của người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.

+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng Việt.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 42: □ボットといっしょ(Làm bạn cùng người máy) 浦島太郎<日本の昔話>(Chuyện cổ tích về Taro Urashima)	5	3	2	
2.	Bài 43: 肉を食べると(Khi ăn thịt) カップめん(Mì ly)	5	3	2	
3.	Bài 44: お元気ですか(Gia đình có khỏe không?) 鈴木君の日記(Nhật kí của Suzuki)	6	3	2	1
4.	Bài 45:	5	3	2	

	カレー(Cà ry) 結婚のスピーチ(Phát biểu ở Lễ cưới)				
5.	Bài 46: 119番に電話をかける( Gọi 119) 悩みの相談(Tâm sự về những lo âu)	4	2	1	1
6.	Bài 47: いとこの長靴(Đôi giày ống của người em họ) ついていない日 (Một ngày lẫn thân)	5	3	2	
7	Bài 48: 空を飛ぶ自動車 (Xe bay) 化粧(Trang điểm)	5	3	1	1
8.	Bài 49: 竹取物語(Truyện kể về cô bé ống tre)	5	3	2	
9.	Bài 50: 人生(Đời người) 紹介(Giới thiệu)	5	3	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 42:

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. ロボットといっしょ(Làm bạn cùng người máy)

2.1.1. Từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. 浦島太郎 < 日本の昔話 > (Chuyện cổ tích về Taro Urashima)

2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

### Bài 43:

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. 肉を食べると(Khi ăn thịt)

2.1.1. Từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. カップめん(Mì ly) 2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

**Bài 44:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. お元気ですか(Gia đình có khỏe không?)

2.1.1. Đọc từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. 鈴木君の日記(Nhật kí của Suzuki)

2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

**Bài 45:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. カレー(Cà ry)

2.1.1. Đọc từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. 結婚のスピーチ(Phát biểu ở Lễ cưới)

2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

**Bài 46:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. 119番に電話をかける (Gọi 119)

2.1.1. Đọc từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. 悩みの相談(Tâm sự về những lo âu)

2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

**Bài 47:** Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. いとこの長靴(Đôi giày ông của người em họ)

2.1.1. Đọc từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. ついていない日(Một ngày lẩn thẩn)

2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

**Bài 48:** Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. 空を飛ぶ自動車(Xe bay)

2.1.1. Đọc từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. 化粧(Trang điểm)

2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

**Bài 49:** Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: 竹取物語(Truyện kể về cô bé ống tre)

2.1. Đọc từ vựng

2.2. Đọc bài khoá

**Bài 50:** Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: Hiểu được văn hoá, đất nước và con người Nhật Bản thông qua các cấu trúc câu và có kỹ năng đọc nhanh, hiểu chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. 人生 (Đời người)

2.1.1. Đọc từ vựng

2.1.2. Đọc bài khoá

2.2. 紹介 (Giới thiệu)

2.2.1. Đọc từ vựng

2.2.2. Đọc bài khoá

#### IV. Điều kiện thực hiện mô đun

9. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học

10. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

11. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe

12. Các điều kiện khác:

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá



### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Đọc
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

#### **4. Tài liệu tham khảo:**

[1] みんなの日本語初級II(*Minna no Nihongo Shokyu II*), (NXB 3A Corporation, 2002).

[2] みんなの日本語中級I—標準問題集(*Minna no Nihongo Chukyu I-Hyojinmondaishu*), (NXB スリーエーネットワーク、2004).

Minna no Nihongo Shokyu I. Hyoujun Mondaihu. Suriie Network. 2010.

### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun: VIẾT TIẾNG NHẬT 4**

## Mã mô đun: MĐ28

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 3.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức: + Nhận biết được đặc điểm các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

- Về kỹ năng: + Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ cuối sơ cấp, đầu trung cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về ngữ pháp sơ cấp ứng dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc dịch văn bản sang tiếng Nhật.

+ **Kỹ năng cá nhân** viết theo văn phong của người Nhật

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp

+ Trung thực với nội dung văn bản khi dịch sang tiếng Nhật.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 42 :</b> -Câu chỉ mục đích “ ~ tame ni” -Câu diễn tả công dụng, tác dụng của vật “ ~ no ni”.	4	2	2	
2.	<b>Bài 43:</b> -Suy đoán bằng mắt “~sou desu” -Diễn tả việc đi thực hiện hành động nào đó và quay trở lại vị trí hiện	4	3	1	

	tại “ ~te kimasu”				
3.	<b>Bài 44:</b> -Diễn tả sự quá mức của hành động, tính chất nào đó “~sugiru” -Để thực hiện, xảy ra việc gì đó “~ yasui desu” - Khó thực hiện, xảy ra việc gì đó “~ nikui desu” - Chuyển tính từ thành trạng từ để làm bổ nghĩa cho động từ	4	2	1	1
4.	<b>Bài 45:</b> - “Trong trường hợp ~” - “Mặc dù ~”	3	2	1	
5.	<b>Bài 46:</b> - Sắp sửa/đang trong lúc, vừa mới “ ~ tokoro” - “Mới vừa ~” - Mẫu câu suy đoán “~ hazu desu”	4	2	2	
6.	<b>Bài 47:</b> - “Nghe nói ~” - “Hình như ~”	4	2	1	1
7.	<b>Bài 48:</b> -Thẻ cầu khiến (sử dịch)	3	2	1	
8.	<b>Bài 49:</b> -Tôn kính ngữ, khiêm nhường ngữ	4	2	2	
9.	<b>Bài 50:</b> -Các cách dùng kính ngữ	4	2	1	1

10.	<b>Bài 1:</b> <b>Minna no Nihongo I Chyukyuu.</b> -Mẫu câu nhờ ai đó giúp mình, so sánh, định nghĩa, giả định (dù là/cho dù ~) .	3	2	1	
11.	<b>Bài 2:</b> <b>Minna no Nihongo I Chyukyuu.</b> -Mẫu câu so sánh, dẫn nội dung lời nói, định nghĩa	4	3	1	
12.	<b>Bài 3:</b> <b>Minna no Nihongo I Chyukyuu.</b> -Xin phép ai đó cho (mình) làm việc gì đó, việc chọn thực hiện/ không thực hiện hành động nào đó, quy định việc sẽ làm/không làm gì đó, muốn ai đó làm/không làm điều gì đó	4	2	1	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 42:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

2.1. Câu chỉ mục đích “ ~ tame ni” Suy đoán bằng mắt “~sou desu

2.2. Câu diễn tả công dụng, tác dụng của vật “ ~ no ni”.

### Bài 43:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

2.1. Suy đoán bằng mắt “~sou desu”

2.2. Diễn tả việc đi thực hiện hành động nào đó và quay trở lại vị trí hiện tại “ ~te kimasu”

**Bài 44:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

2.1. Diễn tả sự quá mức của hành động, tính chất nào đó “~sugiru”

2.2. Dễ thực hiện, xảy ra việc gì đó “~ yasui desu”

2.3. Khó thực hiện, xảy ra việc gì đó “~ nikui desu”

2.4. Chuyển tính từ thành trạng từ để làm bỏ nghĩa cho động từ

**Bài 45:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

2.1. “Trong trường hợp ~”

2.2. “Mặc dù ~”

**Bài 46:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

2.1. Sắp sửa/đang trong lúc, vừa mới “ ~ tokoro”

2.2. “Mới vừa ~”

2.3. Mẫu câu suy đoán “~ hazu desu”

**Bài 47:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

2.1. “Nghe nói ~”

2.2. “Hình như ~”

**Bài 48:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

Thể câu khiến (sử dịch)

**Bài 49:** Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

Tôn kính ngữ, khiêm nhường ngữ

**Bài 50:** Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

Các cách dùng kính ngữ

**Bài 1: Minna no Nihongo I Chyukyuu.**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

Mẫu câu nhờ ai đó giúp mình, so sánh, định nghĩa, giả định (dù là/cho dù ~) .

**Bài 2: Minna no Nihongo I Chyukyuu.**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

Mẫu câu so sánh, dẫn nội dung lời nói, định nghĩa

**Bài 3: Minna no Nihongo I Chyukyuu.**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: Sử dụng được các cấu trúc câu, các thì, thể của các loại từ, văn phong ngắn gọn,...

2. Nội dung bài:

Xin phép ai đó cho (mình) làm việc gì đó, việc chọn thực hiện/ không thực hiện hành động nào đó, quy định việc sẽ làm/không làm gì đó, muốn ai đó làm/không làm điều gì đó

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

9. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học

10. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

11. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.

12. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: viết.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

**2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm

- Vấn đáp

**VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

**2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phân lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

#### **4. Tài liệu tham khảo:**

[1] みんなの日本語初級II – 標準問題集 (Minna no Nihongo Shokyu II-Hyojun mondaishu) (NXB 3A Corporation, 2002).

[2] みんなの日本語中級I – 標準問題集 (Minna no Nihongo Chyuukyuu I-Hyojun mondaishu) (NXB 3A Corporation, 2009).

[3] 文法トレーニング N 3 (Bunpou toreeningu N3) (NXB Aruku, 2010)

### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun: THỰC HÀNH TIẾNG NHẬT 4**

## Mã mô đun: MĐ29

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 6 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun: nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 4.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc

### II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Biết được toàn bộ vị trí các bộ thủ

+ Hiểu được ý nghĩa khoảng 214 bộ thủ của chữ Hán

+ Có thể hiểu thể thức văn nói (khẩu ngữ) tiếng Nhật trong các tình huống: Nhờ, mượn, thay đổi lịch hẹn, phục vụ nhà hàng, phát biểu cảm tưởng của bản thân.

- Về kỹ năng:

+ Đọc và hiểu được các bài đọc trình độ sơ cấp với khoảng 900 chữ Hán thông dụng.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: dựa vào ý nghĩa các bộ, hiểu nội dung của bài đọc một cách chính xác.

+ Kỹ năng cá nhân: từ việc hiểu biết chữ Hán, sinh viên đáp ứng được các yêu cầu của bài đọc.

+ Có thể vận dụng và nghe hiểu các thể thức văn nói Tiếng Nhật trong các tình huống: Nhờ, mượn, thay đổi lịch hẹn, phục vụ nhà hàng, phát biểu cảm tưởng của bản thân.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Soạn bài kỹ lưỡng để tự tin trong phần lý thuyết giảng.

+ Biết nhiều ý nghĩa của từ vựng để phân dịch thuật, luyện nói được sinh động.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 42 石(Thạch) 濟(Té) 政(Chính)化(Hóa) 律(Luật) 際(Té) 厚(Hậu) 薄(Bạc) 包(Bao) 沸(Phí)	3		3	



2.	Bài 43 符(Phù) 枚(Mai) 暑(Thử) 寒(Hàn) 暖(Noãn) 涼(Lương) 咲(Tiểu) 抃(Phát) 增(Tăng) 迎(Nghênh)	4	1	3	
3.	Bài 44 頭(Đầu) 顏(Nhan) 髮(Phát) 倍(Bội) 由(Do) 押(Áp) 痛(Thống) 靜(Tĩnh) 泣(Khấp) 笑(Tiểu)	4		3	1
4.	Bài 45 贈(Tặng) 点(Điểm) 皆(Giai) 速(Tốc) 念(Niệm) 覺(Giác) 働(Động) 練(Luyện) 絡(Lạc)	4	1	3	
5.	Bài 46 藥(Dược) 億(Úc) 彼(Bi) 洗(Tiễn) 濯(Trạc) 乾(Cạn) 燒(Thiêu) 渡(Độ)	3		3	
6.	Bài 47 祭(Tế) 科(Khoa) 庭(Đình) 報(Báo) 性(Tính) 歲(Tuế) 怖(Bố) 吹(Xúy)	5	1	3	1
7.	Bài 48 徒(Đồ) 息(Tức)	3		3	

	娘(Nurong) 留(Luu) 君(Quân) 忙(Mang) 届 (Giới) 遊 (Du) 久(Cửu)				
8.	Bài 49 灰(Hôi) 貿(Mậu) 存(Tồn) 階(Giai) 様(Dạng) 召(Triệu) 寄(Kí) 疲(Bì) 勤(Cần) 泊(Bạc)	3	1	2	
9.	Bài 50 宅(Trạch) 段(Đoạn) 両(Lưỡng) 私(Tư) 郊(Giao) 放(Phóng) 拝(Bái) 参(Tham) 伺(Tứ) 申 (Thân)	3		2	1
10.	Bài 1 (Nama chuukei) 貸してもらう(kashite morau) - Nhờ, mượn	3	1	2	
11.	Bài 2 (Nama chuukei) 予定を変更する(yotei wo henkou suru) - Thay đổi lịch hẹn	3		3	
12.	Bài 3 (Nama chuukei) レストランで(restaurant de) - Phục vụ tại nhà hàng	4	1	2	1
13.	Bài 4 (Nama chuukei)	3		3	

	旅行の感想(ryokou no kansou) - Cảm tưởng về một chuyến du lịch				
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>6</b>	<b>35</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 42:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 石(Thạch) 濟(Tê) 政(Chính) 化(Hóa) 律(Luật) 際(Tê)

厚(Hậu) 薄(Bạc) 包(Bao) 沸(Phi)

2.1. Luyện đọc

2.2. Luyện viết

2.3. Luyện dịch

2.4. Làm bài tập

### Bài 43:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 符(Phù) 枚(Mai) 暑(Thử) 寒(Hàn) 暖(Noãn)

涼(Lương) 咲(Tiểu) 払(Phát) 増(Tăng) 迎(Nghênh)

2.1. Luyện đọc

2.2. Luyện viết

2.3. Luyện dịch

2.4. Làm bài tập

### Bài 44:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 頭(Đầu) 顔(Nhan) 髪(Phát) 倍(Bội) 由(Do) 押(Áp)

痛(Thông) 静(Tĩnh) 泣(Khấp) 笑(Tiểu)

2.1. Luyện đọc

2.2. Luyện viết

2.3. Luyện dịch

#### 2.4. Làm bài tập

##### **Bài 45:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 贈(Tặng) 点(Điểm) 皆(Giai) 速(Tốc) 念(Niệm)  
覚(Giác) 働(Động) 練(Luyện) 絡(Lạc)

2.1. Luyện đọc

2.2. Luyện viết

2.3. Luyện dịch

2.4. Làm bài tập

##### **Bài 46:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 贈(Tặng) 点(Điểm) 皆(Giai) 速(Tốc) 念(Niệm)  
覚(Giác) 働(Động) 練(Luyện) 絡(Lạc)

2.1. Luyện đọc

2.2. Luyện viết

2.3. Luyện dịch

2.4. Làm bài tập

##### **Bài 47:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 祭(Tế) 科(Khoa) 庭(Đình) 報(Báo) 性(Tính) 歳(Tuế)  
怖(Bố) 吹(Xúy)

2.1. Luyện đọc

2.2. Luyện viết

2.3. Luyện dịch

2.4. Làm bài tập

##### **Bài 48:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 徒(Đồ) 息(Tức) 娘(Nương) 留(Lưu) 君(Quân) 忙(Mang)

届 (Giới) 遊 (Du) 久 (Cửu)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

**Bài 49:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 灰(Hôi) 貿(Mậu) 存(Tồn) 階(Giai) 様(Dạng) 召(Triệu) 寄(Kí)

疲(Bì) 勤(Cần) 泊(Bạc)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.5. Làm bài tập

**Bài 50:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 宅(Trạch) 段(Đoạn) 両(Lưỡng) 私(Tư) 郊(Giao) 放(Phóng)

拝(Bái) 参(Tham) 伺(Tứ) 申(Thân)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.1. Luyện viết
- 2.2. Luyện dịch
- 2.3. Làm bài tập

**Bài 1:** (Nama chuukei)

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 貸してもら( Kashite morau)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

**Bài 2:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 石(Thạch) 濟(Tế) 政(Chính) 化(Hóa) 律(Luật) 際(Tế)

厚(Hậu) 薄(Bạc) 包(Bao) 沸(Phi)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

### **Bài 3:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: (Nama chuukei)

レストランで(restaurant de) - Phục vụ tại nhà hàng

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

### **Bài 4:**

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, giúp sinh viên có kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: (Nama chuukei)

旅行の感想(ryokou no kansou) - Cảm tưởng về một chuyến du lịch

厚(Hậu) 薄(Bạc) 包(Bao) 沸(Phi)

- 2.1. Luyện đọc
- 2.2. Luyện viết
- 2.3. Luyện dịch
- 2.4. Làm bài tập

## **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.
4. Các điều kiện khác:

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

#### **4. Tài liệu tham khảo**

[1] 日本語生中継—初中級I (Nihongo Namachukei – Shochuukyu I) NXB Kuroshio、2004

[2] 皆の日本語初級II漢字(Minna no nihongo shokyu II kanji) NXB 3ANetwork、2004

Minna no Nihongo Shokyu I. quyển tiếng Việt - Giải thích Ngữ pháp. Suriie Network. 2010.

### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1

**Mã mô đun:** MD30

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong mô đun nghe, nói, đọc, viết tiếng Nhật 4.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ đầu trung cấp.

+ Hiểu được văn phong, phân biệt các cách thể hiện những điểm NP khác nhau.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được hầu hết các điểm ngữ pháp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ đầu trung cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp đầu trung cấp ứng dụng cho các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức coi trọng môn học (NP), từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.

+ Yêu thích môn học, luôn có sự tìm tòi học hỏi một cách tự giác.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:



Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1</b> 1. ~てくる。~ていく 2. ~たら「どう」? 3. ...より...ほうが... 4. ~らしい 5. ...らしい 6. ~として 7 (1) ず~ (に) (2) ず。。。 8 ~ている	8	5	3	
	<b>Bài 2:</b> 1 (1) もの/もんだから 2 (1) ~られる (2) られる 3 ~たり~たり 4 ~っぱなし 5 (1) おかげで、...おかげだ (2) せいで、...せいだ	10	6	3	1

<p><b>Bài 3:</b></p> <p>1.～.たて</p> <p>2 たとえ～ても</p> <p>3 ～たりしない</p> <p>4～ほど</p> <p>5 ...んだって？</p> <p>6 ～ながら</p> <p>7</p> <p>つまり、...という/ってことだ</p> <p>8 ...よね</p>	9	5	3	1
<p><b>Bài 4</b></p> <p>1.～からなる</p> <p>2.～としては</p> <p>3.～<sup>じょう</sup>上</p> <p>4.～により</p> <p>5 ～ことから</p> <p>6 ～ざるを得ない</p> <p>7 ～てはじめて</p> <p>8 ～ったら</p> <p>9 ～にしては</p> <p>10 ～からには</p> <p>11 ～でしょ。</p>	9	5	3	1
<p><b>Bài 5</b></p> <p>1.～という</p> <p>2.～たびに</p> <p>3.～に関する</p> <p>4.～わけではない</p>	9	5	3	1

5. ~のではないか				
6. ~のだ				
7. ~ほどのものじゃない				
8. ~だけでなく				
9. ~といえば				
<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1:

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, mong muốn...

#### 2. Nội dung bài:

2.1. ~てくる。~ていく

2.2. ~たら「どう」?

2.3. より...ほうが...

2.4. ~らしい

2.5. ...らしい

2.6. ~として

2.7. (1) ず～ (に) (2) ず。。。。

2.8. ~ている

### Bài 2:

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, mong muốn..., cách nói khẩu ngữ..., văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu..

#### 2. Nội dung bài:

2.1. (1) もの/もんだから

2.2. (1) ~られる

(2) られる

2.3. ~たり~たり

2.4. ~っぱなし

2.5. (1) おかげで、...おかげだ (2) せいで、...せいだ

**Bài 3:**

Thời gian: 9 giờ

2. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách nói khẩu ngữ.

2. Nội dung bài:

2.1. ～.たて

2.2. たとえ～ても

2.3. ～たりしない

2.4. ～ほど

2.5. ...んだって？

2.6. ～ながら

2.7. つまり、...という/ってことだ

2.8....よね

2. Nội dung bài:

**Bài 4:**

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, mong muốn..., cách nói khẩu ngữ..., văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu..

2. Nội dung bài:

2.1. ～からなる

2.2. ～としては

2.3. ～<sup>じょう</sup>上

2.4. ～により

2.5. ～ことから

2.6. ～ざるを得ない

2.7. ～てはじめて

2.8. ～ったら

2.9. ～にしては

2.10. ～からには

2.11. ～でしよ。

**Bài 5:**

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu...

2. Nội dung bài:

2.1. ～という

2.2. ～たびに

2.3. ～に関する

2.4. ～わけではない

2.5. ～のではないか

2.6. ～のだ

2.7. ～ほどのものじゃない

2.8. ～だけでなく

2.9. ～といえば

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

2. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

3. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

4. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.

5. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm

- Vấn đáp

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

##### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

##### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

##### **4. Tài liệu tham khảo**

[1]みんなの日本語中級I,II (Minna no Nihongo Chuyukyuu I,II ) (NXB 3A Corporation, 2009).

[2]みんなの日本語中級I , II- 標準問題集(Minna no Nihongo Chuyukyuu I,II - Hyoujun mondaishuu) (NXB 3A Corporation, 2009).

[3]文法トレーニング N 3 (Bunpou toreeningu N3) (NXB Aruku, 2010)

## 5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

### CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Thực hành văn bản tiếng Việt

**Mã môn học:** MH31

**Thời gian thực hiện môn học:** 60 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 39 giờ; Kiểm tra: 6 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi sinh viên học xong các môn học chung.
- Tính chất: Là **môn học** đào tạo nghề bắt buộc.

#### II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:
  - + Kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản quản lý nhà nước
  - + Nắm được phương pháp soạn thảo văn bản và ngôn ngữ soạn thảo văn bản
  - + Hiểu được các thành phần cấu thành văn bản theo quy định pháp luật hiện hành
  - + Nắm vững phương pháp và quy trình soạn thảo văn bản quản lý nhà nước thông thường
- Kỹ năng:
  - + Soạn thảo được một số văn bản thông dụng trong hoạt động thực tiễn đúng với quy định pháp luật như báo cáo, tờ trình, quyết định, biên bản, công văn, thông báo, kế hoạch công tác... và những văn bản hành chính liên quan trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Sinh viên, học viên có kỹ năng làm đề tài nghiên cứu khoa học.
  - + Soạn thảo hợp đồng kinh tế
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức coi trọng môn học từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.
  - + Yêu thích môn học, luôn có sự tìm tòi học hỏi một cách tự giác.

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát văn bản quản lý nhà nước và mối quan hệ giữa văn	12	3	8	1

	<p>bản với hệ thống quản lí</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái quát văn bản quản lí Nhà nước</li> <li>2. Mối quan hệ giữa văn bản với hệ thống quản lí</li> <li>3. Bài tập</li> </ol>				
2	<p>Chương 2: Phương pháp và ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lí nhà nước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Một số nguyên tắc trong soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước.</li> <li>2. Quy tắc trong soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước.</li> <li>3. Một số thủ tục trong soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước</li> <li>4. Ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước</li> <li>5. Bài tập</li> </ol>	12	3	8	1
3	<p>Chương 3: Thể thức văn bản quản lí nhà nước</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm về thể thức văn bản quản lí Nhà nước</li> <li>2. Ý nghĩa của việc quy định thể thức hành chính văn bản</li> <li>3. Thành phần kết cấu bắt buộc của văn bản quản lí Nhà nước</li> <li>4. Bài tập</li> </ol>	12	3	8	1
4	<p>Chương 4: Phương pháp soạn thảo một số văn bản quản lí nhà nước thông thường</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo (Khái niệm; đặc điểm; các loại báo cáo; cách soạn thảo báo cáo)</li> <li>2. Tờ trình (Khái niệm; đặc điểm; cách soạn thảo tờ trình)</li> </ol>	12	3	8	1

	<p>3. Quyết định (Khái niệm; đặc điểm; các loại quyết định; cách soạn thảo quyết định)</p> <p>4. Biên bản (Khái niệm; đặc điểm; các loại biên bản; cách soạn thảo biên bản)</p> <p>5. Kế hoạch công tác (Khái niệm; đặc điểm; các loại kế hoạch công tác; cách soạn thảo kế hoạch công tác)</p> <p>6. Công văn (Khái niệm; đặc điểm; các loại công văn; cách soạn thảo công văn)</p> <p>7. Thông báo (Khái niệm; đặc điểm; cách soạn thảo thông báo)</p> <p>8. Bài tập</p>				
5	<p>Chương 5: Phương pháp soạn thảo văn bản khoa học, kinh tế</p> <p>1. Soạn thảo văn bản khoa học</p> <p>2. Soạn thảo hợp đồng kinh tế</p> <p>3. Bài tập</p>	12	3	7	2
	<b>Cộng</b>	<b>60</b>	<b>15</b>	<b>39</b>	<b>6</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Chương 1 Khái quát văn bản quản lý nhà nước và mối quan hệ giữa văn bản với hệ thống quản lý

Thời

gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Hiểu về các văn bản quản lý nhà nước và mối quan hệ giữa văn bản với hệ thống quản lý

2. Nội dung chương:

2.1. Khái quát văn bản quản lý Nhà nước

2.1.1. Khái niệm về văn bản và văn bản quản lý Nhà nước

2.1.2. Chức năng của văn bản quản lý Nhà nước

2.1.3 Yêu cầu đối với một văn bản quản lý Nhà nước

2.1.4. Các loại văn bản quản lý Nhà nước

2.2. Mối quan hệ giữa văn bản với hệ thống quản lý

2.2.1. Quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước

2.2.2. Văn bản và chế độ làm việc trong cơ chế quản lý



### 2.2.3. Văn bản và vấn đề ủy quyền trong quản lí

2.3. Bài tập: Làm các dạng bài tập có liên quan tới vấn đề ủy quyền trong quản lí; chế độ làm việc trong cơ chế quản lí; mối quan hệ giữa nhà nước và hệ thống văn bản.

## **Chương 2: Phương pháp và ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lí nhà nước**

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Nhớ được các phương pháp và ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lí nhà nước.

2. Nội dung chương:

2.1. Một số nguyên tắc trong soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước.

2.2. Quy tắc trong soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước.

2.3. Một số thủ tục trong soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước

2.4. Ngôn ngữ soạn thảo văn bản quản lí Nhà nước

2.5. Bài tập: Làm các bài tập có liên quan tới vấn đề sao văn bản; chuyển văn bản; tìm hiểu về các loại con dấu (đặc biệt dấu khảm, dấu mật)

## **Chương 3: Thể thức văn bản quản lí nhà nước**

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được Khái niệm về thể thức văn bản quản lí Nhà nước, Ý nghĩa của việc quy định thể thức hành chính văn bản. Nêu được Thành phần kết cấu bắt buộc của văn bản quản lí Nhà nước.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về thể thức văn bản quản lí Nhà nước

2.2. Ý nghĩa của việc quy định thể thức hành chính văn bản

2.3. Thành phần kết cấu bắt buộc của văn bản quản lí Nhà nước

2 2.4. Bài tập: Làm các bài tập có liên quan tới thể thức của văn bản pháp quy và văn bản cá biệt; ý nghĩa của các kí hiệu được viết tắt trong các văn bản quản lí; vẽ mẫu thể hiện thể thức của công văn và các văn bản có tên loại.

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn

2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, loa.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

[1.] Nguyễn Mạnh Hiền (2004), Giáo trình Văn bản và phương pháp soạn thảo văn bản trong quản lí, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân - Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2.] Thông tư, số 01/ 2011 / TT – BNV (về việc hướng dẫn thể thức và kĩ thuật trình bày văn bản).

4. Các điều kiện khác:

## **V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**

- Kiến thức: Được đánh giá qua bài kiểm tra viết, trắc nghiệm khách quan đạt được các yêu cầu:

+ Kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản quản lí nhà nước

- + Nắm được phương pháp soạn thảo văn bản và ngôn ngữ soạn thảo văn bản
- + Hiểu được các thành phần cấu thành văn bản theo quy định pháp luật hiện hành
- + Nắm vững phương pháp và quy trình soạn thảo văn bản quản lý nhà nước thông thường

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua bài tập thực hành đạt các yêu cầu sau:

- + Soạn thảo được một số văn bản thông dụng trong hoạt động thực tiễn đúng với quy định pháp luật như báo cáo, tờ trình, quyết định, biên bản, công văn, thông báo, kế hoạch công tác... và những văn bản hành chính liên quan trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Sinh viên, học viên có kỹ năng làm đề tài nghiên cứu khoa học.

- + Soạn thảo hợp đồng kinh tế

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Rèn luyện kỹ năng lập trình cẩn thận, chu đáo .

- + Rèn luyện kỹ năng suy luận logic.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Học song song giữa lý thuyết và thực hành, đưa các bài tập gần với thực tế nhất để sinh viên sau khi học xong có thể tạo ra sản phẩm sử dụng được phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 3, 4, 5.

4. Tài liệu tham khảo:

[1.] Lê Văn In (1999), *Mẫu soạn thảo văn bản*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2.] TS. Lưu Kiếm Thanh (2003), *Hướng dẫn soạn thảo văn bản quản lý hành chính nhà nước*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[3]. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về công tác văn thư, lưu trữ: Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; pháp lệnh lưu trữ và các văn bản hướng dẫn thi hành

[4.] Nguyễn Văn Thông (2004), *Hướng dẫn kỹ thuật soạn thảo văn bản (Dùng cho các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các đoàn thể, các đơn vị kinh tế và công dân)*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[5.] Lê Thành Kính - Châu Thành Nam (2002), *Quy trình soạn thảo và mẫu các văn bản thông dụng dùng trong quản lý đơn vị hành chính - sự nghiệp và kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[6.] Nguyễn Thế Phần (2008), *Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[7.] *Thông tư liên tịch, số 55 / 2005 / TTLT - BNV - VPCP ( về việc hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản).*

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2

**Mã mô đun:** MĐ32

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong mô đun viết tiếng Nhật 4.
- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:
  - + Nắm vững các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ đầu trung cấp.
  - + Hiểu được văn phong, phân biệt các cách thể hiện những điểm NP khác nhau.
- Kỹ năng:
  - + Sử dụng được hầu hết các điểm ngữ pháp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ đầu trung cấp.
  - + Vận dụng tốt những kiến thức ngữ pháp đầu trung cấp ứng dụng cho các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức coi trọng môn học (NP), từ đó có thái độ học tập nghiêm túc.
  - + Yêu thích môn học, luôn có sự tìm tòi học hỏi một cách tự giác.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1</b>	6	3	3	
	<b>Bài 2:</b>	7 10	4	2	1
	<b>Bài 3:</b>	6	4	2	
	<b>Bài 4</b>	6	3	2	1

	<b>Bài 5</b>	6	4	2	
	<b>Bài 6</b>	7	4	2	1
	<b>Bài 7</b>	7	4	2	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1:

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, mong muốn...

2. Nội dung bài:

2.1....ということだ

2.2.... の。...の？

2.3.～ちゃう～とく～てる

2.4.～（さ）せられる～される

2.5. ～である

2.6.～V（ます）, V（ます）、～く（て）、～く（て）

2.7.（1）～（た）がる （2）～（た）がっている

2.8. こと。ということ

### Bài 2:

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, mong muốn..., cách nói khẩu ngữ..., văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu..

2. Nội dung bài:

2.1.（1）あ～そ～（2）そ～

2.2.～ んじゃない？

2.3.～たところに/で

2.4.（よ）うとする

（よ）うとしない

2.5.～のだろうか

2.6.～との/~での/~からの/~までの

/~への

2.7. ~だろう。~だろうと思う

**Bài 3:**

Thời gian: 9 giờ

3. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách nói khẩu ngữ.

2. Nội dung bài:

2.1. ~.て。~って

2.2. ~つもりはない

~つもりだった

~たつもり

~ているつもり

2.3. ~てばかりいる

~ばかりている

2.4. ~とか

2.5. ~てくる

2.6. ~てくる~ていく2. Nội dung bài:

**Bài 4:**

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, mong muốn..., cách nói khẩu ngữ..., văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu..

2. Nội dung bài:

2.1.(1) ~なくてはならない/いけない. ~なくてもかまわない

2.2.(2) ~なくちゃ/~なきや[いけない]

2.3.2 ~だけだ。ただ~だけでいい

2.4. ~かな

2.5. ~なんか/~なんて

2.6. ~させる/~させられる/~される

2.7. ~なら

**Bài 5:**

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu...

2. Nội dung bài:

2.1. ~あいだ/~あいだに

2.2. ～まで/～までに

2.3. ～た～

2.4. ～によって

2.5. ～まま ～のまま

2.6. ～かただ

#### **Bài 6:**

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu...

2. Nội dung bài:

2.1. お～ますです

2.2. ～てもかまわない

2.3. ...ほど～ない. ...ほどではない

2.4. ～ほど～はない/いない

2.5. ...ため[に]、...・...ためだ

2.6. ～たら/～ば、...た

#### **Bài 7:**

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu của bài: Cung cấp các cấu trúc câu, các thì, cách diễn đạt lịch sự khi xin phép, thể hiện ý chí, văn phong ngắn gọn, diễn đạt dễ hiểu...

2. Nội dung bài:

2.1. (1) ...はずだ(2) ...はずが/はない

(3) ...はずだった

2.2. ...ことが/もある

2.3. ～た結果、...・～の結果、...

2.4. (1) ～出す (2) ～始める・～終わる・～続ける (3)

～忘れる・～合う・～換える

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

6. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

7. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

8. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.

9. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

## **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

#### **4. Tài liệu tham khảo**

[1]みんなの日本語中級I (*Minna no Nihongo Chuyukyuu I*) (NXB 3A Corporation, 2009).

[2]みんなの日本語中級I - 標準問題集(*Minna no Nihongo Chuyukyuu I - Hyoujun mondaishuu*) (NXB 3A Corporation, 2009).

[1]文法トレーニング N 3 (*Bunpou toreeningu N3*) (NXB Aruku, 2010)

### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Đàm thoại văn hoá xã hội Nhật Bản

**Mã mô đun:** MD33

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun Nói tiếng Nhật 4.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Kiến thức:

+ Đàm thoại một số các tình huống giao tiếp đơn giản có liên quan về văn hóa, xã hội Nhật Bản trình độ sơ cấp

+ Hiểu rõ các từ vựng về văn hóa, xã hội Nhật trình độ sơ cấp.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ cấp trong phân tích câu tiếng Nhật trình độ sơ cấp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ cấp để đối thoại, nghe hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài đàm thoại.



+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen với việc giao tiếp bằng tiếng Nhật theo văn phong người Nhật.

+ **Kỹ năng cá nhân** ứng dụng các phương pháp như: nhớ và vận dụng từ vựng, ngữ pháp đã học, phát âm rõ, tốt, linh hoạt trong đàm thoại và giao tiếp với người Nhật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài, tìm hiểu trước về các bối cảnh đàm thoại trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.

+ Tự tin và chủ động trong giao tiếp, biết chấp nhận khó khăn, học hỏi đức tính khiêm tốn, thân thiện với mọi người.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1</b> 伝言、お願いできますか。	7	4	3	
2	<b>Bài 2</b> どう行ったらいいでしょうか。 。	6	3	2	1
3	<b>Bài 3</b> 行かせていただきたいんですが。	6	4	2	
4	<b>Bài 4</b> 楽しみにしてます・遠慮させてください。	6	3	2	1
5	<b>Bài 5</b> 迷子になっちゃったんです。	7	4	2	1
6	<b>Bài 6</b> どこが違うんですか。	6	4	2	
7	<b>Bài 7</b> そんなはずはありません。	7	4	2	1
<b>Cộng</b>		<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

**Bài 1:** Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

2. Nội dung bài: 伝言、お願いできますか。

2.1. Phát âm, đọc.

2.2. Tập nói

2.3. Làm bài tập

**Bài 2:** Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

2. Nội dung bài: どう行ったらいいでしょうか。

2.1. Phát âm, đọc.

2.2. Tập nói

2.3. Làm bài tập

**Bài 3:** Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

2. Nội dung bài: 行かせていただけますか。

2.1. Phát âm, đọc.

2.2. Tập nói

2.3. Làm bài tập

**Bài 4:** Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

2. Nội dung bài: 楽しみにしています・遠慮させてください。

2.1. Phát âm, đọc.

2.2. Tập nói

2.3. Làm bài tập

**Bài 5:** Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

2. Nội dung bài: 迷子になっちゃったんです。

2.1. Phát âm, đọc.

2.2. Tập nói

2.3. Làm bài tập

**Bài 6:** Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

2. Nội dung bài: どこが違うんですか。

2.1. Phát âm, đọc.

2.2. Tập nói

2.3. Làm bài tập

#### **Bài 7:**

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

2. Nội dung bài: そんなはずはありません。

2.1. Phát âm, đọc.

2.2. Tập nói

2.3. Làm bài tập

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.

4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm

- Vấn đáp

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

##### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ.

Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

**3. Những trọng tâm cần chú ý:**

**4. Tài liệu tham khảo**

[1] みんなの日本語中級I－標準問題集、3A Corporation, 2012

**5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun: Đọc hiểu các vấn đề văn hoá, xã hội Nhật Bản**

**Mã mô đun: MD34**

**Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)**

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun đọc tiếng Nhật 4.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Kiến thức:

+ Nắm vững được đặc điểm các cấu trúc câu tiếng Nhật trình độ đầu trung cấp.

+ Thông qua các bài học sẽ có sự hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán của Nhật bản.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng đọc nhanh, nắm bắt nội dung, những vấn đề chính, cốt lõi trong bài.

+ Vận dụng những kiến thức, sự hiểu biết về văn hóa, phong tục NB cho việc nghiên cứu, tìm hiểu, giao tiếp về sau

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có sự hiểu biết, từ đó ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ hòa bình, bảo tồn các nền di sản văn hóa cổ vì sự phát triển của con người...

+ Trung thực trong nhận thức, chuyên môn, trong xử lý công việc và cả trong cuộc sống.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1</b> 電話嫌い (không thích điện thoại)	7	4	3	
2	<b>Bài 2</b> 地図(bản đồ)	6	3	2	1
3	<b>Bài 3</b> メンタルトレーニング ( sự luyện tập về tinh thần)	6	4	2	
4	<b>Bài 4</b> まんじゅう、怖い ( sợ bánh bao)	6	3	2	1
5	<b>Bài 5</b> 科学者どう見える？ (Những nhà khoa học trông như thế nào?)	7	4	2	1

6	<b>Bài 6</b> カラオケ (karaoke)	6	4	2	
7	<b>Bài 7</b> 記憶型と注意型 (Dạng về bộ nhớ và dạng về sự chú ý)	7	4	2	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 1:** Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: 電話嫌い (không thích điện thoại)

2.1. Mondai

2.2. Hyojunmondai shuu

2.3. Làm bài tập

### **Bài 2:** Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: 地図(bản đồ)

2.1. Mondai

2.2. Hyojunmondai shuu

2.3. Làm bài tập

### **Bài 3:** Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: メンタルトレーニング (sự luyện tập về tinh thần)

2.1. Mondai

2.2. Hyojunmondai shuu

2.3. Làm bài tập

### **Bài 4:** Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: まんじゅう、怖い( sợ bánh bao)

2.1. Mondai

2.2. Hyojunmondai shuu

2.3. Làm bài tập

**Bài 5:**

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: 科学者どう見える？ (Những nhà khoa học trông như thế nào?)

2.1. Mondai

2.2. Hyojunmondai shuu

2.3. Làm bài tập

**Bài 6:**

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: カラオケ (karaoke)

2.1. Mondai

2.2. Hyojunmondai shuu

2.3. Làm bài tập

**Bài 7:**

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng đọc nhanh, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài: 記憶型と注意型 (Dạng về bộ nhớ và dạng về sự chú ý)

2.1. Mondai

2.2. Hyojunmondai shuu

2.3. Làm bài tập

2.3. Làm bài tập

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.

4. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

**1. Nội dung:**

- Kiến thức: bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.

- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

## 2. Phương pháp:

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ.

Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

#### 4. Tài liệu tham khảo

[1] 文法トレーニング N 3 (*Bunpou toreeningu N3*) (NXB Aruku, 2010)

### 5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

## CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

**Tên mô đun:** Nghe hiểu văn hóa - xã hội Nhật Bản

**Mã mô đun:** MD35

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 15 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong các mô đun nghe tiếng Nhật 4.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:
  - + Hiểu văn hóa ứng xử của người Nhật.
  - + Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống giao tiếp đơn giản của xã hội Nhật Bản.



- Kỹ năng:
  - + Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp sơ - trung cấp trong giao tiếp
  - + Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp sơ trung cấp để nghe và trả lời các câu hỏi trong bài học.
  - + **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật (nghe-nói) một cách linh hoạt.
  - + **Kỹ năng cá nhân** bước đầu làm quen và hình thành kỹ năng nghe nắm ý chính, nghe và tập ghi chú.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.
  - + Trung thực với nội dung văn bản tiếng Nhật khi dịch sang tiếng mẹ đẻ.

### III. Nội dung mô đun:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1</b> Shin mainichi kikator (Quyền thượng)	7	4	3	
2	<b>Bài 2</b> Shin mainichi kikator (Quyền thượng)	6	3	2	1
3	<b>Bài 3</b> Shin mainichi kikator (Quyền thượng)	6	4	2	
4	<b>Bài 4</b> Shin mainichi kikator (Quyền thượng)	6	3	2	1
5	<b>Bài 5</b> Shin mainichi kikator (Quyền thượng)	7	4	2	1
6	<b>Bài 6</b> Shin mainichi kikator (Quyền thượng)	6	4	2	

7	<b>Bài 7</b> Shin mainichi kikitori (Quyên thương)	7	4	2	1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>15</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 1:**

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng nghe, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ vựng

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài

### **Bài 2:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng nghe, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ vựng

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài

### **Bài 3:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng nghe, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ vựng

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài

### **Bài 4:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng nghe, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ vựng

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài

**Bài 5:**

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng nghe, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ vựng

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài

**Bài 6:**

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng nghe, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ vựng

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài

**Bài 7:**

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu của bài: cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản. Rèn luyện kỹ năng nghe, nắm bắt chính xác nội dung văn bản.

2. Nội dung bài:

2.1. Từ vựng

2.2. Ngữ pháp

2.3. Nghe bài

**IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập, đĩa nghe.
4. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá****1. Nội dung:**

- Kiến thức: bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

**2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ.

Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

#### **4. Tài liệu tham khảo**

[1] みんなの日本語中級I (*Minna no Nihongo Chuyukyuu I*) (NXB 3A Corporation, 2009).

[2] 新毎日の聞き取り50日(上) Shin mainichi kikitori ( quyển thượng) NXB Bonjinsha, 2007)

[3] 新毎日の聞き取り50日(下) Shin mainichi kikitori ( quyển hạ) (NXB Bonjinsha, 2007)

[4] みんなの日本語中級I 標準問題集(*Minna no Nihongo Chuyukyuu I Hyoujun mondaishu*) (NXB 3A Corporation, 2009).

### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN**

**Tên mô đun: THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG NHẬT 1**

**Mã mô đun: MĐ36**

**Thời gian thực hiện mô đun:** 45 giờ; (Lý thuyết: 6 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của mô đun:**

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong mô đun thực hành tiếng Nhật 4.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### **II. Mục tiêu mô đun:**

- Về kiến thức:

+ Có thể hiểu thể thức văn nói (khẩu ngữ) tiếng Nhật trong các tình huống: mua sắm, tìm việc làm thêm, khen ngợi người khác, khuyên người khác, trình bày quan điểm của bản thân, thuê nhà.

+ Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống giao tiếp đơn giản của xã hội Nhật Bản.

- Về kỹ năng:

+ Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp trong giao tiếp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp vào các tình huống giao tiếp trong thực tế.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật (nghe-nói) một cách linh hoạt .

+ Biết nhiều ý nghĩa của từ vựng để phân dịch thuật, luyện nói được sinh động.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.

+ Biết nhiều ý nghĩa của từ vựng để phân dịch thuật, luyện nói được sinh động.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1</b> 買い物(kaimono) - Mua sắm	6	1	5	
2	<b>Bài 2</b> アルバイトを探す(arubaito wo sagasu) - Tìm việc làm thêm	7	1	5	1
3	<b>Bài 3</b> ほめられて(homerarete) ) - Được khen	6	1	5	
4	<b>Bài 4</b> 交通手段(koutsushudan)	7	1	5	1

	- cách thức đi lại				
5	<b>Bài 5</b> ゆずります(yuzurimasu) ) - nhường nhịn	6	1	5	
6	<b>Bài 6</b> ゆずります(yuzurimasu) ) - nhường nhịn	7	1	5	1
7	<b>Bài 7</b> マンション(manshon) - chung cư	6		5	1
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>6</b>	<b>35</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1:

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 買い物(kaimono) - Mua sắm

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

### Bài 2:

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: アルバイトを探す(arubaito wo sagasu) - Tìm việc làm thêm

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

### Bài 3:

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: ほめられて(homerarete) - Được khen

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

#### **Bài 4:**

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 交通手段(koutsu shudan) - cách thức đi lại

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

#### **Bài 5:**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: ゆずります(yuzurimasu) - nhường nhịn

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

#### **Bài 6:**

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: ゆずります(yuzurimasu) - nhường nhịn

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

#### **Bài 7:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: マンション(manshon) - chung cư

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.
4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

##### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập.

##### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

##### **4. Tài liệu tham khảo**

[1] 日本語生中継—初中級I (Nihongo Namachuukei – Shochuukyu I) NXB Kuroshio、2004

[2] 日本語能力試験N4.5 2012、[www.alc.co.jp](http://www.alc.co.jp)

[3] みんなの日本語中級 I NXB スリーエーネットワーク 2012

##### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**



## Tên mô đun: THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG NHẬT 2

Mã mô đun: MD37

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 6 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 35 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được bố trí sau khi sinh viên học xong mô đun thực hành tiếng Nhật 4.

- Tính chất: Là mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

### II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Có thể hiểu thể thức văn nói (khẩu ngữ) tiếng Nhật trong các tình huống: mua sắm, tìm việc làm thêm, khen ngợi người khác, khuyên người khác, trình bày quan điểm của bản thân, thuê nhà.

+ Hiểu rõ các từ vựng được sử dụng trong các tình huống giao tiếp đơn giản của xã hội Nhật Bản.

- Về kỹ năng:

+ Sử dụng được từ vựng và ngữ pháp trong giao tiếp.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về từ vựng và ngữ pháp vào các tình huống giao tiếp trong thực tế.

+ **Kỹ năng nghề nghiệp** làm quen kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nhật (nghe-nói) một cách linh hoạt .

+ Biết nhiều ý nghĩa của từ vựng để phân dịch thuật, luyện nói được sinh động.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động soạn bài trong giờ tự học và tự tin trình bày, trao đổi với GV trong giờ lý thuyết trên lớp.

+ Biết nhiều ý nghĩa của từ vựng để phân dịch thuật, luyện nói được sinh động.

### III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Bài 1</b> 出合い(Deai) - Gặp gỡ	4		4	
2	<b>Bài 2</b> ホテルで(Hoterude) - Khách sạn	4	1	3	

3	<b>Bài 3</b> 噂(uwasa) - Tin đồn	5		4	1
4	<b>Bài 4</b> 機会のトラブル (Kikai no toraburu) - Máy móc gặp sự cố, hỏng hóc	4	1	3	
5	<b>Bài 5</b> 失敗(shippai) - Thất bại	5	1	3	1
6	<b>Bài 6</b> 電話をかける(denwa wo kakeru) - Gọi điện thoại	5	1	4	
7	<b>Bài 7</b> 健康のため (kenkou no tame ) - Nói về sức khỏe	4		3	1
8	<b>Bài 8</b> 駅で(ekide) - Tại nhà ga	5	1	4	
9	<b>Bài 9</b> 趣味 (shumi) - Sở thích	4		4	
10	<b>Bài 10</b> 抱負(houfu) - Cổ vũ	5	1	3	1
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>6</b>	<b>35</b>	<b>4</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1:

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 出会い(Deai) - Gặp gỡ

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 2:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: ホテルで(Hoterude) - Khách sạn

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 3:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 噂(uwasa) - Tin đồn

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 4:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 機会のトラブル (Kikai no toraburu) - Máy móc gặp sự cố, hỏng hóc

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 5:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 失敗(shippai) - Thất bại

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 6:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 電話をかける(denwa wo kakeru) - Gọi điện thoại

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 7:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 健康のため (kenkou no tame) - Nói về sức khỏe

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 8:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 駅で(ekide) - Tại nhà ga

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 9:**

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 趣味 (shumi) - Sở thích

2.1. Từ mới

2.2. Ngữ pháp

2.3. Luyện nghe

**Bài 10:**

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài: vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống hội thoại Tiếng Nhật thực tế, rèn luyện kỹ năng phản xạ và xử lý tốt các tình huống sẽ phát sinh trong thực tế.

2. Nội dung bài: 抱負(houfu) - Cỗ vũ

2.1. Từ mới

- 2.2. Ngữ pháp
- 2.3. Luyện nghe

#### **IV. Điều kiện thực hiện mô đun**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng nghe.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu học tập.
4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Bằng các bài kiểm tra viết và trắc nghiệm đạt yêu cầu.
- Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá tính tự giác, tích cực, cẩn thận trong quá trình học tập.

##### **2. Phương pháp:**

- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Vấn đáp

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học được giảng dạy cho trình độ cao đẳng.

##### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Để giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản cần thiết, sau mỗi chương cần giao các câu hỏi, bài tập để người học tự làm ngoài giờ. Các câu hỏi, bài tập chỉ cần ở mức độ đơn giản, trung bình phù hợp với phần lý thuyết đã học. Giáo viên có thể sử dụng kết hợp máy vi tính, máy chiếu, áp dụng các loại giáo án điện tử;

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học; tích cực trong hoạt động nhóm; tự giác trong học tập.

##### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

##### **4. Tài liệu tham khảo**

- [1] 日本語能力試験N4.5 2012、[www.alc.co.jp](http://www.alc.co.jp)
- [2] みんなの日本語中級Ⅱ NXB スリーエーネットワーク、2012

##### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):**

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn: **Quản trị doanh nghiệp**

2. Mã môn học: MH38

Thời gian môn học: 45 tiết (Lý thuyết: 42 tiết; Thực hành: 0 t, KT: 3t)

### 1. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học quản trị doanh nghiệp thuộc nhóm các môn chuyên môn được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn học cơ sở.

- Tính chất: Môn học quản trị doanh nghiệp cung cấp những kiến thức về cung cách tổ chức, điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường.

### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức:

- + Trình bày được những kiến thức cơ bản của kinh doanh và quản trị doanh nghiệp
- + Vận dụng nghiên cứu cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị trong doanh nghiệp để thực hiện công tác kế toán được chính xác
- + Vận dụng các phương pháp lập kế hoạch vào công tác tài chính kế toán có hiệu quả nhất
- + Vận dụng vào thực tiễn cách thức quản trị một số nội dung trong doanh nghiệp

- Kỹ năng:

- + Lựa chọn được các cung cách tổ chức, điều hành và tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp về phương pháp, hình thức, biện pháp quản trị doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp
- + Thu thập, xử lý các thông tin kế toán làm cơ sở lập kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp
- + Tổ chức được công tác tài chính, kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp
- + Sử dụng kiến thức đã được nghiên cứu làm cơ sở cho việc nhận thức và ứng dụng vào hoạt động thực tiễn khi là nhân viên quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp.

- Thái độ:

- + Có ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn
- + Có thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị doanh nghiệp

### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên chương mục	Thời gian (tiết)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Doanh nghiệp và tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp	9	9		
II	Lập chiến lược, kế hoạch trong quản trị doanh nghiệp	10	9		1
III	Quản trị nhân sự, khoa học - công nghệ trong doanh nghiệp	9	9		
IV	Quản trị chi phí, kết quả và các chính sách tài chính doanh nghiệp	10	9		1
V	Kế toán và ra quyết định	7	6		1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>42</b>		<b>3</b>

#### 2. Nội dung chi tiết:

##### Chương 1: Doanh nghiệp và tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

###### Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp
- Mô tả được các hình thức hoạt động kinh doanh
- Liệt kê được các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức doanh nghiệp
- Mô tả được các hệ thống tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp
- Nhận biết được nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của bộ máy quản trị doanh nghiệp
- Xác định được đặc điểm của một hệ thống kinh doanh
- Giải thích được vai trò và bản chất của kinh doanh

- Giải thích được nội dung các hình thức tổ chức doanh nghiệp theo qui định của luật pháp
- Vận dụng nghiên cứu cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị trong doanh nghiệp để thực hiện công tác kế toán được chính xác
- Nghiêm túc khi nghiên cứu

*Nội dung:*

*Thời gian: 9 giờ*

## 1. Bản chất hoạt động kinh doanh

- 1.1. Vai trò của kinh doanh
- 1.2. Bản chất của hệ thống kinh doanh
- 1.3. Sự cần thiết của hoạt động kinh doanh
- 1.4. Các hình thức hoạt động kinh doanh
- 1.5. Các loại tổ chức kinh doanh
- 1.6. Những đặc điểm của một hệ thống kinh doanh

## 2. Doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp

- 2.1. Khái niệm doanh nghiệp
- 2.2. Khái niệm quản trị doanh nghiệp
- 2.3. Các hình thức tổ chức doanh nghiệp theo qui định của luật pháp

- Doanh nghiệp tư nhân
- Công ty trách nhiệm hữu hạn
- Công ty cổ phần
- Các tổ chức kinh tế khu vực Nhà nước
- Các loại hình tổ chức kinh doanh khác

## 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

- 3.1. Các yêu cầu chủ yếu
- 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức doanh nghiệp
- 3.3. Các hệ thống tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp
- 3.4. Xây dựng bộ máy quản trị doanh nghiệp

## 4. Thực hành

- Thảo luận vai trò của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải làm gì để đóng góp cho xã hội



- Thảo luận về ba hình thức cơ bản của hoạt động kinh doanh. Mỗi hình thức có mối liên hệ gì khác với các hình thức khác
- Thảo luận về những thay đổi chủ yếu của nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua
- Nhà doanh nghiệp phải làm thế nào để góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước
- Giải thích nội dung các hình thức tổ chức doanh nghiệp theo qui định của luật pháp
- Mô tả các cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

## 5. Kiểm tra

### Chương 2: **Lập chiến lược, kế hoạch trong quản trị doanh nghiệp**

#### *Mục tiêu:*

- Xác định được trình tự quá trình quản trị chiến lược
- Mô tả được các loại mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp
- Biết được các yếu tố ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch
- Liệt kê được các loại kế hoạch trong doanh nghiệp
- Mô tả được quá trình dự thảo chiến lược kinh doanh
- Tóm tắt được các lĩnh vực kinh doanh
- Phân tích, dự báo được môi trường kinh doanh của doanh nghiệp
- Vận dụng được các phương pháp lập kế hoạch vào việc lập kế hoạch cho doanh nghiệp

#### *Nội dung:*

*Thời gian: 10 giờ*

### 1. Chiến lược

#### 1.1. Vai trò của lập chiến lược

#### 1.2. Các cấp chiến lược

#### 1.3. Quá trình quản trị chiến lược

### 2. Lập kế hoạch

#### 2.1. Hoạch định mục tiêu kinh doanh

#### 2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch

#### 2.3. Lập kế hoạch

- Khái niệm

- Các loại kế hoạch
  - Phối hợp kế hoạch
  - Cụ thể hoá kế hoạch
  - Các phương pháp kế hoạch
3. Kỹ thuật dự thảo chiến lược trong quản trị kinh doanh
    - 3.1. Phân tích, dự báo môi trường kinh doanh
    - 3.2. Dự thảo chiến lược kinh doanh
    - 3.3. Hoạch định chương trình quản trị kinh doanh

### **Chương 3: Quản trị nhân sự, khoa học - công nghệ trong doanh nghiệp**

#### *Mục tiêu:*

- Trình bày được khái niệm và vai trò của quản trị nhân sự
- Biết các nguyên tắc quản trị trong doanh nghiệp
- Trình bày được nội dung của công nghệ và quản trị khoa học công nghệ trong doanh nghiệp
- Mô tả được các nội dung của hoạt động quản trị nhân sự
- Vận dụng vào thực tế công tác quản trị nhân sự và quản trị khoa học công nghệ ở doanh nghiệp.
- Nghiêm túc khi nghiên cứu

#### *Nội dung:*

*Thời gian: 9 giờ*

1. Nội dung của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
  - 1.1. Khái niệm quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
  - 1.2. Vai trò của quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
  - 1.3. Nguyên tắc quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
  - 1.4. Hoạt động quản trị nhân sự
    - Chính sách nhân sự
    - Hoạch định nguồn nhân lực
    - Tuyển mộ và tuyển chọn
    - Các phương pháp tuyển mộ
    - Huấn luyện và phát triển

- Đánh giá công việc
  - Sự đăi ngộ về tài chính
2. Quản trị khoa học công nghệ trong doanh nghiệp
- 2.1. Khái quát về công nghệ và quản trị khoa học công nghệ
- Khái quát về công nghệ
  - Quản trị khoa học công nghệ
- 2.2. Ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ
- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật
  - Chuyển giao công nghệ

#### Chương 4: **Quản trị chi phí, kết quả và các chính sách tài chính doanh nghiệp**

##### *Mục tiêu:*

- Định nghĩa được doanh thu, thương vụ, chi phí và lợi nhuận
- Trình bày được các phương pháp quản trị chi phí kết quả theo hai chìa khoá: phân bổ truyền thống và mức lãi thô
- Trình bày được nội dung các chính sách tài chính quan trọng của doanh nghiệp
- Vận dụng phương pháp tính mức lãi thô để đưa ra mức giá đàm phán cho một đơn hàng
- Giải thích được thế nào là tài chính và quản trị tài chính
- Vận dụng vào thực tiễn công tác quản trị tài chính để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp.
- Nghiêm túc khi nghiên cứu

##### *Nội dung:*

*Thời gian: 10 giờ*

1. Quản trị chi phí, kết quả
- 1.1. Các khái niệm cơ bản
- Doanh thu và hoạt động doanh thu
  - Thương vụ
  - Chi phí
  - Lợi nhuận

1.2. Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức sử dụng các chìa khoá phân bổ truyền thống

1.3. Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức sử dụng chìa khoá mức lãi thô

2. Quản trị các chính sách tài chính doanh nghiệp

2.1. Khái niệm, vai trò và nội dung của quản trị tài chính

2.2. Một số chính sách tài chính quan trọng của doanh nghiệp

a. Chính sách nguồn vốn

b. Chính sách mắc nợ của doanh nghiệp

c. Chính sách thay thế tín dụng

d. Chính sách khấu hao

e. Chính sách quản trị dự trữ

f. Chính sách bán chịu của doanh nghiệp

3. Kiểm tra

## Chương 5: Kế toán và ra quyết định

*Mục tiêu:*

- Xác định được vai trò và tính chất của kế toán
- Biết những ngành kế toán chủ yếu trong doanh nghiệp và những người sử dụng thông tin kế toán
- Mô tả được các báo cáo tài chính của doanh nghiệp
- Tóm tắt được nội dung của ngân sách và hoạch định ngân sách
- Giải thích được những nguyên tắc và khái niệm kế toán mà các kế toán viên thường áp dụng
- Tính được các tỷ số tài chính
- Vận dụng thu thập, xử lý các thông tin của kế toán để lập kế hoạch tài chính tương lai cho doanh nghiệp
- Nghiêm túc khi nghiên cứu

*Nội dung:*

*Thời gian: 7 giờ*

1. Thông tin kế toán

1.1. Tính chất và vai trò của kế toán

1.2. Những ngành kế toán chủ yếu

### 1.3. Các báo cáo tài chính

- Báo cáo thu nhập (Báo cáo lãi - lỗ)
- Bảng cân đối tài sản
- Báo cáo luân chuyển ngân quỹ

### 1.4. Những người sử dụng thông tin kế toán

- Nhóm người sử dụng bên ngoài công ty
- Nhóm người sử dụng bên trong công ty

### 1.5. Khái niệm và nguyên tắc kế toán

## 2. Kế toán và ra quyết định

### 2.1. Hoạch định và kiểm soát tài chính

### 2.2. Các tỷ số tài chính

- Tỷ số luân chuyển vốn lưu động
- Tỷ số hoàn vốn đầu tư
- Tỷ số lợi tức thuần biên tế
- Tỷ số thu nhập của mỗi cổ phần

### 2.3. Ngân sách và hoạch định ngân sách

- Khái niệm
- Quy trình hoạch định ngân sách
- Sử dụng ngân sách
- Ngân sách tiền mặt
- Thiết lập ngân sách đầu tư

## 3. Kiểm soát trong doanh nghiệp

### 3.1. Vai trò và mục đích của kiểm soát

### 3.2. Trình tự, nội dung và phương pháp kiểm soát

### 3.3. Trách nhiệm của các cơ quan kiểm soát trong từng loại hình doanh nghiệp

## IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Phòng học lý thuyết 60 chỗ ngồi, bàn, ghế, bảng
- Giáo trình, đề cương, giáo án
- Mô hình học cụ: bảng biểu, sơ đồ, đồ thị,...

- Máy tính, máy chiếu, phong chiếu
- Nguyên vật liệu và các nguồn lực khác: tài liệu phát tay,...
- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm
- Bài tập thực hành

## V. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

### 1. Nội dung:

- Kiến thức:
  - + Trình bày được những nội dung cơ bản về tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp, các chức năng của quản trị doanh nghiệp
- Kỹ năng:
  - + Vận dụng kiến thức của môn học và kết hợp với các môn học khác để giải thích một số mô hình tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp.

### 2. Phương pháp đánh giá

Tham gia ít nhất 80% thời gian học lý thuyết, 100% giờ thực hành, thực tập theo quy định của môn đụn;

- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra và các bài thực hành.
- Đánh giá trong quá trình học:
  - + Bài kiểm tra viết (trắc nghiệm) định kỳ;
  - + Bài thực hành cá nhân hoặc nhóm.
- Đánh giá cuối môn học: bài thi tự luận (lý thuyết kết hợp thực hành), hoặc trắc nghiệm.
- Thang điểm 10

## VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC

1. Phạm vi áp dụng chương trình: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng nghề Kế toán tại trường Cao đẳng công nghiệp Phúc Yên. Tổng thời gian thực hiện môn học là 30 tiết, giáo viên giảng các tiết lý thuyết kết hợp với các bài tập thực hành đan xen.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- + *Đối với giáo viên:*
  - Hình thức giảng dạy chính của môn học: lý thuyết kết hợp với thực hành;
  - Trước khi giảng dạy cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy như câu hỏi trắc nghiệm, bài tập, sơ đồ, hình ảnh minh họa...
  - Chuẩn bị tốt các tài liệu minh họa và áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để phát huy tính chủ động, tích cực cho người học;

- Tổ chức lớp thành các nhóm thực hành.
- Một số kỹ năng thực hành nên tổ chức đóng vai và hướng dẫn thực hiện.
- + *Đối với người học:*

- Mỗi bài đều được cấu trúc: mục tiêu, nội dung chính và cuối mỗi bài đều có các câu hỏi ôn tập, như vậy người học cần nắm bắt được mục tiêu và nội dung cơ bản của bài trước khi đi sâu vào các nội dung cụ thể.

- Thường xuyên đọc các tài liệu tham khảo, cập nhật thông tin những tài liệu liên quan như: sách tham khảo, tạp chí chuyên ngành, các trang thông tin điện tử (website) để mở rộng thêm kiến thức và thực hành các nội dung có liên quan nhằm tiếp thu kiến thức và hình thành kỹ năng nghề nghiệp

### 3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Các loại hình doanh nghiệp
- Lập kế hoạch trong doanh nghiệp
- Quản trị nhân sự, khoa học công nghệ trong doanh nghiệp
- Quản trị chi phí kết quả và tài chính trong doanh nghiệp
- Kế toán và ra quyết định

### 4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình quản trị kinh doanh của Học viện Hành chính quốc gia – Nhà xuất bản lao động, 2016
- Giáo trình Quản trị doanh nghiệp dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp của Sở giáo dục đào tạo Hà Nội, 2016
- Giáo trình quản trị học của PGS.TS. Nguyễn Thị Liên Diệp – Nhà xuất bản thống kê, 2016
- Giáo trình Quản trị doanh nghiệp của tác giả Nguyễn Hải Sản - Nhà xuất bản tài chính, 2016
- Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện
- Thông tin trên các tạp chí chuyên ngành như: Thời báo kinh tế, Diễn đàn doanh nghiệp
- Thông tin trên truyền hình, báo, đài
- Thông tin trên mạng internet.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: **Kinh tế thương mại**

2. Mã số môn học: MĐ39

Thời gian môn học: 45h

(Lý thuyết: 42h; Kiểm tra 3h)

### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Kinh tế học thương mại là một môn khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở của nghề thương mại, môn học này được bố trí giảng dạy sau môn kinh tế chính trị và trước các môn cơ sở khác của nghề.

- Tính chất: Kinh tế học thương mại là môn học nghiên cứu các khái niệm, phạm trù nhằm chỉ rõ bản chất của kinh tế thương mại. Và nghiên cứu những vấn đề liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ và các vấn đề nguồn lực là cơ sở để học các môn chuyên ngành của nghề.

### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức:

Trình bày được các vấn đề kinh tế cơ bản liên quan đến chức năng, tác động của thương mại trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Cùng những vấn đề cốt lõi nhất của kinh tế thương mại hàng hóa và dịch vụ, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ...

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các tác động của thương mại lên các lĩnh vực;

+ Nắm được những vấn đề cốt lõi nhất của kinh tế thương mại hàng hóa và kinh tế thương mại dịch vụ;

+ Hiểu được các khía cạnh có liên quan đến đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ ;

+ Vận dụng để nghiên cứu các vấn đề về nguồn lực phát triển thương mại và hiệu quả thương mại theo cách tiếp cận phát triển bền vững;

- Thái độ:

Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1.	<b>Chương 1: Bài Mở đầu</b> 1. Bản chất của kinh tế thương mại 2. Những lý thuyết cơ bản và lợi thế so sánh trong thương mại 3. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học kinh tế thương mại	5	5		



2.	<b>Chương 2: Chức năng và những tác động của thương mại</b> 1.Chức năng của thương mại 2.Cơ sở luận nghiên cứu và phân loại các tác động của thương mại 3.Những tác động của thương mại về kinh tế, xã hội và môi trường	6	6		
3.	<b>Chương 3: Thương mại hàng hóa</b> 1.Bản chất và các phương thức mua bán chủ yếu trong thương mại hàng hóa 2.Những vấn đề cơ bản của kinh tế thương mại hàng hóa 3.Hiệp định GATT và các xu hướng tự do hóa, các vấn đề bảo hộ trong thương mại hàng hóa	13	12		1
4.	<b>Chương 4: Thương mại dịch vụ, thương mại quyền sở hữu trí tuệ và thương mại liên quan đến đầu tư</b> 1.Thương mại dịch vụ 2.Thương mại quyền sở hữu trí tuệ 3.Thương mại liên quan đến đầu tư	13	12		1
5.	<b>Chương 5:Nguồn lực và hiệu quả thương mại</b> 1.Nguồn lực thương mại 2.Hiệu quả thương mại 3.Khai thác và sử dụng nguồn lực thương mại theo hướng phát triển bền vững	8	7		1
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>42</b>	<b>0</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: Bài mở đầu

#### Mục tiêu:

- Xác định được đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học
- Trình bày được khái niệm, phân loại và bản chất của thương mại
- Thực hiện được các bài tập tình huống, phân loại thương mại
- Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình nghiên cứu, học tập

#### Nội dung:

Thời gian: 4h

1. Bản chất của thương mại
  - 1.1. Lịch sử ra đời của thương mại
  - 1.2. Bản chất kinh tế của thương mại
  - 1.3. Phân loại thương mại
2. Những lý thuyết cơ bản và lợi thế so sánh trong thương mại *Thời gian: 2h*
  - 2.1. Lý thuyết của Adam Smith
  - 2.2. Lý thuyết của D. Ricardo hay còn gọi là lý thuyết về lợi thế so sánh
  - 2.3. Lý thuyết của Haberler về lợi thế so sánh
  - 2.4. Lý thuyết của Heckscher - Ohlin
3. Đối tượng nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học *Thời gian: 1h*
  - 3.1. Đối tượng, nội dung
  - 3.2. Kết cấu môn học
  - 3.3. Phương pháp nghiên cứu và vị trí của môn học

## Chương 2: Chức năng và những tác động của thương mại

*Mục tiêu:*

- Trình bày được các chức năng của thương mại, phân loại những tác động của thương mại và ảnh hưởng của những tác động đó đến kinh tế, xã hội và môi trường.
- Thực hiện được các bài tập tình huống
- Tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu

*Nội dung:*

*Thời gian: 6h (LT:6h;)*

1. Chức năng của thương mại *Thời gian: 2h*
  - 1.1. Chức năng chung của thương mại
  - 1.2. Biểu hiện chức năng của thương mại trong lĩnh vực hàng hóa
2. Cơ sở lý luận và phân loại các tác động của thương mại *Thời gian: 2h*
  - 2.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu tác động thương mại
  - 2.2. Phân loại các tác động của thương mại
  - 2.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tác động của thương mại
3. Những tác động của thương mại về kinh tế, xã hội và môi trường *Thời gian: 2h*
  - 3.1. Những tác động kinh tế của thương mại
  - 3.2. Những tác động xã hội của thương mại
  - 3.3. Những tác động môi trường của thương mại

## Chương 3: Thương mại hàng hóa

*Mục tiêu:*

- Trình bày được bản chất và các phương thức chủ yếu của thương mại hàng hóa.
- Thực hiện được các bài tập tình huống liên quan đến hiệp định GATT và các xu hướng tự do hóa, các vấn đề liên quan đến bảo hộ hàng hóa.
- Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu

*Nội dung:*

*Thời gian: 13 (LT:12h;KT: 1h)*

1. Bản chất và các phương thức mua bán chủ yếu trong thương mại hàng hóa

*Thời gian: 4h*

1.1. Bản chất và phân loại thương mại hàng hóa

1.2. Những đặc điểm cơ bản của thương mại hàng hóa

1.3. Các phương thức mua bán chủ yếu trong thương mại hàng hóa

2. Những vấn đề cơ bản của kinh tế thương mại hàng hóa

*Thời gian: 4h*

2.1. Nhu cầu có khả năng thanh toán về hàng hóa

2.2. Cung ứng và nguồn cung ứng hàng hóa

2.3. Dự trữ hàng hóa trong lưu thông

2.4. Chi phí lưu thông hàng hóa

3. Hiệp định GATT và các xu hướng tự do hóa, các vấn đề bảo hộ trong thương mại hàng hóa

*Thời gian: 4h*

3.1. Hiệp định chung về thương mại và thuế quan ( GATT) và những hiệp định liên quan đến GATT của WTO

3.2. Vấn đề bảo hộ trong thương mại hàng hóa

3.3. Xu hướng cơ bản về hội nhập trong thương mại hàng hóa quốc tế

4. Kiểm tra

*Thời gian: 1h*

#### **Chương 4: Thương mại dịch vụ, thương mại quyền sở hữu trí tuệ và thương mại liên quan đến đầu tư**

*Mục tiêu:*

- Trình bày được lý thuyết về thương mại dịch vụ, thương mại quyền sở hữu trí tuệ, thương mại liên quan đến đầu tư.
- Thực hiện được các bài tập tình huống liên quan đến thương mại dịch vụ, thương mại quyền sở hữu trí tuệ, thương mại liên quan đến đầu tư.
- Chủ động, tích cực trong quá trình học tập và nghiên cứu môn học

*Nội dung:*  
*(LT:12h;KT:1h)*

*Thời gian: 12h*

1. Thương mại dịch vụ

*Thời gian: 4h*

1.1. Bản chất của thương mại dịch vụ

1.2. Vai trò của thương mại dịch vụ

1.3. Các hiệp định liên quan đến thương mại dịch vụ

2. Thương mại quyền sở hữu trí tuệ

*Thời gian: 4h*

2.1. Bản chất của thương mại quyền sở hữu trí tuệ

2.2. Vai trò của thương mại quyền sở hữu trí tuệ

2.3. TRIPs và các hiệp định khác liên quan đến thương mại quyền sở hữu trí tuệ

3. Thương mại liên quan đến đầu tư

*Thời gian: 4h*

3.1. Bản chất của thương mại liên quan đến đầu tư

3.2. Vai trò của thương mại liên quan đến đầu tư

3.3. TRIMs và các hiệp định khác liên quan đến đầu tư

4. Kiểm tra

*Thời gian: 1h*

## **Chương 5: Nguồn lực và hiệu quả thương mại**

*Mục tiêu:*

- Hiểu được thế nào là nguồn lực và hiệu quả thương mại và cách sử dụng nguồn lực thương mại theo hướng bền vững.

- Thực hiện được các bài tập tình huống liên quan đến xác định hiệu quả thương mại

- Nghiêm túc, tích cực, chủ động trong việc học tập, nghiên cứu

*Nội dung:*

*Thời gian: 8h (LT:7h;KT:1h)*

1. Nguồn lực thương mại

*Thời gian: 2h*

1.1. Khái niệm và phân loại nguồn lực thương mại

1.2. Vai trò của nguồn lực đối với sự phát triển thương mại

1.3. Chi phí nguồn lực thương mại

2. Hiệu quả thương mại

*Thời gian: 2.5h*

2.1. Bản chất và phân loại hiệu quả thương mại

2.2. Phương pháp phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế của thương mại

2.3. Nâng cao hiệu quả kinh tế thương mại

3. Khai thác và sử dụng nguồn lực thương mại theo hướng phát triển bền vững

*Thời gian: 2.5h*

3.1. Bản chất của phát triển bền vững

3.2. Những tiêu chí cơ bản của phát triển bền vững

3.3. Khai thác và sử dụng nguồn lực thương mại theo hướng bền vững

4. Kiểm tra

*Thời gian: 1h*

#### IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Giáo trình, đề cương, giáo án
- Máy tính, máy chiếu
- Nguyên vật liệu và các nguồn lực khác...
- Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn kinh tế thương mại
- Bài tập tình huống

#### V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ::

- Kiểm tra lý thuyết với các nội dung đã học có liên hệ với thực tiễn.
- Kiểm tra và đánh giá các bài thảo luận của các nhóm qua các bài thảo luận.
- Đánh giá trong quá trình học: Kiểm tra viết (Tự luận và trắc nghiệm)
- Đánh giá cuối môn học: Kiểm tra theo hình thức: Vấn đáp, Viết (Tự luận, Trắc nghiệm)

#### VI. HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH:

1. Phạm vi áp dụng chương trình: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng nghề. Tổng thời gian thực hiện môn học là 45 giờ, giáo viên giảng các tiết lý thuyết kết hợp với các bài tập thực hành đan xen.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm
- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Chức năng và những tác động của thương mại
- Thương mại hàng hóa
- Thương mại dịch vụ, thương mại quyền sở hữu trí tuệ, thương mại liên quan đến đầu tư
- Nguồn lực và hiệu quả thương mại theo hướng bền vững

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Bài giảng Kinh tế thương mại đại cương – ĐH Thương Mại
- Bài giảng Kinh tế thương mại Việt Nam – ĐH Thương Mại
- Giáo trình kinh tế thương mại - Sở Giáo dục Hà Nội

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: **Kinh tế học căn bản**

2. Mã môn học: MH 40

Thời gian môn học: 45h (Lý thuyết 12h; Thực hành: 30h Kiểm tra: 3h)

### I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Kinh tế học căn bản là một môn khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở của nghề thương mại, môn học này được bố trí giảng dạy sau môn kinh tế chính trị và trước các môn cơ sở khác của nghề.

- Tính chất: Kinh tế học căn bản là môn học nghiên cứu các khái niệm, phạm trù nhằm chỉ rõ bản chất của kinh tế thương mại. Và nghiên cứu những vấn đề liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ và các vấn đề nguồn lực là cơ sở để học các môn chuyên ngành của nghề

### II. MỤC TIÊU MÔN HỌC

- Kiến thức:

+ Cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô.

+ Rèn luyện cho học sinh khả năng phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các hiện tượng và quá trình biến đổi kinh tế trong một nền kinh tế thị trường.

- Kỹ năng:

+ Cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước, giúp học sinh hiểu và vận dụng vào tình hình của Việt Nam.

+ Phân tích được các tác động của thương mại lên các lĩnh vực;

+ Nắm được những vấn đề cốt lõi nhất của cung và cầu, cạnh tranh và độc quyền, hành vi của người tiêu dùng

+ Hiểu được các khía cạnh có liên quan đến đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ ;

+ Vận dụng để nghiên cứu các vấn đề về nguồn lực phát triển thương mại và hiệu quả thương mại theo cách tiếp cận phát triển bền vững;

- Thái độ:

Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay

### III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Số TT	Tên chương mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1.	<b>Chương 1. Đại cương về kinh tế học</b> 1.1. Kinh tế học là gì 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế 1.3. Lý thuyết về sự lựa chọn	4	1	3	

2.	<b>Chương 2. Tổng sản phẩm trong nước và tổng sản phẩm quốc dân</b> 2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 2.2. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) 2.3. Các chỉ số kinh tế khác 2.4. Đồng nhất thức kinh tế vĩ mô	4	1	3	
3.	<b>Chương 3. Tổng cầu, chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ</b> 3.1. Khái niệm tổng cầu 3.2. Tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn 3.3. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng có Chính phủ 3.4. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở có Chính phủ 3.5. Chính sách tài khoá 3.6. Chính sách tiền tệ	6	1	4	1
4.	<b>Chương 4. Lạm phát và thất nghiệp</b> 4.1. Thất nghiệp 4.2. Lạm phát 4.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	5	1	4	
5.	<b>Chương 5: Cầu - cung</b> 5.1. Cầu 5.2. Cung 5.3. Cân bằng của thị trường	7	2	4	1
6.	<b>Chương 6. Lý thuyết hành vi người sản xuất</b> 6.1. Doanh nghiệp và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp 6.2. Lý thuyết sản xuất 6.3. Chi phí sản xuất 6.4. Lợi nhuận	6	2	4	
7.	<b>Chương 7. Thị trường</b> 7.1. Khái niệm và phân loại thị trường 7.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 7.3. Thị trường độc quyền 7.4. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo 7.5. Thị trường sức lao động	6	2	4	
8	<b>Chương 8. Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ</b> 8.1. Những khuyết tật của kinh tế thị trường	7	2	4	1

	8.2. Chức năng, công cụ, phương pháp điều tiết của Chính phủ				
	<b>Cộng</b>	<b>45</b>	<b>12</b>	<b>30</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Chương 1. Đại cương về kinh tế học**

*Thời gian: 4h*

- 1.1. Kinh tế học là gì
  - 1.1.1. Khái niệm kinh tế học
  - 1.1.2. Lịch sử ra đời và phát triển
- 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học
  - 1.2.1. Đối tượng
  - 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu
- 1.3. Lý thuyết về sự lựa chọn
  - 1.5.1. Tại sao phải lựa chọn
  - 1.5.2. Mục tiêu của sự lựa chọn
  - 1.5.3. Chi phí cơ hội, lợi ích cận biên
  - 1.5.4. Đường giới hạn khả năng sản xuất

### **Chương 2. Tổng sản phẩm trong nước và tổng sản phẩm quốc dân**

*Thời gian: 4h*

- 2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Cơ sở của phương pháp xác định GDP
  - 2.1.3. Các phương pháp xác định GDP
- 2.2. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP)
  - 2.2.1. Khái niệm
  - 2.2.2. Phương pháp tính
- 2.3. Các chỉ số kinh tế khác
- 2.4. Đồng nhất thức kinh tế vĩ mô

### **Chương 3. Tổng cầu, chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ**

*Thời gian: 6h*

- 3.1. Khái niệm tổng cầu
- 3.2. Tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn
- 3.3. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng có Chính phủ
- 3.4. Tổng cầu và sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở có Chính phủ
- 3.5. Chính sách tài khoá
  - 3.5.1. Khái niệm
  - 3.5.2. Cơ chế hoạt động
- 3.6. Chính sách tiền tệ
  - 3.6.1. Khái niệm
  - 3.6.2. Cơ chế hoạt động

### **Chương 4. Lạm phát và thất nghiệp**

*Thời gian: 5h*

- 4.1. Thất nghiệp
  - 4.1.1. Khái niệm
  - 4.1.2. Phân loại thất nghiệp
  - 4.1.3. Thị trường lao động
- 4.2. Lạm phát



- 4.2.1. Khái niệm và phương pháp đo lường
- 4.2.2. Phân loại lạm phát
- 4.2.3. Tác hại của lạm phát
- 4.2.4. Các lý thuyết về lạm phát
- 4.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp
  - 4.3.1. Đường Philips ngắn hạn
  - 4.3.2. Đường Philips dài hạn

## **Chương 5: Cầu - cung**

*Thời gian: 7h*

- 5.1. Cầu
  - 5.1.1. Khái niệm và luật cầu
  - 5.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng
  - 5.1.3. Sự vận động và dịch chuyển của đường cầu
  - 5.1.4. Hệ số co giãn của cầu theo giá cả
- 5.2. Cung
  - 5.2.1. Khái niệm và luật cung
  - 5.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung
- 5.3. Cân bằng của thị trường
  - 5.3.1. Các trạng thái cân bằng
  - 5.3.2. Tình trạng dư thừa và thiếu hụt của thị trường
  - 5.3.3. Sự thay đổi trạng thái cân bằng

## **Chương 6. Lý thuyết hành vi người sản xuất**

*Thời gian: 6h*

- 6.1. Doanh nghiệp và những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp
  - 6.1.1. Doanh nghiệp, quá trình kinh doanh và chu kỳ kinh doanh
  - 6.1.2. Những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp
- 6.2. Lý thuyết sản xuất
  - 6.2.1. Hàm sản xuất
  - 6.2.2. Sản xuất trong ngắn hạn
  - 6.2.3. Sản xuất trong dài hạn
  - 6.2.4. Lựa chọn đầu vào tối ưu
- 6.3. Chi phí sản xuất
  - 6.3.1. Chi phí trong ngắn hạn
  - 6.3.2. Chi phí dài hạn
  - 6.3.3. Chi phí kinh tế - kế toán
- 6.4. Lợi nhuận
  - 6.4.1. Khái niệm, nhân tố ảnh hưởng
  - 6.4.2. Tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá doanh thu

## **Chương 7. Thị trường**

*Thời gian: 6h*

- 7.1. Khái niệm và phân loại thị trường
  - 7.1.1. Khái niệm
  - 7.1.2. Phân loại thị trường
- 7.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
  - 7.2.1. Đặc điểm
  - 7.2.2. Đường cầu và đường doanh thu cận biên
  - 7.2.3. Giá, sản lượng và lợi nhuận của hãng cạnh tranh hoàn hảo
  - 7.2.4. Điểm hoà vốn, đóng cửa hay tiếp tục sản xuất
  - 7.2.5. Đường cung của hãng cạnh tranh hoàn hảo
  - 7.2.6. Thặng dư sản xuất và tiêu dùng
- 7.3. Thị trường độc quyền

- 7.3.1. Khái niệm
- 7.3.2. Đặc điểm
- 7.3.3. Nguyên nhân dẫn đến độc quyền
- 7.3.4. Đường cầu và doanh thu cận biên
- 7.3.5. Quyết định sản xuất của nhà độc quyền
- 7.3.6. Sức mạnh độc quyền
- 7.4. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo
  - 7.4.1. Cạnh tranh độc quyền
  - 7.4.2. Thị trường độc quyền tập đoàn
- 7.5. Thị trường sức lao động
  - 7.5.1. Cung sức lao động
  - 7.5.2. Cầu sức lao động
  - 7.5.3. Cân bằng trong thị trường lao động cạnh tranh hoàn hảo

**Chương 8. Những khuyết tật của kinh tế thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ**

*Thời gian: 7h*

- 8.1. Những khuyết tật của kinh tế thị trường
  - 8.1.1. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo
  - 8.1.2. Ảnh hưởng của ngoại ứng
  - 8.1.3. Sự tồn tại của hàng hoá công cộng
- 8.2. Chức năng, công cụ, phương pháp điều tiết của Chính phủ
  - 8.2.1. Các chức năng của Chính phủ
  - 8.2.2. Phương pháp điều tiết nền kinh tế

**5. Tài liệu tham khảo chính để xây dựng đề cương môn học:**

- [1]. Giáo trình Kinh tế học vĩ mô - NXB giáo dục
- [2]. Giáo trình Kinh tế học vi mô - NXB giáo dục

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**

**1. Tên môn học: TÀI CHÍNH TIỀN TỆ**

**2. Mã môn học: MH41**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: ..... giờ; Kiểm tra 3 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của môn học:**

- Vị trí: Môn học là môn tự chọn, được giảng dạy trong năm thứ 3 của khóa học.

- Tính chất: Học phần này bao gồm những vấn đề chung Học phần này bao gồm những vấn đề chung về tiền tệ và tài chính, các bộ phận cấu thành của thị trường tài chính và hoạt động của thị trường tài chính, những vấn đề cơ bản tài chính công, cấu trúc trung gian tài chính và khái niệm cơ bản lãi suất

### **II. Mục tiêu môn học:**

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiền tệ và tài chính, hệ thống tài chính, các yếu tố cấu thành của hệ thống tài chính, hoạt động của thị trường tài chính, ngân sách Nhà nước, những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp.

- Về kỹ năng: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích sự vận hành của thị trường tài chính .

Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn nghiệp vụ tài chính ngân hàng và một số môn kinh tế khác.

Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề tài chính tiền tệ.

Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức đúng đắn trong việc đánh giá tầm quan trọng của thị trường tài chính trong sự phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau ngay từ khi còn là sinh viên.

### **III. Nội dung môn học:**

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý	Thực hành, thí	Kiểm tra

			<b>thuyết</b>	<b>nhịệm, thảo luận, bài tập</b>	
1	<b>Chương 1: Đại cương về tài chính và tiền tệ</b> 1.1. Khái niệm tiền tệ 1.2. Sự phát triển các hình thái tiền tệ 1.3. Chức năng tiền tệ 1.4. Khái niệm tài chính 1.5. Hệ thống tài chính	8	8	0	0
	<b>Chương 2. Thị trường tài chính</b> 2.1. Khái niệm 2.2. Cấu trúc thị trường tài chính 2.3. Công cụ của thị trường tài chính	10	9		1
	<b>Chương 3. Trung gian tài chính</b> 3.1. Khái niệm và phân loại trung gian tài chính 3.2. Ngân hàng trung gian 3.3. Tổ chức trung gian tài chính phi ngân hàng	8	7		1
	<b>Chương 4. Tài chính</b> 4.1. Tổng quan về tài chính công 4.2. Ngân sách nhà nước	10	9		1
	<b>Chương 5. Lãi suất</b> 5.1. Khái niệm 5.2. Các loại lãi suất 5.3. Phương pháp xác định lãi suất	9	8		1

## 6. Mục tiêu học phần:

- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiền tệ và tài chính, hệ thống tài chính, các yếu tố cấu thành của hệ thống tài chính, hoạt động của thị trường tài chính, ngân sách Nhà nước, những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

### **Chương 1. Đại cương về tài chính và tiền tệ ( Lý thuyết: 8 tiết, Bài tập: 0 tiết)**

*Mục tiêu:*

- Kiến thức: Chương này bàn về sự phát triển của tài chính và vai trò quan trọng của tài chính trong đó sự vận hành thị trường tài chính trôi chảy là yếu tố then chốt trong việc tạo ra tỷ lệ tăng trưởng kinh tế.
- Kỹ năng: có khả năng phân biệt các chức năng của tiền tệ, nắm được hệ thống tài chính của Việt Nam
- Thái độ: có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ...

*Tài liệu: Giáo trình Tài chính - Tiền tệ* PSG-TS Đinh Xuân Hạng *NXB Học viện Tài chính Năm 2011*

#### 1.1. Khái niệm tiền tệ

##### 1.1.1. Định nghĩa

##### 1.1.2. Bản chất

#### 1.2. Sự phát triển các hình thái tiền tệ

#### 1.3. Chức năng tiền tệ

##### 1.3.1. Phương tiện trao đổi

##### 1.3.2. Thước đo giá trị

##### 1.3.3. Cát trữ giá trị

#### 1.4. Khái niệm tài chính

#### 1.5. Hệ thống tài chính

### **Chương 2. Thị trường tài chính (Lý thuyết: 10 tiết, Bài tập: 0 tiết)**

*Mục tiêu:*

- *Kiến thức:* Chương này tìm hiểu về chức năng của thị trường tài chính, cấu trúc của thị trường tài chính bao gồm thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái và thị trường chứng khoán
- *Kỹ năng:* có khả năng nhận biết được kết cấu của thị trường tài chính, chức năng và vai trò của thị trường tài chính, các công cụ của thị trường tài chính của Việt nam
- *Thái độ:* có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ...

*Tài liệu: Giáo trình Tài chính - Tiền tệ* PSG-TS Đinh Xuân Hạng *NXB Học viện Tài chính Năm 2011*

#### 2.1. Khái niệm

#### 2.2. Cấu trúc thị trường tài chính

##### 2.2.1. Căn cứ vào kỳ hạn chứng khoán mua bán trên thị trường

##### 2.2.2. Căn cứ vào mục đích hoạt động của thị trường

##### 2.2.3. Căn cứ vào phương thức tổ chức và giao dịch của thị trường

#### 2.3. Công cụ của thị trường tài chính

### **Chương 3. Trung gian tài chính (Lý thuyết: 8 tiết, Bài tập: 0 tiết)**

*Mục tiêu:*

- *Kiến thức:* Cung cấp các khái niệm, các hình thức xem xét những vấn đề cơ bản của ngân hàng thương mại về bản chất, chức năng vai trò của nó đối với sự phát triển của nền kinh tế xã hội; quá trình huy động vốn tạo lập nên các danh mục tài sản nợ ngân hàng; việc sử dụng nguồn vốn huy động được cho các hoạt động kinh doanh với mục tiêu lợi nhuận cao nhất nếu có thể.
- *Kỹ năng:* có khả năng nhận biết được các trung gian tài chính và các vai trò của trung gian tài chính hiện nay
- *Thái độ:* có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ...

*Tài liệu:* Giáo trình Tài chính - Tiền tệ PSG-TS Đinh Xuân Hạng NXB Học viện Tài chính Năm 2011

3.1. Khái niệm và phân loại trung gian tài chính

3.2. Ngân hàng trung gian

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Các loại hình ngân hàng trung gian

3.2.3. Chức năng các ngân hàng trung gian

3.3. Tổ chức trung gian tài chính phi ngân hàng

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Các loại hình trung gian tài chính phi ngân hàng

3.3.3. Vai trò các trung gian tài chính phi ngân hàng

**Chương 4. Tài chính công** (Lý thuyết: 10 tiết, Bài tập: 0 tiết)

*Mục tiêu:*

- *Kiến thức:* Chương này phân tích các vấn đề thu- chi của ngân sách nhà nước cũng như các biện pháp cân đối ngân sách nhà nước
- *Kỹ năng:* có khả năng phân tích được tình hình thu chi của NSNN, đặc điểm của bội chi NSNN
- *Thái độ:* có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ...

*Tài liệu:* Giáo trình Tài chính - Tiền tệ PSG-TS Đinh Xuân Hạng NXB Học viện Tài chính Năm 2011

4.1. Tổng quan về tài chính công

4.1.1. Khái niệm và đặc điểm tài chính công

4.1.2. Vai trò tài chính công

4.2. Ngân sách nhà nước

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Thu ngân sách Nhà nước

4.2.3. Chi ngân sách Nhà nước

4.2.4. Bội chi ngân sách nhà nước

**Chương 5. Lãi suất** (Lý thuyết: 9 tiết, Bài tập: 0 tiết)

*Mục tiêu:*

-*Kiến thức:* Làm rõ vai trò quan trọng của tín dụng trong nền kinh tế trong đó lãi suất tín dụng là một phạm trù kinh tế tổng hợp và là công cụ điều tiết vĩ mô hàng đầu của nhà nước

- *Kỹ năng:* Giúp sinh viên có khả năng nhận thức được các loại lãi suất trên thị trường, giá trị các luồng tiền

- *Thái độ:*

*Tài liệu: Giáo trình Tài chính - Tiền tệ PSG-TS Đinh Xuân Hạng NXB Học viện Tài chính Năm 2011*

5.1. Khái niệm

5.2. Các loại lãi suất

5.3. Phương pháp xác định lãi suất

5.3.1. Phương pháp tính lãi

5.3.2. Giá trị thời gian của tiền tệ và kỹ thuật chiết khấu các luồng tiền

5.3.3. Lãi suất hoàn vốn và phép đo lãi suất hoàn hảo

5.3.4. Lãi suất hoàn vốn và tỷ suất lợi tức

**8. Tài liệu tham khảo:**

- *Lý thuyết Tài chính tiền tệ của PGS.TS Nguyễn Đăng Dờn, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2011)*

- *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ - Thạc sỹ Trần Ái Kết, Thạc sỹ Phan Tùng Lâm- NXB trường đại học kinh tế TP HCM. Năm 2010*

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: **BẢO HIỂM**

2. Mã môn học: **MH42**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: ..... giờ; Kiểm tra 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Được bố trí ở năm thứ 3 của khóa học, học sau môn Marketing
- Tính chất: là môn học tự chọn

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Cung cấp hệ thống lý luận khoa học về bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thương mại từ nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển đến nội dung hoạt động, ý nghĩa và vai trò đối với sự phát triển kinh tế xã hội trên phạm vi thế giới và ở Việt nam. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản các loại bảo hiểm tồn tại trong nền kinh tế, khái niệm, đặc điểm và phương pháp thanh toán của từng loại bảo hiểm trong đời sống xã hội.
- Về kỹ năng: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích các nghiệp vụ bảo hiểm, và phương thức thanh toán bảo hiểm trong từng nghiệp vụ thương mại trách nhiệm dân sự..
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức đúng đắn trong việc đánh giá tầm quan trọng của bảo hiểm trong đời sống xã hội. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau ngay từ khi còn là sinh viên.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Chương 1: Chương 1. Tổng quan về bảo hiểm</b> 1.1. Sự cần thiết khách quan của bảo hiểm 1.2. Bản chất của bảo hiểm 1.3. sự ra đời và phát triển của bảo hiểm 1.4. Vai trò kinh tế và xã hội của bảo hiểm	8	8		



	1.5 Đối tượng và nội dung nghiên cứu của bảo hiểm				
2	<b>Chương 2. Bảo hiểm xã hội – bảo hiểm y tế - bảo hiểm thất nghiệp</b> 2.1. Bảo hiểm xã hội 2.2. Bảo hiểm y tế 2.3. Bảo hiểm thất nghiệp	12	11		1
3	<b>Chương 3. Bảo hiểm thương mại</b> 3.1. Khái niệm và nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm thương mại 3.2. Phân loại bảo hiểm thương mại 3.3. Khái quát chung về hợp đồng bảo hiểm thương mại 3.4. Tái bảo hiểm trong bảo hiểm thương mại	12	11		1
4	<b>Chương 4. Một số loại hình bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm dân sự</b> 4.1. Bảo hiểm tài sản 4.2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới với người thứ 3	7	7		
5	<b>Chương 5: Bảo hiểm con người</b> 5.1. Bảo hiểm con người 5.2. Một số loại nghiệp vụ bảo hiểm con người	6	5		1

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1: Chương 1. Tổng quan về bảo hiểm**

Thời gian: 8 giờ

Mục tiêu:

- Kiến thức: Trong chương này giới thiệu cho sinh viên tổng quan về nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển của bảo hiểm trên thế giới và ở Việt nam, Cung cấp những kiến thức chung về bảo hiểm như bản chất, vai trò đặc điểm...
- Kỹ năng :Có khả năng nhận biết sự cần thiết của bảo hiểm trong đời sống xã hội
- Thái độ: có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ...

Tài liệu học tập:

- Giáo trình Kinh tế bảo hiểm –PGS.TS Nguyễn Văn Định. NXB Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Năm 2010
- Giáo trình Nghiệp vụ bảo hiểm – NCS.ThS Nguyễn Thị Kim Liên.NXB Trường đại học Công nghiệp Tp.HCM. Năm 2011

- 1.1. Sự cần thiết khách quan của bảo hiểm
- 1.2. Bản chất của bảo hiểm
  - 1.2.1. Khái niệm
  - 1.2.2. Bản chất của bảo hiểm
- 1.3. sự ra đời và phát triển của bảo hiểm
  - 1.3.1. Bảo hiểm thương mại
  - 1.3.2. Bảo hiểm xã hội
  - 1.3.3. Bảo hiểm y tế
  - 1.3.4. bảo hiểm thất nghiệp
- 1.4. Vai trò kinh tế và xã hội của bảo hiểm
  - 1.4.1. Vai trò kinh tế
  - 1.4.2. Vai trò xã hội
- 1.5 Đối tượng và nội dung nghiên cứu của bảo hiểm
  - 1.5.1. Đối tượng nghiên cứu của bảo hiểm
  - 1.5.2. Nội dung nghiên cứu của bảo hiểm

**Chương 2. Bảo hiểm xã hội – bảo hiểm y tế - bảo hiểm thất nghiệp** Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về các loại bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng phân biệt được các loại bảo hiểm trong đời sống và cách tính toán số tiền thanh toán bảo hiểm
- Thái độ: có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ và làm các bài tập có liên quan

Tài liệu học tập: - Giáo trình Kinh tế bảo hiểm –PGS.TS Nguyễn Văn Định.  
NXB Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Năm 2010

- Giáo trình Nghiệp vụ bảo hiểm – NCS.ThS Nguyễn Thị Kim Liên.NXB  
Trường đại học Công nghiệp Tp.HCM. Năm 2011

## 2.1. Bảo hiểm xã hội

2.1.1. Bản chất và chức năng của bảo hiểm xã hội

2.1.2. Nguyên tắc và bản chất của bảo hiểm xã hội

2.1.3. Đối tượng và đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

2.1.4. Hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội

2.1.5. Quỹ bảo hiểm xã hội

## 2.2. Bảo hiểm y tế

2.2.1. Bảo hiểm y tế trong đời sống kinh tế xã hội

2.2.2. Đối tượng và phạm vi bảo hiểm y tế

2.2.3. Phương thức bảo hiểm y tế

2.2.4. Quỹ bảo hiểm y tế

## 2.3. Bảo hiểm thất nghiệp

2.3.1. Thất nghiệp và phân loại thất nghiệp

2.3.2. Các chính sách biện pháp khắc phục và khắc phục tình trạng thất nghiệp

2.3.3. Bảo hiểm thất nghiệp

### **Chương 3. Bảo hiểm thương mại**

Thời gian: 12 giờ

Mục tiêu:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những các nguyên tắc, cách phân loại bảo hiểm thương mại. Cung cấp các phương thức giải quyết trong từng nghiệp vụ bảo hiểm thương mại

- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng tính toán cách bảo hiểm bồi thường trong từng nghiệp vụ.

- Thái độ: có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ và làm các bài tập có liên quan

Tài liệu: - Giáo trình Kinh tế bảo hiểm –PGS.TS Nguyễn Văn Định. NXB  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Năm 2010

- Giáo trình Nghiệp vụ bảo hiểm – NCS.ThS Nguyễn Thị Kim Liên.NXB  
Trường đại học Công nghiệp Tp.HCM. Năm 2011

### 3.1. Khái niệm và nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm thương mại

3.1.1. Nguyên tắc 1: Số đông bù số ít

3.1.2. Nguyên tắc 2: Rủi ro có thể bảo hiểm được

3.1.3. Nguyên tắc 3: Phân tán rủi ro

3.1.4. Nguyên tắc 4: Trung thực tuyệt đối

3.1.5. Nguyên tắc 5: Quyền lợi có thể bảo hiểm được

### 3.2. Phân loại bảo hiểm thương mại

3.2.1. Bảo hiểm tài sản

3.2.2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự

3.2.3. Bảo hiểm con người

- 3.3. Khái quát chung về hợp đồng bảo hiểm thương mại
  - 3.3.1. Khái niệm
  - 3.3.2. Chủ thể và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng bảo hiểm
  - 3.3.3. Giá trị bảo hiểm và số tiền bảo hiểm
  - 3.3.4. Phí bảo hiểm
  - 3.3.5. Thời hạn bảo hiểm
- 3.4. Tái bảo hiểm trong bảo hiểm thương mại
  - 3.4.1. Sự cần thiết khách quan
  - 3.4.2. Bản chất của hoạt động tái bảo hiểm

#### **Chương 4. Một số loại hình bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm dân sự**

Thời gian: 7 giờ

Mục tiêu:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các nghiệp vụ. Nguyên tắc thanh toán chi trả bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng tính toán cách bảo hiểm bồi thường trong từng nghiệp vụ.

- Thái độ: có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ và làm các bài tập có liên quan

Tài liệu: - Giáo trình Kinh tế bảo hiểm –PGS.TS Nguyễn Văn Định. NXB Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Năm 2010

- Giáo trình Nghiệp vụ bảo hiểm – NCS.ThS Nguyễn Thị Kim Liên.NXB Trường đại học Công nghiệp Tp.HCM. Năm 2011

#### 4.1. Bảo hiểm tài sản

##### 4.1.1. Khái niệm

##### 4.1.2. Các nguyên tắc áp dụng

###### 4.2.1.1. Nguyên tắc bồi thường

###### 4.2.1.2. Nguyên tắc “thế quyền hợp pháp”

###### 4.2.1.3. Bảo hiểm trùng

##### 4.1.3. Chế độ bồi thường bảo hiểm

###### 4.3.1.1. Chế độ bảo hiểm theo mức miễn thường

###### 4.3.1.2. Chế độ bảo hiểm theo tỷ lệ

###### 4.3.1.3. Chế độ bảo hiểm theo rủi ro đầu tiên

##### 4.1.4. Một số nghiệp vụ bảo hiểm tài sản

###### 4.1.4.1. Bảo hiểm hàng hóa XNK vận chuyển bằng đường biển

###### 4.1.4.2. Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe cơ giới

#### 4.2. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới với người thứ 3

##### 4.6.1. Đối tượng và phạm vi bảo hiểm

###### 4.2.1.1. Đối tượng

###### 4.2.1.2. Phạm vi bảo hiểm

###### 4.2.1.3. Phạm vi được loại trừ bảo hiểm

##### 4.6.2. Nguyên tắc bồi thường

###### 4.6.2.1. Thế quyền

###### 4.6.2.2. Bảo hiểm trùng

#### **Chương 5: Bảo hiểm con người**

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu:

- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các loại hình bảo hiểm con người, đặc điểm và sự cần thiết phải có bảo hiểm con người
- Kỹ năng: Giúp cho sinh viên có khả năng tính toán cách bảo hiểm bồi thường trong từng nghiệp vụ.
- Thái độ: có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ và làm các bài tập có liên quan

Tài liệu: - Giáo trình Kinh tế bảo hiểm –PGS.TS Nguyễn Văn Định. NXB Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Năm 2010

- Giáo trình Nghiệp vụ bảo hiểm – NCS.ThS Nguyễn Thị Kim Liên.NXB Trường đại học Công nghiệp Tp.HCM. Năm 2011

### 5.1. Bảo hiểm con người

5.1.1. Sự cần thiết khách quan của bảo hiểm con người

5.1.2. Khái niệm hợp đồng bảo hiểm con người

5.1.3 Đặc trưng của hợp đồng bảo hiểm con người

### 5.2. Một số loại nghiệp vụ bảo hiểm con người

5.2.1. Bảo hiểm nhân thọ

5.2.2. Bảo hiểm tai nạn cá nhân

5.2.3. Bảo hiểm bệnh tật

5.2.4. Bảo hiểm kết hợp

#### **8.Tài liệu tham khảo:**

- Quyết định số 1369/QĐ-BHXH ngày 12/10/2012 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Quyết định số 488/QĐ-BHXH ngày 23/05/2012 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

- Giáo trình Nguyên lý bảo hiểm- TS. Đoàn Minh Phụng. NXB Học viện Tài chính TB năm 2012

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

**1. Tên môn học: Tài chính quốc tế**

**2. Mã số môn học: MH44**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30..... giờ; Kiểm tra 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học Tài chính quốc tế là môn tự chọn trong năm thứ 3 của khóa học, học sau môn Quản trị doanh nghiệp

- Tính chất: là môn học tự chọn

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Sinh viên cần phải nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, nắm vững những kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế vi mô như thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán và tỷ giá

- Về kỹ năng: Biết vận dụng những kiến thức đã học để làm các bài tập và phân tích các tình huống liên quan tới tài chính quốc tế.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của tài chính quốc tế, có ý thức nghiên cứu tài liệu, thái độ nghiêm túc khi học và làm các công việc thuộc lĩnh vực tài chính quốc tế.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ</b> 1.1. Mở cửa kinh tế và vấn đề tài chính quốc tế 1.2. Tài chính quốc tế ngày càng trở nên quan trọng 1.3. Tỷ giá biến động ngày càng tăng	12	3	9	
2	<b>CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI FOREX</b> 2.1. Tổng quan về thị	10	3	6	1

	trường ngoại hối 2.2. Những vấn đề cơ bản trong kinh doanh ngoại hối 2.3. Nghiệp vụ giao ngày				
3	<b>CHƯƠNG 3: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ</b> 3.1. Khái niệm và giải thích thuật ngữ 3.2. BP, Bản ghi chép phản ánh cung cầu tiền tệ 3.3. Kết cấu và các cán cân bộ phận của BP 3.4. Thặng dư và thâm hụt của BP	15	3	12	
4	<b>CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỶ GIÁ</b> 4.1. Tỷ giá và sức cạnh tranh thương mại quốc tế 4.2. Chính sách tỷ giá hối đoái 4.3. Chế độ tỷ giá và vai trò của NHTW	8	3	3	2

## CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Thời gian: 12 giờ

### \* Mục tiêu:

- **Kiến thức:** cung cấp kiến thức khái quát về tài chính quốc tế
- **Kỹ năng:** biết nhận biết vấn đề nào thuộc tài chính quốc tế
- **Thái độ:** Biết được tầm quan trọng về đại cương tài chính quốc tế, có ý thức nghiên cứu và học tập.

### \* Tài liệu học tập:

- PGS. TS Nguyễn Văn Tiến, *Giáo trình Tài chính quốc tế*, Nhà Xuất bản Thống kê, 2010, chương 1, mục 1,2 và 3

### 1.1. Mở cửa kinh tế và vấn đề tài chính quốc tế

### 1.2. Tài chính quốc tế ngày càng trở nên quan trọng

- 1.2.1. Thương mại quốc tế ngày càng tăng so với thương mại nội địa
  - 1.2.1.1. Bằng chứng tăng trưởng thương mại quốc tế
  - 1.2.1.2. Những nguyên nhân làm tăng trưởng thương mại quốc tế
  - 1.2.1.3. Những lợi ích từ thương mại quốc tế
  - 1.2.1.4. Những rủi ro trong thương mại quốc tế
- 1.2.2. Xu hướng toàn cầu hoá thị trường tài chính
  - 1.2.2.1. Những lợi ích từ toàn cầu hoá đầu tư
  - 1.2.2.2. Những rủi ro trong quá trình toàn cầu hoá đầu tư

### 1.3. Tỷ giá biến động ngày càng tăng

## CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI\_FOREX

Thời gian: 10 giờ

### \* Mục tiêu:

- **Kiến thức:** cung cấp kiến thức khái quát về thị trường ngoại hối, kinh doanh ngoại hối
- **Kỹ năng:** biết được các nghiệp vụ trong thị trường ngoại hối, lựa chọn được phương án tối ưu trong kinh doanh ngoại hối
- **Thái độ:** Biết được tầm quan trọng về thị trường ngoại hối, có ý thức nghiên cứu tài liệu và học tập.

### \* Tài liệu học tập:

- PGS. TS Nguyễn Văn Tiến, *Giáo trình Tài chính quốc tế*, Nhà Xuất bản Thống kê, 2010, chương 2 mục 1,2 và 3

### 2.1. Tổng quan về thị trường ngoại hối

- 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm
- 2.1.2. Các chức năng của thị trường ngoại hối
- 2.1.3. Những thành viên tham gia thị trường ngoại hối
- 2.1.4. Các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối
- 2.1.5. Phân loại thị trường ngoại hối

### 2.2. Những vấn đề cơ bản trong kinh doanh ngoại hối

- 2.2.1. Các khái niệm
- 2.2.2. Phân loại tỷ giá
- 2.2.3. Các phương pháp yết tỷ giá
- 2.2.4. Điểm tỷ giá, cách đọc và cách viết tỷ giá
- 2.2.5. Tỷ giá mua, tỷ giá bán và lãi lỗ trong kinh doanh ngoại hối
- 2.2.6. Tỷ giá nhà môi giới ngoại hối
- 2.2.7. Mua bán hộ, đầu cơ và kinh doanh chênh lệch tỷ giá
- 2.2.8. Tỷ giá chéo và kinh doanh chênh lệch tỷ giá chéo

### 2.3. Nghiệp vụ giao ngày

## CHƯƠNG 3: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Thời gian: 15 giờ

### \* Mục tiêu:

- **Kiến thức:** cung cấp kiến thức khái quát về cán cân thanh toán quốc tế, cách hạch toán các nghiệp vụ vào bảng thanh toán quốc tế



- **Kỹ năng:** biết được mẫu bảng thanh toán quốc tế, ý nghĩa của bảng thanh toán quốc tế, nhận biết được nghiệp vụ nào được đưa vào bảng thanh toán quốc tế, nghiệp vụ nào không được đưa vào bảng thanh toán quốc tế.

- **Thái độ:** Biết được tầm quan trọng về bảng thanh toán quốc tế, có ý thức nghiên cứu học tập.

**\* Tài liệu học tập:**

- PGS. TS Nguyễn Văn Tiên, *Giáo trình Tài chính quốc tế*, Nhà Xuất bản Thống kê, 2010, chương 4 mục 1,2 và 3

**3.1. Khái niệm và giải thích thuật ngữ**

**3.2. BP, Bản ghi chép phản ánh cung cầu tiền tệ**

**3.3. Kết cấu và các cán cân bộ phận của BP**

3.3.1. Kết cấu của BP

3.3.2. Các cán cân bộ phận của BP

**3.4. Thặng dư và thâm hụt của BP**

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Ý nghĩa kinh tế của một số cán cân chính

**CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỶ GIÁ**

Thời gian: 8 giờ

**\* Mục tiêu:**

- **Kiến thức:** cung cấp kiến thức khái quát về tỷ giá, chính sách tỷ giá và chế độ tỷ giá.

- **Kỹ năng:** biết được tỷ giá là gì, có những loại tỷ giá nào, chính sách của tỷ giá bao gồm những vấn đề nào và chế độ tỷ giá ra sao.

- **Thái độ:** Biết được tầm quan trọng về tỷ giá, có ý thức nghiên cứu học tập.

**\* Tài liệu học tập:**

- PGS. TS Nguyễn Văn Tiên, *Giáo trình Tài chính quốc tế*, Nhà Xuất bản Thống kê, 2010, chương 4 mục 1,2 và 3

**4.1. Tỷ giá và sức cạnh tranh thương mại quốc tế**

4.1.1. Khái niệm sức cạnh tranh thương mại quốc tế

4.1.2. Tỷ giá và sức cạnh tranh thương mại quốc tế

4.1.2.1. Tỷ giá danh nghĩa song phương

4.1.2.3. Tỷ giá thực song phương

**4.2. Chính sách tỷ giá hối đoái**

4.2.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách tỷ giá

4.2.2. Các công cụ của chính sách tỷ giá

**4.3. Chế độ tỷ giá và vai trò của NHTW**

4.3.1. Khái niệm và phân loại chế độ tỷ giá

4.3.2. Vai trò của NHTW trong các chế độ tỷ giá

4.3.3. Những mặt trái khi định giá cao nội tệ

**8. Tài liệu tham khảo**

[1] PGS.TS. Nguyễn Văn Tiên, *Tài chính quốc tế hiện đại trong nền kinh tế mở*, Nhà Xuất bản Thống kê, 2005

[2] PGS.TS. Nguyễn Văn Tiên, *Giáo trình thanh toán quốc tế*, Nhà Xuất bản Thống kê, 2007.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

### 1. Tên môn học: Thanh toán và tín dụng quốc tế

#### 1. Mã môn học: MD45

### 2. Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí học sau môn Marketing căn bản
- Tính chất: Là môn học tự chọn

#### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Nêu và trình bày được một số nội dung liên quan đến lĩnh vực thanh toán quốc tế; phân tích được các điều kiện thanh toán quốc tế
- Về kỹ năng:
  - + Tính toán và lựa chọn được đồng tiền phù hợp trong thanh toán quốc tế;
  - + Lập và sử dụng được các công cụ thanh toán quốc tế;
  - + Lập được một số chứng từ thanh toán quốc tế;
  - + Thực hiện được qui trình thanh toán quốc tế tương ứng với các phương thức thanh toán.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hứng thú nghiên cứu, tích cực tìm hiểu và vận dụng vào thực tiễn tại doanh nghiệp

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Chương 1: Tiền tệ và hối đoái</b> 1. Những vấn đề chung về thanh toán quốc tế 2. Tiền tệ trong thanh toán quốc tế 3. Hối đoái 4. Thị trường hối đoái	12	4	8	
2	<b>Chương 2: Các phương tiện và điều kiện thanh toán quốc tế</b> 1. Các phương tiện thanh toán quốc tế 2. Các điều kiện thanh toán quốc tế	24	4	19	1
3	<b>Chương 3: Tín dụng quốc tế</b>	9	4	3	2

	1. Khái niệm và vai trò tín dụng quốc tế 2. Các điều kiện cấp tín dụng quốc tế 3. Quy trình tín dụng					
--	--	--	--	--	--	--

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1: Tiền tệ và hối đoái**

Thời gian: 12 giờ

**I. Những vấn đề chung về thanh toán quốc tế**

1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động thanh toán quốc tế
2. Các chủ thể tham gia thanh toán quốc tế

**II. Tiền tệ trong thanh toán quốc tế**

1. Nguồn gốc ra đời của tiền tệ
2. Khái niệm tiền tệ
3. Phân loại tiền tệ
4. Đảm bảo tiền tệ trong thanh toán quốc tế
5. Các căn cứ của việc sử dụng tiền tệ trong hợp đồng

**III. Hối đoái**

1. Các khái niệm
2. Tỷ giá hối đoái
3. Quản lý nhà nước về tỷ giá hối đoái

**IV. Thị trường hối đoái**

1. Khái niệm và đặc điểm
2. Các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường hối đoái

**Chương 2: Các phương tiện và điều kiện thanh toán quốc tế** Thời gian: 24 giờ

**I. Các phương tiện thanh toán quốc tế**

1. Khái niệm phương tiện thanh toán quốc tế
2. Các phương tiện thanh toán quốc tế

**II. Các điều kiện thanh toán quốc tế**

1. Điều kiện về tiền tệ và giá cả thanh toán
2. Điều kiện về địa điểm thanh toán
3. Điều kiện về thời gian thanh toán
4. Điều kiện về phương thức thanh toán
5. Điều kiện về đảm bảo thanh toán
6. Điều kiện về chứng từ thanh toán

**Chương 3: Tín dụng quốc tế**

Thời gian: 9 giờ

**I. Khái niệm và vai trò tín dụng quốc tế**

1. Khái niệm
2. Phân loại
3. Vai trò của tín dụng trong quan hệ thanh toán quốc tế

**II. Các điều kiện cấp tín dụng quốc tế**

1. Điều kiện về chủ thể tín dụng
2. Điều kiện về đối tượng cấp tín dụng
3. Điều kiện về hạn mức tín dụng
4. Điều kiện về sử dụng tín dụng
5. Điều kiện về đảm bảo tiền vay
6. Điều kiện về thời hạn tín dụng

7. Điều kiện về lãi suất tín dụng
8. Điều kiện về hoàn trả tín dụng
9. Điều kiện về chi phí tín dụng

### **III. Quy trình tín dụng**

1. Cơ sở pháp lý
2. Giao dịch và đàm phán về hợp đồng tín dụng
3. Xác định các điều kiện tín dụng
4. Xây dựng hợp đồng tín dụng

## **6. Tài liệu học tập**

### 6.1. Tài liệu học tập chính

[1] Khoa Thương mại và Du lịch, Bài giảng Thanh toán và tín dụng quốc tế, Trường Cao đẳng Thương mại, 2012;

[2] Khoa Thương mại và Du lịch, Bài tập Thanh toán và tín dụng quốc tế, Trường Cao đẳng Thương mại, 2012.

### 6.2. Tài liệu tham khảo khác

[3] PGS.TS Đinh Xuân Trình, Giáo trình Thanh toán quốc tế, Trường ĐH Ngoại thương, NXB Lao động – Xã hội, 2006;

[4] GS.TS Trần Hoàng Ngân, Giáo trình Thanh toán quốc tế, NXB Thống Kê, 2007;

[5] UCP 600, Phòng Thương mại quốc tế, 2006;

[6] PGS.TS Lê Văn Tề, Giáo trình Thanh toán quốc tế, NXB Thống Kê, 2003